

**LUẬT CẢI CÁCH TÀI CHÍNH PHỐ WALL - DODD FRANK
(MỸ) - NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT
ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI (NĂM 2010)**

LUẬT CẢI CÁCH TÀI CHÍNH PHỔ WALL - DODD FRANK (MỸ) - NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI (NĂM 2010)

Các đoạn được lựa chọn trong Luật Cải cách Phố Wall Dodd-Frank và Luật Bảo vệ người tiêu dùng

Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi Mỹ (FDIC- hay gọi tắt là Tổng Công ty) chịu trách nhiệm thi hành nhiều sáng kiến của Luật Cải cách Phố Wall Dodd-Frank và Luật Bảo vệ người tiêu dùng. Sau đây là một số đoạn được lựa chọn của Luật trao quyền hoặc yêu cầu FDIC hành động

PHẦN 165. TĂNG CƯỜNG GIÁM SÁT VÀ NÂNG TIÊU CHUẨN AN TOÀN ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG CHỊU SỰ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG THỐNG ĐỐC VÀ ĐỐI VỚI MỘT SỐ CÔNG TY SỞ HỮU NGÂN HÀNG NHẤT ĐỊNH.

(d) Kế hoạch xử lý và các báo cáo về rủi ro tín dụng.

(1) Kế hoạch xử lý. – Hội đồng thống đốc có quyền yêu cầu mỗi công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc và các công ty sở hữu ngân hàng được nêu tại tiểu mục (a) phải báo cáo định kỳ cho Hội đồng thống đốc, Hội đồng Giám sát ổn định tài chính (sau đây được gọi tắt là Hội đồng), và Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi liên bang (sau đây được gọi tắt là Tổng công ty) về kế hoạch xử lý nhanh chóng và có trật tự của công ty trong trường hợp khó khăn hoặc đổ vỡ về tài chính, bao gồm:

(A) thông tin về cách thức và mức độ phòng ngừa rủi ro của bất kỳ tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm thuộc sở hữu của công ty phát sinh từ những hoạt động của bất kỳ công ty con phi ngân hàng nào của công ty;

(B) mô tả đầy đủ về cơ cấu sở hữu, tài sản và nợ, và nghĩa vụ hợp đồng của công ty.

(C) xác định việc bảo lãnh chéo đối với các loại chứng khoán khác nhau, xác định các đối tác chính, và quy trình quyết định cơ quan nào sẽ nhận tài sản thế chấp của công ty; và

(D) bất kỳ thông tin nào khác mà Hội đồng thống đốc và Tổng công ty cùng yêu cầu theo nguyên tắc hoặc theo lệnh.

(2) Báo cáo rủi ro tín dụng. – Hội đồng thống đốc có quyền yêu cầu mỗi công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng thống đốc và các công ty sở hữu ngân hàng được nêu tại Tiểu phần (a) báo cáo định kỳ cho Hội đồng thống đốc, Hội đồng, và Tổng công ty về

(A) tính chất và mức độ rủi ro tín dụng mà công ty phải gánh chịu khi cấp tín dụng cho các công ty tài chính phi ngân hàng quan trọng và các công ty sở hữu ngân hàng quan trọng khác; và

(B) tính chất và mức độ rủi ro tín dụng mà các công ty tài chính phi ngân hàng quan trọng và các công ty sở hữu ngân hàng quan trọng khác phải chịu khi cấp tín dụng cho công ty.

(3) Rà soát. – Hội đồng thống đốc và Tổng công ty chịu trách nhiệm rà soát thông tin theo quy định tại tiểu phần này, được các công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc và công ty sở hữu ngân hàng nêu tại Tiểu phần (a) cung cấp.

(4) Thông báo về những sai sót. – Trong trường hợp Hội đồng thống đốc và Tổng công ty cùng nhau quyết định, căn cứ vào đánh giá của họ theo đoạn (3) ở trên, rằng kế hoạch xử lý một công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc hoặc một công ty sở hữu ngân hàng được nêu tại Tiểu phần (a) không đáng tin cậy hoặc không tạo điều kiện xử lý có trật tự công ty theo đề Mục 11, Bộ Luật Hoa Kỳ

(A) Hội đồng thống đốc và Tổng công ty sẽ thông báo cho công ty về những sai sót trong kế hoạch xử lý; và

(B) Công ty sẽ nộp lại bản kế hoạch xử lý trong khung thời gian được Hội đồng thống đốc và Tổng công ty quyết định, với những sửa đổi cho thấy kế hoạch này đáng tin cậy và kết quả là sẽ xử lý có trật tự theo đề Mục 11, Bộ Luật Hoa Kỳ, bao gồm mọi sự thay đổi được đề xuất trong các hoạt động kinh doanh và cơ cấu công ty nhằm tạo điều kiện thực hiện kế hoạch này.

(5) Không trình lại được kế hoạch đáng tin cậy.

(A) Nói chung. – Nếu một công ty tài chính phi ngân hàng được Hội đồng thống đốc giám sát hoặc một công ty sở hữu ngân hàng được nêu tại Tiêu phần (a) không thể trình lại kịp thời kế hoạch xử lý như đã yêu cầu theo Đoạn (4), với những đánh giá như được yêu cầu theo tiêu đoạn (B), Hội đồng thống đốc và Tổng công ty có thể cùng nhau đưa ra những yêu cầu khắt khe hơn về vốn, đòn bẩy tài chính, hoặc thanh khoản, hay những hạn chế về tăng trưởng, các hoạt động, hay kinh doanh của công ty, hoặc công ty con, cho đến khi công ty trình lại kế hoạch đã xử lý sai sót.

(B) Thoái vốn. – Hội đồng thống đốc và Tổng công ty, với sự tham vấn với Hội đồng, có thể cùng chỉ đạo bằng lệnh cho công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc hoặc công ty sở hữu ngân hàng được nêu tại Tiêu phần (a) thoái vốn đối với một số loại tài sản hay hoạt động nào đó được Hội đồng thống đốc và Tổng công ty xác định, nhằm tạo điều kiện cho việc xử lý có trật tự công ty đó theo Mục 11, Bộ Luật Hoa Kỳ, trong trường hợp xảy ra đổ vỡ công ty, trong mọi trường hợp trong đó

(i) Hội đồng thống đốc và Tổng công ty đã cùng nhau đặt ra những yêu cầu khắt khe hơn đối với công ty theo tiêu đoạn (A); và

(ii) Trong vòng 2 năm kể từ ngày được đặt ra những yêu cầu như vậy nêu tại tiêu đoạn (A), công ty đã không thể nộp lại kế hoạch xử lý với những sửa đổi theo yêu cầu ở đoạn (4) (B).

(6) Không có tác động ràng buộc. – Một kế hoạch xử lý được đệ trình theo tiêu mục này không có tính ràng buộc đối với: tòa án phá sản, cơ quan tiếp nhận được chỉ định theo mục II, hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào được ủy quyền hoặc được yêu cầu xử lý công ty tài chính phi ngân hàng do Hội đồng Giám sát, bất kỳ công ty sở hữu ngân hàng nào, hoặc bất kỳ công ty con hoặc phụ thuộc nào của cơ quan kể trên.

(7) Không có quyền hành động cá nhân – không được quyền hành động cá nhân dựa trên kế hoạch xử lý được trình theo quy định của tiêu mục này.

(8) Các quy tắc. – Không quá 18 tháng sau ngày ban hành Luật này, Hội đồng thống đốc và Tổng công ty sẽ cùng nhau ban hành những quy tắc cuối cùng để thực hiện tiêu phần này.

(i) Các cuộc kiểm tra sức chịu đựng. –

(1) Do Hội đồng thống đốc thực hiện. –

(A) Yêu cầu các cuộc kiểm tra hàng năm. – Hội đồng thống đốc, phối hợp với các cơ quan quản lý tài chính chủ quản thích hợp và cơ quan Bảo hiểm Liên bang (thuộc Bộ Tài chính Mỹ), sẽ thực hiện những phân tích hàng năm mà theo đó các công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc và các công ty sở hữu ngân hàng được nêu tại Tiêu phần (a) sẽ trải qua một quá trình đánh giá mức độ đủ vốn, trên cơ sở tổng vốn hợp nhất, để đối phó với các khoản lỗ do các điều kiện kinh tế bất lợi.

(B) Kiểm tra các tham số và hệ quả - Hội đồng thống đốc –

(i) chịu trách nhiệm cung cấp ít nhất 3 bộ điều kiện đánh giá khác nhau theo yêu cầu đánh giá của tiêu mục này, bao gồm điều kiện cơ sở, điều kiện bất lợi và cực kỳ bất lợi;

(ii) có thể yêu cầu kiểm tra như được nêu trong tiêu đoạn (A) đối với các công ty sở hữu ngân hàng và công ty tài chính phi ngân hàng, ngoài những tổ chức mà buộc phải kiểm tra hàng năm theo tiêu đoạn (A);

(iii) có thể xây dựng và áp dụng những kỹ thuật phân tích khác, nếu cần thiết, để xác định, đo lường và giám sát rủi ro đối với sự ổn định tài chính của Hoa Kỳ;

(iv) được quyền yêu cầu các công ty được mô tả trong tiêu đoạn (A) cập nhật kế hoạch xử lý theo yêu cầu ở Tiêu phần (d) (1), khi Hội đồng thống đốc xác định là thích hợp, căn cứ vào kết quả phân tích; và

(v) có trách nhiệm công bố bản tóm tắt những kết quả của các cuộc kiểm tra theo yêu cầu ở tiêu đoạn (A) hoặc khoản (ii) của tiêu đoạn này.

(2) Do công ty thực hiện. –

(A) Yêu cầu. – Một công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc và một công ty sở hữu ngân hàng được mô tả ở Tiêu phần (a) phải tiến hành kiểm tra sức chịu đựng 6 tháng/1 lần. Tất cả các công ty tài chính khác mà có tổng tài sản tổng hợp trên 10.000.000.000 đô la Mỹ và do cơ quan quản lý tài chính chủ chốt của Liên bang điều chỉnh phải tiến hành các cuộc kiểm tra sức chịu đựng hàng năm. Các cuộc kiểm tra được yêu cầu theo tiêu đoạn này phải được thực hiện theo những quy định được nêu trong tiêu đoạn(C).

(B) Báo cáo. – Một công ty được yêu cầu tiến hành các cuộc kiểm tra sức chịu đựng theo tiêu đoạn (A) phải nộp báo cáo cho Hội đồng thống đốc và cơ quan quản lý tài chính chủ chốt tại thời điểm, theo mẫu, và có những thông tin như cơ quan quản lý tài chính chủ chốt yêu cầu.

(C) Các quy định. – Mỗi cơ quan quản lý tài chính chủ chốt của Liên bang, phối hợp với Hội đồng thống đốc và Cơ quan Bảo hiểm Liên bang, chịu trách nhiệm ban hành các quy định nhất quán và tương thích để thực hiện mục này sẽ

(i) định nghĩa thuật ngữ “kiểm tra sức chịu đựng” trong phạm vi quy định của đoạn này;

(ii) xây dựng những phương pháp luận cho việc tiến hành những cuộc kiểm tra sức chịu đựng theo yêu cầu của đoạn này cho ít nhất 3 bộ điều kiện khác nhau, bao gồm điều kiện cơ sở, điều kiện bất lợi và cực kỳ bất lợi;

(iii) xây dựng hình thức và nội dung của báo cáo được yêu cầu ở tiêu đoạn (B); và

(iv) yêu cầu các công ty được nêu trong đoạn này công bố báo cáo tóm tắt về những kết quả của các cuộc kiểm tra sức chịu đựng theo yêu cầu.

PHẦN 171. CÁC YÊU CẦU VỀ VỐN THEO MỨC ĐỘ RỦI RO VÀ ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH

(a) Định nghĩa. – Trong phạm vi quy định của phần này, những thuật ngữ dưới đây được định nghĩa như sau:

(1) Các yêu cầu về vốn đòn bẩy được áp dụng chung– Thuật ngữ “Các yêu cầu về vốn đòn bẩy được áp dụng chung” được hiểu là

(A) các tỷ lệ tối thiểu của vốn cấp 1 trên tổng giá trị tài sản trung bình, do các cơ quan quản lý ngân hàng Liên bang phù hợp xây dựng, áp dụng cho các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm theo các quy

định về hành động xử lý kịp thời ở Phần 38 của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang, không tính đến tổng quy mô tài sản tổng hợp hoặc rủi ro tài chính có yếu tố nước ngoài; và

(B) bao gồm tử số là vốn cấp 1 gồm các thành phần theo quy định, mẫu số là tổng giá trị tài sản trung bình, và tỉ lệ yêu cầu là thương số giữa tử số và mẫu số này

(2) Các yêu cầu về vốn theo mức độ rủi ro được áp dụng chung. – Thuật ngữ “Các yêu cầu về vốn theo mức độ rủi ro được áp dụng chung” được hiểu là

(A) các yêu cầu về vốn theo mức độ rủi ro, do các cơ quan quản lý ngân hàng Liên bang phù hợp đặt ra để áp dụng cho các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm theo các quy định về hành động xử lý kịp thời ở Phần 38 của Luật Bảo hiểm tiền gửi liên bang, không tính đến tổng quy mô tài sản hợp nhất hoặc rủi ro tài chính có yếu tố nước ngoài; và

(B) bao gồm tử số là là vốn cấp 1 gồm các thành phần theo quy định, mẫu số là các tài sản đã điều chỉnh theo rủi ro và tỉ lệ theo yêu cầu là thương số giữa tử số và mẫu số này.

(3) Định nghĩa công ty sở hữu tổ chức nhận tiền gửi. – Thuật ngữ “công ty sở hữu tổ chức nhận tiền gửi” có nghĩa là một công ty sở hữu ngân hàng hoặc công ty sở hữu quỹ tiết kiệm và cho vay (được định nghĩa ở Phần 3 của Luật Bảo hiểm tiền gửi liên bang) được tổ chức ở Hoa Kỳ, kể cả công ty sở hữu ngân hàng hoặc quỹ tiết kiệm và cho vay do một tổ chức nước ngoài sở hữu hoặc kiểm soát, nhưng không bao gồm tổ chức nước ngoài.

(b) Các yêu cầu về vốn tối thiểu. –

(1) Các yêu cầu về vốn đòn bẫy tối thiểu. – Các cơ quan quản lý ngân hàng Liên bang có trách nhiệm phải xây dựng các yêu cầu về vốn đòn bẫy tối thiểu trên cơ sở tổng hợp đối với các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, các công ty sở hữu tổ chức nhận tiền gửi, và các công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc. Các yêu cầu về vốn đòn bẫy được đặt ra ở đoạn này không được thấp hơn các yêu cầu về vốn đòn bẫy được áp dụng chung, được coi là mức sàn đối với mọi yêu cầu về vốn mà cơ quan quản lý ngân hàng có thể yêu cầu, và cũng không thấp hơn về mặt định lượng các yêu cầu về vốn đòn bẫy được áp dụng chung đã có hiệu lực đối với các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm tới ngày ban hành Luật này.

(2) Các yêu cầu tối thiểu về vốn trên cơ sở rủi ro. - Các cơ quan quản lý ngân hàng Liên bang có trách nhiệm xây dựng các yêu cầu tối thiểu về vốn trên cơ sở rủi ro trên cơ sở tổng hợp đối với các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, các công ty sở hữu tổ chức nhận tiền gửi, và các công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc. Các yêu cầu tối thiểu về vốn trên cơ sở rủi ro được đặt ra trong đoạn này không được thấp hơn các yêu cầu về vốn theo mức độ rủi ro được áp dụng chung, được coi như là mức sàn đối với mọi yêu cầu về vốn của cơ quan quản lý ngân hàng, và cũng không thấp hơn về mặt định lượng các yêu cầu về vốn theo mức độ rủi ro được áp dụng chung đã có hiệu lực đối với các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm tới ngày ban hành Luật này.

(3) Những khoản đầu tư vào các công ty tài chính con. – Trong phạm vi quy định của phần này, những khoản đầu tư vào các công ty tài chính con mà các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm được yêu cầu khấu trừ khỏi vốn theo quy định tại Phần 5136A của Đạo luật sửa đổi của Hoa Kỳ hoặc Phần 46(a)(2) của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang không cần khấu trừ khỏi vốn được quy định của các công ty sở hữu tổ chức nhận tiền gửi hoặc các công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc, trừ trường hợp Hội đồng thống đốc hoặc cơ quan quản lý tài chính chủ chốt yêu

cầu phải khấu trừ vốn đối với trường hợp của các công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc.

(4) Thời điểm có hiệu lực và các giai đoạn áp dụng. –

(A) Các công cụ nợ hoặc vốn được phát hành vào ngày hoặc sau ngày 19 tháng 5 năm 2010. – Các công cụ nợ hoặc vốn được các cơ quan sở hữu tổ chức nhận tiền gửi hoặc các công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc phát hành vào hoặc trước ngày 19 tháng 5 năm 2010, sẽ được coi như đã có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2010.

(B) Các công cụ nợ hoặc vốn được phát hành trước ngày 19 tháng 5 năm 2010. – Đối với các công cụ nợ hoặc vốn được các cơ quan sở hữu tổ chức nhận tiền gửi hoặc các công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc phát hành trước ngày 19 tháng 5 năm 2010, bất kỳ sự khấu trừ vốn theo quy định được yêu cầu trong phần này sẽ được thực hiện theo mức độ tăng dần trong giai đoạn 3 năm, bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 năm 2013, trừ trường hợp đã nêu ở tiểu mục (C).

(C) Các công cụ nợ hoặc vốn của các tổ chức nhỏ hơn. – Đối với các công cụ nợ hoặc vốn do các công ty sở hữu tổ chức nhận tiền gửi phát hành trước ngày 19 tháng 5 năm 2010 với tổng tài sản hợp nhất có giá trị ít hơn 15.000.000.000 đô la Mỹ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, và do các tổ chức là các công ty sở hữu chung vào ngày 19 tháng 5 năm 2010, không yêu cầu phải khấu trừ vốn như được yêu cầu đối với các tổ chức khác trong phần này, theo quy định của phần này.

(D) Các công ty sở hữu tổ chức nhận tiền gửi không được Hội đồng thống đốc giám sát trước đây. – Những quy định tại phần này được áp dụng cho công ty sở hữu tổ chức nhận tiền gửi mà không được Hội đồng Thống đốc giám sát cho đến ngày 19 tháng 5 năm 2010, trừ khi được quy định ở tiểu đoạn (A) và (B), sẽ có hiệu lực 5 năm sau ngày ban hành Luật này.

(E) Một số các chi nhánh công ty sở hữu ngân hàng của các tổ chức ngân hàng nước ngoài– Những quy định tại phần này được áp dụng đối với các chi nhánh công ty sở hữu ngân hàng trực thuộc tổ chức ngân hàng nước ngoài mà đã áp dụng quy định của sắc lệnh về Giám sát và Điều tiết SR-01-1 do Hội đồng Thống đốc ban hành (có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 2010), trừ khi được quy định tại tiểu đoạn (A), sẽ có hiệu lực 5 năm sau ngày ban hành Luật này.

(5) Những ngoại lệ. – Những quy định tại phần này sẽ không được áp dụng đối với–

(A) các công cụ nợ hoặc vốn được phát hành ra công chúng Mỹ hoặc bất kỳ cơ quan hay công cụ nào khác theo Luật ổn định kinh tế khẩn cấp năm 2008, và trước ngày 4 tháng 10 năm 2010;

(B) tất cả ngân hàng cho vay mua nhà cấp Liên bang; hoặc

(C) mọi công ty sở hữu ngân hàng nhỏ chịu sự điều chỉnh của Bản tuyên bố chính sách đối với Công ty sở hữu ngân hàng nhỏ của Hội đồng Thống đốc, có hiệu lực vào ngày 19 tháng 5 năm 2010.

(6) Nghiên cứu và báo cáo về việc tiếp cận với nguồn vốn của tổ chức nhỏ. –

(A) Nghiên cứu được yêu cầu. - Người đứng đầu Văn phòng kiểm toán Mỹ, sau khi tham vấn các cơ quan quản lý ngân hàng Liên bang, sẽ tiến hành nghiên cứu về khả năng tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm có quy mô nhỏ hơn.

(B) Phạm vi. – Trong phạm vi nghiên cứu được yêu cầu ở tiểu đoạn (A), thuật ngữ “tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm có quy mô nhỏ hơn” có nghĩa là một tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm với tổng tài sản hợp nhất tối đa là 5.000.000.000 đô la Mỹ.

(C) Báo cáo Quốc hội. Không chậm hơn 18 tháng sau ngày ban hành Luật này, Người đứng đầu Văn phòng Kiểm toán Mỹ phải đệ trình lên Ủy ban về các Vấn đề Ngân hàng, Nhà ở, và Đô thị của Thượng Viện và Ủy ban về Dịch vụ Tài chính của Hạ viện báo cáo tóm tắt các kết quả nghiên cứu được tiến hành theo yêu cầu của tiểu đoạn (A), cùng với mọi khuyến nghị đối với hành động quản lý hoặc pháp lý góp phần tăng cường khả năng tiếp cận vốn của các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm có quy mô nhỏ hơn, mà vẫn đảm bảo cho hoạt động ngân hàng được an toàn và lành mạnh.

(7) Các yêu cầu về vốn để xử lý các hành vi gây ra rủi ro đối với hệ thống tài chính.

(A) Nói chung. – Theo đề xuất của Hội đồng Giám sát ổn định quốc gia, theo quy định tại Phần 120, các cơ quan quản lý ngân hàng Liên bang sẽ xây dựng các yêu cầu về vốn áp dụng đối với các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm, các cơ quan sở hữu tổ chức nhận tiền gửi, và các công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng Thống đốc để có thể xử lý những rủi ro mà các hoạt động của những tổ chức này gây ra, không chỉ đối với tổ chức tham gia vào hoạt động, mà còn đối với các tổ chức nhà nước và tư nhân có liên quan trong trường hợp tình hình bất lợi, ngừng trệ hoặc đổ vỡ của tổ chức hoặc hoạt động của tổ chức đó.

(B) Nội dung. – Những quy định trên đây xử lý ở mức tối thiểu những rủi ro phát sinh từ -

(i) Số lượng đáng kể hoạt động có liên quan các sản phẩm phái sinh, các sản phẩm chứng khoán hóa được mua bán, các loại giấy tờ đảm bảo tài chính được mua bán, vay và cho vay chứng khoán, và các hợp đồng mua lại và các hợp đồng mua lại đảo ngược.

(ii) Tập trung vào các tài sản mà giá trị được ghi trong báo cáo tài chính dựa trên các mô hình chứ không phải là chi phí quá khứ hoặc giá cả có được từ các thị trường 2 chiều có độ sâu và có tính thanh khoản; và

(iii) Tập trung vào thị phần dành cho bất kỳ hoạt động nào có khả năng làm tê liệt các thị trường tài chính nếu tổ chức bất ngờ bị buộc phải chấm dứt hoạt động

PHẦN 209. XÂY DỰNG QUY ĐỊNH; LUẬT KHÔNG XUNG ĐỘT.

Tổng công ty, sau khi tham vấn với Hội đồng giám sát ổn định quốc gia, xây dựng những quy định được cho là cần thiết hay thích hợp để thực hiện mục này [Mục II, Thanh lý có trật tự], gồm các quy định và quy tắc về quyền, lợi ích, và sự ưu tiên của các chủ nợ, đối tác, người có quyền được bảo đảm, hay các bên có liên quan khác đối với bất kỳ công ty tài chính nào bị đóng cửa hoặc bất kỳ tài sản nào hoặc tài sản khác của hoặc do công ty tài chính có vấn đề nắm giữ, và ngăn chặn khả năng xảy ra mẫu thuẫn về lợi ích giữa các tổ chức tiếp nhận được thành lập theo mục này hoặc theo Luật Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang. Ở mức độ có thể, Tổng công ty sẽ tìm cách hài hòa các quy định được ban hành theo phần này với luật về phá sản áp dụng cho công ty tài chính bị đóng cửa.

PHẦN 210. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

(c) Các điều khoản liên quan tới những hợp đồng trước khi Tổng Công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận. —

(1) Quyền từ chối các hợp đồng – Ngoài những quyền khác mà một cơ quan tiếp nhận có thể có, Tổng Công ty- với tư cách là cơ quan tiếp nhận một tổ chức tài chính - có thể phủ nhận hoặc từ chối thực hiện hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng thuê mượn mà trong đó —

(A) tổ chức tài chính bị tiếp nhận đóng vai trò là một bên ký kết hợp đồng ;

(B) theo đánh giá của Tổng Công ty với tư cách là cơ quan tiếp nhận, việc thực hiện hợp đồng là một gánh nặng; và

(C) theo đánh giá của Tổng Công ty với tư cách là cơ quan tiếp nhận, việc phủ nhận hoặc từ chối thực hiện hợp đồng sẽ tạo thuận lợi cho việc giải quyết các vấn đề của công ty bị đóng cửa một cách có trật tự

(2) Thời gian từ chối thực hiện hợp đồng.— Tổng Công ty với tư cách là cơ quan tiếp nhận tổ chức tài chính đổ vỡ sẽ đưa ra quyết định có thực hiện quyền từ chối hay không trong một khoảng thời gian hợp lý.

(3) Yêu cầu bồi thường thiệt hại do từ chối thực hiện hợp đồng. —

(A) Nhìn chung.-Trừ những trường hợp được quy định tại các đoạn (4), (5), và (6) và các tiểu đoạn (C), (D), và (E) của đoạn này, trách nhiệm của Tổng Công ty với vai trò là cơ quan tiếp nhận từ chối thực hiện hợp đồng theo quy định tại đoạn (1) sẽ —

(i) giới hạn chỉ đối với những thiệt hại trực tiếp và có thể bồi thường được; và

(ii) được xác định —

(I) tính tới ngày Tổng Công ty được chỉ định là cơ quan tiếp nhận; hoặc

(II) trong trường hợp hợp đồng hoặc thỏa thuận đã được nêu tại đoạn (8), tính tới ngày phủ nhận hoặc từ chối thực hiện hợp đồng hoặc thỏa thuận đó.

(B) Không có trách nhiệm đối với những thiệt hại khác. —trong phạm vi quy định của tiểu đoạn (A), cụm từ "những thiệt hại trực tiếp và có thể bồi thường" không bao gồm—

(i) các thiệt hại mang tính trừng phạt hoặc cảnh cáo;

(ii) các thiệt hại do những cơ hội hoặc lợi nhuận đã mất; hoặc

(iii) các thiệt hại do đau đớn hoặc chịu đựng.

(C) Việc tính toán các thiệt hại do việc từ chối thực hiện các hợp đồng tài chính hợp lệ. — Trong trường hợp bất cứ hợp đồng hay thỏa thuận tài chính nào áp dụng đoạn (8), các thiệt hại có thể đền bù được sẽ —

(i) được coi là bao gồm các chi phí thông thường và hợp lý cho việc xử lý hoặc các phương thức tính toán hợp lý các thiệt hại được sử dụng trong các ngành đối với các khiếu nại hợp đồng hay thỏa thuận như vậy; và

(ii) được thanh toán phù hợp với quy định tại đoạn này và Tiểu phần (d), trừ trường hợp được quy định khác trong tiểu phần này.

(D) Việc tính toán các thiệt hại do từ chối hoặc phủ nhận thực hiện nghĩa vụ nợ. — Trong trường hợp từ chối thực hiện bất cứ nghĩa vụ nợ nào đối với một khoản tiền vay hay khoản vay có đảm bảo, các thiệt hại thực tế trực tiếp và có thể bồi thường sẽ không thấp hơn khoản cho vay cộng với khoản lãi cộng dồn cộng với bất kỳ khoản chiết khấu ngay khi phát hành cộng dồn nào tính tới ngày Tổng Công ty được chỉ định là Cơ quan Tiếp nhận tổ chức tài chính bị đóng cửa và, tới mức của một khiếu nại bồi thường được chấp nhận và đảm bảo bằng một tài sản có giá trị lớn hơn giá trị khiếu nại bồi thường đó cộng với bất cứ khoản lãi nào tính tới ngày từ chối hoặc phủ nhận thực hiện nghĩa vụ, lãi cộng dồn được tính theo quy định tại Đoạn (1).

(E) Việc tính toán thiệt hại do việc từ chối thực hiện nghĩa vụ có thể phát sinh — Trong trường hợp từ chối thực hiện các nghĩa vụ có thể phát sinh của tổ chức bị đóng cửa bao gồm nghĩa vụ theo hợp đồng đảm bảo, thư tín dụng, cam kết cho vay, hoặc những nghĩa vụ tín dụng tương tự khác, theo quy định

Tổng Công ty có thể xác định rằng thiệt hại trực tiếp thực tế có thể bồi thường sẽ không thấp hơn giá trị ước tính của khiếu nại bồi thường tính tới ngày Tổng Công ty được chỉ định là cơ quan tiếp nhận tổ chức tài chính bị đóng cửa, và giá trị đó được tính dựa trên khả năng khiếu nại bồi thường có thể phát sinh đó được thực hiện cũng như mức độ có thể.

(4) Các hợp đồng thuê mượn và trong đó tổ chức tài chính đổ vỡ có vai trò là bên thuê

(A) Nhìn chung. — Nếu Tổng Công ty với tư cách là Cơ quan tiếp nhận từ chối không thực hiện hợp đồng thuê mượn mà trong đó tổ chức tài chính đổ vỡ có vai trò là bên thuê, Tổng Công ty sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào ngoài thiệt hại đã được quy định tại tiểu đoạn (B) cho việc từ chối hoặc phủ nhận hợp đồng đó.

(B) Thanh toán chi phí thuê.— Ngoại trừ trường hợp quy định tại tiểu đoạn (A), bên cho thuê —

(i) có quyền nhận đủ những phí thuê theo hợp đồng, cộng dồn cho tới ngày mà —

(I) có thư thông báo Tổng Công ty từ chối hợp đồng ; hoặc

(II) việc từ chối bắt đầu có hiệu lực, trừ khi bên cho thuê vỡ nợ hoặc có vi phạm hợp đồng thuê mượn;

(ii) không được yêu cầu bồi thường đối với những thiệt hại quy định theo bất cứ điều khoản trả trước hoặc điều khoản phạt nào trong hợp đồng; và

(iii) có quyền yêu cầu bồi thường về bất cứ khoản phí thuê nào chưa được thanh toán, được tính thành tất cả các khoản đền bù phù hợp tính tới ngày Tổng Công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận, và sẽ được thanh toán phù hợp với quy định tại đoạn này và Tiểu phần (d).

(5) Các hợp đồng cho thuê trong đó tổ chức tài chính là bên cho thuê.—

(A) Nhìn chung.— Nếu Tổng Công ty với tư cách là Cơ quan tiếp nhận từ chối một hợp đồng cho thuê bất động sản chưa hết hạn của tổ chức tài chính bị tiếp nhận mà trong đó tổ chức tài chính là bên cho thuê và bên thuê không vỡ nợ cho đến ngày có sự từ chối đó, trong trường hợp này bên thuê có thể —

(i) coi hợp đồng cho thuê bất động sản đó đã chấm dứt theo sự từ chối hợp đồng nói trên; hoặc

(ii) tiếp tục thuê cho tới khi hết thời hạn hợp đồng thuê, trừ trường hợp bên thuê không trả được nợ theo điều khoản của hợp đồng cho thuê sau khi ngày Tổng Công ty từ chối hợp đồng.

(B) Các điều khoản áp dụng đối với trường hợp bên thuê vẫn tiếp tục thuê hết kỳ hạn hợp đồng — Nếu bên thuê được nêu trong tiểu đoạn (A) vẫn tiếp tục thuê hết kỳ hạn hợp đồng theo khoản (ii) của tiểu đoạn (A)—

(i) bên thuê—

(I) sẽ tiếp tục trả phí thuê theo các điều kiện của hợp đồng thuê sau ngày Tổng Công ty từ chối hợp đồng thuê đó; và

(II) có thể bù trừ vào những phí thuê phải trả cộng dồn sau ngày Tổng Công ty từ chối hợp đồng, những thiệt hại dồn lại sau ngày này do việc không thực hiện được hợp đồng cho thuê của tổ chức tài chính đổ vỡ; và

(ii) Tổng Công ty với tư cách là Cơ quan tiếp nhận không phải chịu trách nhiệm với bên thuê về bất cứ thiệt hại nào phát sinh sau ngày tuyên bố từ chối hợp đồng, trừ bù trừ được quy định tại khoản (i)

(II).

(6) Các hợp đồng mua bán bất động sản.—

(A) Nhìn chung.—Nếu Cơ quan tiếp nhận từ chối bất cứ hợp đồng nào (đáp ứng những điều kiện của Tiểu phần (a) (6)) về việc mua bán bất động sản, và bên mua trong hợp đồng đó vẫn đang thực hiện hợp đồng và tính tới ngày Tổng Công ty từ chối đồng, bên mua không vỡ nợ, bên mua đó có thể—

(i) coi như hợp đồng chấm dứt theo sự từ chối của Tổng Công ty; hoặc

(ii) vẫn sở hữu đối với bất động sản đó.

(B) Các điều khoản áp dụng cho trường hợp bên mua vẫn duy trì sự sở hữu.—Nếu bên mua bất động sản trong bất kỳ hợp đồng nào được nêu tại tiểu mục (A) vẫn duy trì sự sở hữu bất động sản đó theo điều khoản (ii) của tiểu đoạn (A)—

(i) bên mua—

(I) sẽ tiếp tục thanh toán tất cả các khoản tới hạn theo thỏa thuận hợp đồng sau ngày Tổng Công ty từ chối hợp đồng; và

(II) có thể bù trừ vào bất cứ khoản tiền nào do thiệt hại do việc tổ chức tài chính bị đổ vỡ không thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng (sau ngày Tổng Công ty từ chối hợp đồng); và

(ii) Tổng Công ty với vai trò là Cơ quan tiếp nhận sẽ —

(I) không phải chịu bất kỳ trách nhiệm gì đối với bên mua về những thiệt hại phát sinh do việc từ chối hợp đồng (sau ngày Tổng Công ty tuyên bố từ chối hợp đồng), trừ những khoản quy định theo điều khoản (i) (II);

(II) trao quyền cho người mua phù hợp với các điều khoản của hợp đồng; và

(III) không có nghĩa vụ nào theo hợp đồng trừ hoạt động đã quy định tại điều (II).

(C) Chuyển nhượng và mua bán tài sản được phép.—

(i) Nhìn chung.—mục này không quy định hạn chế quyền của Tổng Công ty (với tư cách là Cơ quan tiếp nhận) trong việc chuyển nhượng hợp đồng mô tả trong tiểu đoạn (A) và bán tài sản, theo thỏa thuận hợp đồng và các quy định của đoạn này.

(ii) Không có trách nhiệm sau khi đã mua bán hoặc chuyển nhượng.—

Nếu một cuộc mua bán hoặc chuyển nhượng được mô tả trong điều (i) được hoàn tất, Tổng Công ty trong vai trò là Cơ quan tiếp nhận sẽ không có trách nhiệm gì thêm đối với hợp đồng mô tả trong tiểu đoạn (A) hoặc đối với bất động sản được nêu trong hợp đồng.

(7) Các điều khoản áp dụng cho các hợp đồng dịch vụ.—

(A) Các dịch vụ được thực hiện trước khi Tổng Công ty được chỉ định làm Cơ quan tiếp nhận.— Trong trường hợp bất kỳ hợp đồng dịch vụ nào giữa bất kỳ người nào và bất kỳ tổ chức tài chính bị tiếp nhận mà Tổng Công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận, việc đòi bồi thường liên quan tới dịch vụ được thực hiện từ trước khi Tổng Công ty được chỉ định sẽ—

(i) phải là một khiếu nại phù hợp với các Tiểu phần (a), (b), và (d); và

(ii) được coi là phát sinh trước ngày Tổng Công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận.

(B) Các dịch vụ được thực hiện sau khi Tổng Công ty được chỉ định và trước khi Tổng Công ty tuyên bố từ chối hợp đồng.—Trong trường hợp bất kỳ hợp đồng nào được nêu trong tiểu đoạn (A), nếu Tổng Công ty trong vai trò Cơ quan tiếp nhận chấp nhận dịch vụ do bên cung cấp dịch vụ thực hiện trước khi thực hiện quyền từ chối hợp đồng đó,—

(i) bên kia của hợp đồng sẽ được thanh toán theo hợp đồng cho những dịch vụ đã thực hiện; và

(ii) số tiền thanh toán sẽ được coi như chi phí hành chính của công tác tiếp nhận.

(C) Việc chấp nhận dịch vụ không gây cản trở cho quyết định từ chối hợp đồng nữa.— Việc Tổng Công ty chấp nhận dịch vụ đã được nêu trong tiểu đoạn (B) liên quan tới một hợp đồng được nêu trong tiểu đoạn (B) sẽ không ảnh hưởng tới quyền của Tổng Công ty trong việc quyết định từ chối hợp đồng dịch vụ đó trong phạm vi quy định của phần này vào bất kỳ thời điểm nào sau khi chấp nhận dịch vụ.

(8) Một số hợp đồng tài chính hợp lệ.—

(A) Quyền của các bên trong hợp đồng.—Theo Tiểu phần (a)(8) [cho phép tạm hoãn các hành động pháp lý sau khi Tổng Công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận đối với một tổ chức tài chính đổ vỡ] đoạn (9) và (10) của tiểu phần này, và không trái với các quy định khác của phần này, bất cứ điều khoản nào khác của Luật Liên Bang, hay luật của bất cứ tiểu bang nào, không pháp nhân nào bị cấm thực thi —

(i) quyền mà pháp nhân đó có trong việc chấm dứt, thanh lý, hay trả trước hợp đồng tài chính hợp lệ với một tổ chức tài chính bị tiếp nhận vào ngày Tổng Công ty được chỉ định là cơ quan tiếp nhận tổ chức đó hoặc vào bất cứ thời điểm nào sau ngày chỉ định đó.

(ii) quyền theo hợp đồng hay thỏa thuận đảm bảo hoặc hình thức tăng cường tín dụng khác liên quan tới một hay nhiều hợp đồng tài chính hợp lệ đã nêu trong điều (i); hoặc

(iii) quyền bù trừ hoặc tính toán giá trị ròng lúc chấm dứt, khối lượng tiền thanh toán, hoặc nghĩa vụ chuyển giao khác phát sinh theo hoặc liên quan tới một hoặc nhiều hợp đồng hoặc thỏa thuận được mô tả tại điều (i), bao gồm bất cứ thỏa thuận tổng thể nào cho những hợp đồng hoặc thỏa thuận đó.

(B) Áp dụng các điều khoản khác.—Tiểu phần (a)(8) được áp dụng trong trường hợp bất cứ bên nào trong một hợp đồng hay thỏa thuận mô tả tại tiểu mục (A)(i) thực hiện hành động pháp lý hay kiện tụng đối với Tổng Công ty trên tư cách Cơ quan tiếp nhận theo quy định tại tiểu đoạn (A), hoặc đối với tổ chức tài chính bị tiếp nhận.

(C) Một số chuyển giao không thể tránh được.—

(i) Nhìn chung.—Mặc dù có những quy định tại Tiểu phần (a)(11), (a)(12), hoặc (c)(12), Phần 5242 của Hiến pháp Hoa Kỳ Sửa đổi, hoặc điều khoản khác của Luật liên bang hay Luật tiểu bang liên quan tới việc tránh những chuyển giao mang tính ưu đãi hay gian lận, Tổng Công ty với vai trò là Tổ chức bảo hiểm tiền gửi hay Tổ chức tiếp nhận đều không thể tránh được bất kỳ cuộc chuyển giao tiền hay tài sản liên quan tới hợp đồng tài chính hợp lệ với một tổ chức tài chính bị tiếp nhận.

(ii) Ngoại lệ đối với một số chuyển giao.—Điều (i) sẽ không áp dụng với việc chuyển giao tiền hay tài sản liên quan tới hợp đồng tài chính hợp lệ với tổ chức tài chính bị tiếp nhận nếu người được chuyển giao có ý định ngăn cản, trì hoãn, hoặc lừa gạt tổ chức tài chính bị tiếp nhận, chủ nợ của tổ chức đó, hoặc Tổng Công ty với tư cách là Cơ quan tiếp nhận.

(D) Những hợp đồng và thỏa thuận được xác định.—Trong phạm vi quy định của tiểu phần này, những định nghĩa sau sẽ được áp dụng:

(i) Hợp đồng tài chính hợp lệ.—Thuật ngữ “hợp đồng tài chính hợp lệ” có nghĩa là bất cứ hợp đồng chứng khoán, hợp đồng hàng hóa, hợp đồng tương lai, hợp đồng mua lại, thỏa thuận hoán đổi và bất cứ hợp đồng nào tương tự mà Tổng Công ty xác định là hợp lệ theo các quy định, quyết định, hoặc lệnh trong phạm vi liên quan của đoạn này.

(ii) Hợp đồng chứng khoán.—Thuật ngữ “hợp đồng chứng khoán” —

(I) có nghĩa là một hợp đồng mua, bán, hoặc cho vay chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay thế chấp, bất cứ khoản lãi nào của cho vay thế chấp, một nhóm chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán, các chứng chỉ tiền gửi, hoặc các khoản cho vay thế chấp hoặc các khoản lãi theo đó (bao gồm bất cứ khoản lãi nào của các khoản nêu trên hoặc dựa trên các giá trị của các khoản đó), hoặc bất cứ quyền chọn của các khoản nêu trên, bao gồm quyền chọn mua hoặc bán bất cứ chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, cho vay thế chấp, lãi, nhóm chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán, hoặc quyền chọn và bao gồm bất cứ giao dịch mua lại hay mua lại nghịch đảo của bất cứ chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, cho vay thế chấp, nhóm chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán (dù giao dịch mua lại hoặc hay mua lại nghịch đảo đó có phải là “thỏa thuận mua lại” như quy định tại điều (v) hay không)

(II) không bao gồm bất kỳ nghĩa việc mua, bán, hay nghĩa vụ mua lại nào trong khi tham gia một khoản vay thế chấp thương mại trừ khi Tổng Công ty xác định có bao gồm cả những thỏa thuận như vậy trong ý nghĩa của thuật ngữ “hợp đồng chứng khoán”;

(III) có nghĩa là bất cứ quyền chọn tham gia một sàn giao dịch chứng khoán quốc gia nào liên quan tới ngoại tệ;

(IV) có nghĩa là sự đảm bảo (bao gồm cả bằng việc thay thế nợ) bởi hoặc cho một công ty thanh toán bù trừ chứng khoán bằng tiền mặt, các loại chứng khoán, các chứng chỉ tiền gửi, các khoản cho vay thế chấp hoặc các khoản lãi theo đó (bao gồm bất cứ khoản lãi nào của các khoản đó hay tính dựa trên đó) hoặc bất cứ quyền chọn nào đối với bất kỳ khoản nào đã đề cập ở trên, bao gồm cả quyền chọn mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay thế chấp, khoản lãi, một nhóm hoặc chỉ số chứng khoán, hoặc quyền chọn (dù việc thanh toán đó có liên quan tới loại thỏa thuận hay hợp đồng đã nêu tại tiểu mục (I) tới (XII) hay không (ngoại trừ tiểu mục (II)));

(V) có nghĩa là bất kỳ khoản vay tiền từ thị trường cổ phiếu;

(VI) có nghĩa là bất kỳ việc cấp tín dụng để bù trừ hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán;

(VII) có nghĩa là bất kỳ giao dịch về khoản cho vay nào đi kèm với một giao dịch đảm bảo bằng chứng khoán (collar transaction), bất kỳ giao dịch chứng khoán tương lai, hoặc bất kỳ giao dịch hoán đổi lợi nhuận tổng đi kèm theo giao dịch bán chứng khoán;

(VIII) có nghĩa là bất kỳ thỏa thuận hay giao dịch nào tương tự như thỏa thuận và giao dịch được đề cập tới trong khoản này;

(IX) có nghĩa là bất kỳ sự kết hợp nào giữa những thỏa thuận và giao dịch được đề cập trong khoản này;

(X) có nghĩa là bất kỳ quyền chọn tham gia vào bất kỳ thỏa thuận hay giao dịch nào được đề cập tới trong khoản này;

(XI) có nghĩa là một thỏa thuận tổng thể cho một thỏa thuận hay giao dịch được đề cập tới trong tiểu khoản (I) tới (X), trừ tiểu khoản (II), cùng với tất cả các mục bổ sung cho bất kỳ thỏa thuận tổng thể, bất kể hợp thỏa thuận tổng thể đó có bao hàm một hợp đồng hay giao dịch không phải là hợp đồng chứng khoán theo quy định của mục này, ngoại trừ trường hợp thỏa thuận tổng thể đó được coi như một hợp đồng chứng khoán theo quy định của mục này liên quan tới mỗi thỏa thuận hay giao dịch dưới thỏa thuận tổng thể đó được đề cập tới trong các tiểu khoản (I) đến (X), ngoại trừ tiểu khoản (II); và

(XII) có nghĩa là bất cứ thoả thuận chứng khoán hay hình thức tăng cường tín dụng nào khác liên quan tới thoả thuận hay giao dịch theo quy định tại khoản này, bao gồm bất kỳ nghĩa vụ đảm bảo hay bồi hoàn nào có liên quan tới thoả thuận hay giao dịch đó được quy định theo khoản mục này.

(iii) Hợp đồng hàng hóa.—Thuật ngữ “hợp đồng hàng hóa” có nghĩa là—

(I) liên quan tới một Hội Nhà Buôn Hợp Đồng Hàng Hoá Bán Giao Sau, “hợp đồng hàng hóa” có nghĩa là một hợp đồng nhằm mục đích mua hoặc bán một hàng hóa sẽ giao trong tương lai theo nguyên tắc của thị trường giao dịch hợp đồng hoặc của hội đồng giao dịch.

(II) liên quan tới một Hội Nhà Buôn Hợp Đồng Hàng Hoá Bán Giao Sau nước ngoài, “hợp đồng hàng hóa” có nghĩa là một hợp đồng tương lai nước ngoài;

(III) liên quan tới một tổ chức kinh doanh đầu cơ vay nợ, “hợp đồng hàng hóa” có nghĩa là một giao dịch đầu cơ vay nợ;

(IV) liên quan tới một tổ chức thanh toán bù trừ, “hợp đồng hàng hóa” có nghĩa là một hợp đồng mua hoặc bán một hàng hóa sẽ giao trong tương lai theo nguyên tắc của thị trường giao dịch hợp đồng hoặc của hội đồng giao dịch mà quá trình thanh toán được thực hiện bởi tổ chức thanh toán bù trừ đó, hoặc giao quyền lựa chọn hàng hoá theo nguyên tắc của thị trường giao dịch hợp đồng hoặc của hội đồng giao dịch mà quá trình thanh toán được thực hiện bởi tổ chức thanh toán bù trừ đó.

(V) liên quan tới một tổ chức kinh doanh quyền chọn hàng hóa, “hợp đồng hàng hóa” có nghĩa là một quyền chọn mua hoặc bán đối với hàng hóa.

(VI) bất cứ hợp đồng hay giao dịch nào khác tương tự những hợp đồng hay giao dịch được đề cập trong mục này;

(VII) bất cứ dạng thức kết hợp nào giữa những hợp đồng hoặc giao dịch được đề cập đến trong mục này;

(VIII) bất cứ quyền chọn tham gia vào những hợp đồng hay giao dịch nào đề cập tới trong mục này;

(IX) một thoả thuận tổng thể cho một thoả thuận hay giao dịch được đề cập tới trong tiểu khoản (I) tới (VIII), cùng với tất cả các mục bổ sung cho bất kỳ thoả thuận tổng thể, bất kể hợp thoả thuận tổng thể đó có bao hàm một hợp đồng hay giao dịch không phải là hợp đồng hàng hóa theo quy định của mục này, ngoại trừ trường hợp thoả thuận tổng thể đó được coi như một hợp đồng hàng hóa theo quy định của mục này liên quan tới mỗi thoả thuận hay giao dịch dưới thoả thuận tổng thể đó được đề cập tới trong các tiểu khoản (I) đến (VIII); hoặc

(X) bất kỳ hợp đồng hoặc thoả thuận đảm bảo hoặc hình thức tăng cường tín dụng khác liên quan tới hợp đồng hoặc thoả thuận được đề cập trong mục này, bao gồm bất kỳ nghĩa vụ đảm bảo hoặc bồi hoàn nào với hợp đồng hoặc giao dịch trong phạm vi quy định của mục này.

(iv) Hợp đồng kỳ hạn.—Thuật ngữ “hợp đồng kỳ hạn” có nghĩa là—

(I) một hợp đồng (khác hợp đồng hàng hóa) về việc mua, bán hoặc chuyển giao một hàng hóa hay một mặt hàng, dịch vụ, quyền, hoặc lãi suất mà ở hiện tại hoặc trong tương lai sẽ trở thành đối tượng giao dịch của hợp đồng kỳ hạn, hoặc sản phẩm hoặc sản phẩm phụ với thời hạn thanh toán trong vòng hơn 2 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, bao gồm cả giao dịch mua lại hoặc giao dịch mua lại nghịch đảo (bất kể giao dịch mua lại hoặc giao dịch mua lại nghịch đảo đó có phải là một dạng “hợp đồng mua lại” theo định nghĩa ở mục (v) hay không), hợp đồng ký gửi, cho thuê, hoán đổi, giao dịch phòng hộ, tiền gửi, nợ, quyền chọn, giao dịch phân bổ, giao dịch không phân bổ, hay bất kỳ giao dịch tương tự nào khác;

(II) bất kỳ sự kết hợp nào giữa các loại hợp đồng hay giao dịch đề cập trong tiểu khoản (I) và (III);

(III) bất kỳ quyền chọn tham gia hợp đồng hay giao dịch được đề cập trong tiểu khoản (I) hoặc (II);

(IV) một thỏa thuận tổng thể cho một thỏa thuận hay giao dịch được đề cập tới trong tiểu khoản (I) (II), hoặc (III), cùng với tất cả các mục bổ sung cho thỏa thuận tổng thể đó, bất kể thỏa thuận tổng thể đó có bao hàm một hợp đồng hay giao dịch không phải là hợp đồng kỳ hạn theo quy định của mục này, ngoại trừ trường hợp thỏa thuận tổng thể đó được coi như một hợp đồng kỳ hạn theo quy định của khoản này liên quan tới mỗi thỏa thuận hay giao dịch dưới thỏa thuận tổng thể đó được đề cập tới trong các tiểu khoản (I) (II), hoặc (III); hoặc

(V) bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận đảm bảo hoặc hình thức tăng cường tín dụng khác liên quan tới hợp đồng hoặc thỏa thuận được đề cập trong những tiểu khoản (I), (II), (III), hoặc (IV), bao gồm bất kỳ nghĩa vụ đảm bảo hoặc bồi hoàn nào liên quan tới hợp đồng hoặc giao dịch trong phạm vi quy định của những tiểu khoản này.

(v) Thỏa thuận mua lại.—Thuật ngữ “thỏa thuận mua lại” (cũng áp dụng đối với thỏa thuận mua lại nghịch đảo) —

(I) có nghĩa là một thỏa thuận, bao gồm các điều khoản liên quan, quy định về việc chuyển giao một hoặc nhiều chứng chỉ tiền gửi, chứng khoán đảm bảo bằng thế chấp (quy định trong Phần 3 của Luật giao dịch chứng khoán 1934), khoản vay thế chấp, các khoản lãi liên quan chứng khoán đảm bảo bằng thế chấp hoặc các khoản vay thế chấp, những tín dụng chấp nhận của các ngân hàng hợp pháp, chứng khoán của chính nước ngoài (có nghĩa là chứng khoán với nghĩa vụ trực tiếp của, hoặc được đảm bảo hoàn toàn bởi chính phủ của một nước thành viên thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế - OECD, như đã được xác định bởi quy định của Hội đồng Thống đốc), hoặc chứng khoán là những nghĩa vụ trực tiếp của (hoặc đảm bảo hoàn toàn bởi) chính phủ Mỹ hoặc một cơ quan của chính phủ Mỹ. Người nhận chuyển giao những chứng chỉ tiền gửi, những giấy tờ chấp thuận của các ngân hàng hợp pháp, chứng khoán, khoản vay thế chấp, hoặc khoản lãi đó sẽ thỏa thuận để chuyển vốn cho người chuyển giao đồng thời cam kết sẽ chuyển lại cho người chuyển giao những chứng chỉ tiền gửi, những giấy tờ chấp thuận của các ngân hàng hợp pháp, chứng khoán, khoản vay thế chấp, hoặc khoản lãi đó vào thời gian nhất định không muộn hơn 1 năm sau ngày nhận chuyển giao, theo yêu cầu hoặc một thỏa thuận tương tự, và nhận lại vốn.

(II) không bao gồm bất cứ nghĩa vụ mua lại nào khi tham gia vào cho vay thế chấp thương mại, trừ khi Tổng Công ty xác định (chiều theo luật, quy định, hoặc lệnh) phải bao gồm cả những nghĩa vụ đó trong thuật ngữ này;

(III) có nghĩa là sự kết hợp của các loại thỏa thuận hoặc giao dịch đã đề cập đến trong tiểu khoản (I) và (IV);

(IV) có nghĩa là bất kỳ quyền chọn nào trong việc tham gia thỏa thuận hay giao dịch đã nêu trong tiểu khoản (I) và (III);

(V) một thỏa thuận tổng thể cho một thỏa thuận hay giao dịch được đề cập tới trong tiểu khoản (I) (III), hoặc (VI), cùng với tất cả các mục bổ sung cho thỏa thuận tổng thể đó, bất kể hợp thỏa thuận thể đó có bao hàm một thỏa thuận hay giao dịch không phải là hợp thỏa thuận mua lại theo quy định của mục này, ngoại trừ trường hợp thỏa thuận tổng thể đó được coi như một thỏa thuận mua lại theo quy định của mục này liên quan tới mỗi thỏa thuận hay giao dịch dưới hợp đồng tổng thể đó được đề cập tới trong các tiểu khoản (I) (III), hoặc (VI); và

(VI) có nghĩa là bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận đảm bảo hoặc hình thức tăng cường tín dụng khác liên quan tới thỏa thuận hoặc giao dịch được đề cập trong những tiểu khoản (I), (III), (VI), hoặc (V), bao gồm bất kỳ nghĩa vụ đảm bảo hoặc bồi hoàn nào với thỏa thuận hoặc giao dịch trong phạm vi quy định của những tiểu khoản này.

(vi) Thỏa thuận hoán đổi.—Thuật ngữ “thỏa thuận hoán đổi” có nghĩa là—

(I) bất cứ thỏa thuận nào, bao gồm cả các điều khoản và điều kiện đi kèm trong từng thỏa thuận đó, về việc hoán đổi lãi suất, quyền chọn, hợp đồng tương lai, hợp đồng kỳ hạn bao gồm hoán đổi lãi suất trần, lãi suất sàn, lãi suất kép, hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo, và hoán đổi lãi suất cơ sở (hoán đổi hai lãi suất thả nổi); giao dịch giao ngay, giao dịch cùng ngày-ngày mai, giao dịch ngày mai-ngày kế tiếp, kỳ hạn, hoặc giao dịch ngoại hối, giao dịch kim loại quý, hay hợp đồng hàng hóa khác; một hợp đồng hoán đổi tiền tệ, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay kỳ hạn; một hợp đồng hoán đổi chỉ số chứng khoán hay hoán đổi chứng khoán, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng tương lai hay kỳ hạn; hoán đổi nợ hay chỉ số nợ, hợp đồng quyền chọn hay hợp đồng tương lai, kỳ hạn; hoán đổi tín dụng hay chênh lệch rủi ro tín dụng, tổng lợi nhuận, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay kỳ hạn; hoán đổi hàng hóa hay chỉ số hàng hóa, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay kỳ hạn; hoán đổi thời tiết, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay kỳ hạn; hoán đổi khí thải, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay kỳ hạn, hoặc hoán đổi lạm phát, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay kỳ hạn;

(II) bất kỳ thỏa thuận hay giao dịch nào tương tự với hợp đồng và giao dịch đã đề cập trong khoản này và là một loại đã, đang hoặc sẽ trở thành đối tượng mua bán định kỳ trong thị trường hợp đồng hoán đổi hay các thị trường phái sinh khác (bao gồm cả các điều khoản và điều kiện tham chiếu đến trong những hợp đồng đó); và một giao dịch kỳ hạn, hoán đổi, tương lai, quyền chọn hay giao ngay đối với một hay nhiều lãi suất, tiền tệ, hàng hóa, chứng khoán cổ phần hay các công cụ cổ phần khác, chứng khoán nợ hay các công cụ nợ khác, các thước đo định lượng liên quan tới sự kiện, mức độ sự kiện, hay khả năng phát sinh liên quan tới một hệ quả mang tính kinh tế, thương mại hay tài chính, hoặc các chỉ số kinh tế tài chính hoặc các thước đo các rủi ro/ giá trị kinh tế tài chính.

(III) bất kỳ sự kết hợp của các loại thỏa thuận hoặc giao dịch đã đề cập đến trong khoản này

(IV) bất cứ quyền chọn nào về việc tham gia thỏa thuận hay giao dịch được đề cập đến trong khoản này;

(V) một thỏa thuận tổng thể cho một thỏa thuận hay giao dịch được đề cập tới trong tiểu khoản (I), (II), (III), hoặc (VI), cùng với tất cả các mục bổ sung cho thỏa thuận tổng thể đó, bất kể thỏa thuận tổng thể đó có bao hàm một thỏa thuận hay giao dịch không phải là hợp đồng hoán đổi theo quy định của khoản này, ngoại trừ trường hợp hợp đồng tổng thể đó được coi như một thỏa thuận hoán đổi theo quy định của khoản này liên quan tới mỗi thỏa thuận hay giao dịch dưới thỏa thuận tổng thể đó được đề cập tới trong các tiểu khoản (I), (II), (III), hoặc (VI); và

(VI) có nghĩa là bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận đảm bảo hoặc hình thức tăng cường tín dụng khác liên quan tới hợp đồng hoặc thỏa thuận được đề cập trong những tiểu khoản từ (I) tới (V), bao gồm bất kỳ nghĩa vụ đảm bảo hoặc bồi hoàn nào với hợp đồng hoặc giao dịch trong phạm vi quy định của những tiểu mục này.

(vii) Các định nghĩa liên quan tới “vỡ nợ”—Trong đoạn này và các đoạn (9) và (10)—

(I) liên quan tới một tổ chức tài chính bị tiếp nhận, thuật ngữ “vỡ nợ” có nghĩa là bất kỳ phán quyết chính thức nào của tòa án, hoặc một cơ quan chính phủ nào mà theo đó Tổng Cõ được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận; và

(II) thuật ngữ “có nguy cơ vỡ nợ” có nghĩa là một tổ chức tài chính bị tiếp nhận đã được FDIC hoặc một cơ quan hữu trách xác định là—

(aa) theo đánh giá của Tổng Công ty hoặc một cơ quan hữu trách—

(AA) tổ chức tài chính bị tiếp nhận đó có nguy cơ không thể trả nợ với những điều kiện kinh doanh thông thường; và

(BB) tổ chức tài chính bị tiếp nhận đó không có triển vọng trả được nợ nếu không có sự trợ giúp của Chính phủ; hoặc

(bb) theo đánh giá của Tổng Công ty hoặc một cơ quan hữu trách—

(AA) tổ chức tài chính bị tiếp nhận đã gánh chịu hoặc sẽ phải gánh chịu những khoản thua lỗ có nguy cơ làm cạn kiệt vốn; và

(BB) không có khả năng vốn sẽ được bù đắp mà không có sự trợ giúp của Chính phủ

(viii) Coi Thỏa thuận tổng thể là một thỏa thuận.—Bất kỳ thỏa thuận tổng thể nào cho bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận nào được mô tả từ tiểu mục (i) tới (vi) (hoặc bất kỳ thỏa thuận tổng thể nào cho một hay nhiều thỏa thuận tổng thể đó), cùng với những điều khoản bổ sung cho thỏa thuận tổng thể đó, sẽ được coi là một thỏa thuận độc lập và một hợp đồng tài chính hợp lệ. Nếu một thỏa thuận tổng thể bao gồm các điều khoản liên quan tới những thỏa thuận hay giao dịch mà bản thân chúng không phải là những hợp đồng tài chính hợp lệ, thỏa thuận tổng thể đó chỉ được coi là hợp đồng tài chính hợp lệ khi nó liên quan tới những giao dịch mà bản thân chúng là những hợp đồng tài chính hợp lệ.

(ix) Chuyển giao —Thuật ngữ “chuyển giao” có nghĩa là bất kỳ phương thức chuyển hoặc chia sẻ quyền sở hữu tài sản hoặc lợi tức của tài sản. Phương thức đó có thể là trực tiếp hay gián tiếp, hoàn toàn hay có điều kiện, tự nguyện hay không tự nguyện, bao gồm cả việc sở hữu quyền được đảm bảo và quyền tịch thu tài sản thế nợ đối với tổ chức tài chính bị tiếp nhận đó.

(x) Đối tượng.— Thuật ngữ “đối tượng” bao gồm bất cứ cơ quan chính phủ nào ngoài những chủ thể đã được đề cập trong phần định nghĩa của thuật ngữ này trong Phần 1, Mục 1, Bộ luật Hoa Kỳ.

(E) Làm rõ.—Không có điều nào trong Luật này có nội dung giới hạn quyền của Tổng Công ty cũng như ủy quyền cho tòa án hay cơ quan nào giới hạn hoặc trì hoãn quyền của Tổng Công ty trong việc chuyển quyền sở hữu trong những hợp đồng tài chính hợp lệ hoặc quyền phủ nhận hoặc từ chối hợp đồng theo quy định của phần này.

(F) Các điều khoản tạm hoãn.—

(i) Nhìn chung.—Ngoại trừ các điều khoản quy định tại tiểu đoạn (A) của mục này và các Phần 403 và 404 của Luật Cải tổ Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi năm 1991, không điều khoản tạm hoãn nào có hiệu lực trong một bản hợp đồng tài chính hợp lệ của một tổ chức tài chính bị tiếp nhận đang lâm vào tình trạng vỡ nợ.

(ii) Áp dụng một cách hạn chế điều khoản tạm hoãn đối với một số nghĩa vụ nhất định.—Trong trường hợp xét một hợp đồng tài chính hợp lệ đã nêu ở mục (i), FDIC có thể quyết định tạm hoãn bất kỳ nghĩa vụ thanh toán hay giao hàng đến hạn nào của một bên trong hợp đồng tài chính hợp lệ kể từ thời điểm Tổng công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận cho tới trước khi —

(I) bên đó nhận được thông báo rằng hợp đồng đã được chuyển giao theo quy định tại đoạn (10)(A); hoặc

(II) 5h00 chiều (theo giờ phía đông) của ngày làm việc tiếp theo sau ngày Tổng công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận.

(iii) Định nghĩa Điều khoản tạm hoãn.—Trong phạm vi của mục này, thuật ngữ “điều khoản tạm hoãn” có nghĩa là bất kỳ điều khoản nào trong một hợp đồng tài chính hợp lệ có quy định việc tạm dừng, hạn chế hoặc chấm dứt một nghĩa vụ thanh toán của một bên, toàn bộ hoặc một phần, hoặc không phát sinh nghĩa vụ thanh toán của một bên vì nguyên nhân duy nhất do tư cách một bên trong hợp đồng của hợp đồng đó là không vỡ nợ nhưng có liên quan tới sự “mất khả năng thanh toán” của tổ chức tài chính bị tiếp nhận đóng vai trò là bên còn lại của hợp đồng hoặc việc Tổng Công ty được chỉ định thực hiện quyền và nghĩa vụ thay thế cho tổ chức bị tiếp nhận đó. Đây không phải là kết quả của việc một bên thực hiện quyền bù trừ hay thực hiện nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng hay bất cứ thỏa thuận nào tồn tại giữa các bên trong hợp đồng hay theo luật định. (G) Một số nghĩa vụ nhất định đối với các tổ chức thanh toán bù trừ.—

Trong trường hợp Tổng Công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận của một tổ chức tài chính là một bên của một hợp đồng tài chính hợp lệ được thực hiện thanh toán bởi (hoặc theo luật của) một tổ chức thanh toán bù trừ (như trong mục (9)(D)), Tổng Công ty sẽ nỗ lực hết sức để thực hiện tất cả nghĩa vụ ký quỹ, cầm cố và thanh toán của tổ chức bị tiếp nhận theo như hợp đồng quy định (trừ những nghĩa vụ ký quỹ, cầm cố và thanh toán không áp dụng với Cơ quan tiếp nhận theo mục (8)(F)(i) hoặc (10)(B)), theo yêu cầu của tổ chức thanh toán bù trừ khi đến hạn. Trừ trường hợp quy định khác, nếu Cơ quan tiếp nhận không thực hiện được những nghĩa vụ đó theo quy định của tổ chức thanh toán bù trừ, tổ chức thanh toán bù trừ sẽ có thể thực hiện ngay các quyền và phương thức cần thiết theo quy định và luật hiện hành áp dụng cho hợp đồng đó bao gồm (nhưng không giới hạn ở) quyền thanh lý toàn bộ vị thế và các tài sản cầm cố của tổ chức bị tiếp nhận theo những quy định của hợp đồng, và tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động thanh toán bù trừ cho tổ chức bị tiếp nhận đó theo quy định của tổ chức thanh toán bù trừ.

(H) Lưu giữ hồ sơ.—

(i) Phối hợp xây dựng quy định.—Các cơ quan liên bang quản lý lĩnh vực tài chính phối hợp xây dựng các quy định yêu cầu các công ty tài chính lưu giữ hồ sơ liên quan tới các hợp đồng tài chính hợp lệ (bao gồm cả các bản định giá thị trường) mà các cơ quan xác định là cần thiết và phù hợp nhằm hỗ trợ Tổng Công ty với tư cách là Cơ quan tiếp nhận công ty tài chính trong việc thực thi quyền và nghĩa vụ theo quy định của đoạn này hoặc đoạn (9) hoặc (10).

(ii) Khung thời gian.—Các cơ quan liên bang chính phụ trách lĩnh vực tài chính sẽ cùng thảo các quy định mang tính chất cuối cùng hoặc tạm thời trong vòng không quá 24 tháng sau ngày Luật này có hiệu lực.

(iii) Cơ quan soạn thảo quy định dự phòng.—Nếu các cơ quan quản lý liên bang chính không cùng soạn thảo các quy định cuối cùng hoặc tạm thời trong khung thời gian nêu ở mục (ii), Chủ tịch Hội đồng giám sát ổn định tài chính sau khi tham vấn Tổng Công ty sẽ soạn thảo quy định cần thiết theo yêu cầu nêu ở khoản (i).

(iv) Phân loại và phân cấp.—Các quy định chung được đề cập trong khoản (i) sẽ áp dụng khác nhau ở từng tổ chức tài chính do có sự tính toán cân nhắc tới quy mô, rủi ro, sự phức tạp, tỉ lệ vốn vay, tần suất và lượng tiền tính bằng đôla của hợp đồng tài chính hợp lệ, mối liên hệ với hệ thống tài chính, và bất cứ yếu tố nào khác phù hợp.

(9) Việc chuyển giao hợp đồng tài chính hợp lệ.—

(A) Nhìn chung.—Trong quá trình chuyển giao tài sản hay nợ của một tổ chức tài chính đồ vỡ, bao gồm các hợp đồng tài chính hợp lệ, Tổng Công ty với tư cách là Cơ quan tiếp nhận sẽ—

(i) chuyển tài sản hay nợ sang một tổ chức tài chính khác, không phải là tổ chức tài chính được một cơ quan tiếp quản, tiếp nhận và ủy thác, cũng không phải là đối tượng của một quá trình xử lý phá sản và mất khả năng thanh toán khác.

(I) tất cả các hợp đồng hợp lệ giữa bất kỳ đối tượng hay đơn vị trực thuộc của đối tượng với tổ chức đồ vỡ bị tiếp nhận.

(II) tất cả các khiếu nại của đối tượng đó hoặc đơn vị trực thuộc đối tượng đó đối với tổ chức đồ vỡ theo quy định của hợp đồng (ngoại trừ những khiếu nại phụ thuộc vào khiếu nại của những chủ nợ không được đảm bảo của tổ chức tài chính đồ vỡ đó).

(III) Tất cả các khiếu nại của tổ chức đồ vỡ đó đối với những đối tượng hoặc đơn vị trực thuộc pháp nhân đó theo quy định của hợp đồng; và

(IV) tất cả các tài sản đảm bảo hoặc hình thức tăng cường tín dụng của hợp đồng được mô tả tại tiêu khoản (I) hoặc khiếu nại được mô tả tại tiêu khoản (II) hoặc (III) của bất kỳ hợp đồng nào; hoặc

(ii) không chuyển giao bất kỳ hợp đồng tài chính, khiếu nại, tài sản hoặc hình thức tăng cường tín dụng nào đã đề cập tại khoản (i) (liên quan tới đối tượng và đơn vị trực thuộc đối tượng đó).

(B) Chuyển giao cho ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính, hoặc chi nhánh hay đại diện của ngân hàng hay tổ chức tài chính đó.—Trong quá trình chuyển giao bất kỳ hợp đồng tài chính hợp lệ và những khiếu nại hay tài sản liên quan theo quy định tại mục (A)(i), Tổng Công ty với tư cách là Cơ quan tiếp nhận tổ chức tài chính đồ vỡ sẽ không thực hiện chuyển giao cho một ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính được tổ chức theo quy định của luật tại nước ngoài, hoặc chi nhánh hay đại diện của ngân hàng nước ngoài hay tổ chức tài chính, trừ khi có luật tương đương của nước ngoài về quyền của các bên liên quan được áp dụng cho ngân hàng hay tổ chức tài chính đó, quy định của hợp đồng tài chính và hợp đồng thanh toán bù trừ, bất kỳ hợp đồng đảm bảo hay hình thức tăng cường tín dụng liên quan tới một hoặc nhiều hợp đồng tài chính đó.

(C) Chuyển giao hợp đồng theo quy định của một tổ chức thanh toán bù trừ.—Trong trường hợp Tổng Công ty, với tư cách là Cơ quan tiếp nhận một tổ chức đồ vỡ, chuyển giao hợp đồng tài chính và các khiếu nại có liên quan, tài sản hay hình thức củng cố tín dụng nào liên quan theo tiêu đoạn (A)(i) và hợp đồng đó được thanh toán bù trừ bởi một tổ chức thanh toán bù trừ hoặc chỉ theo những quy định của tổ chức thanh toán bù trừ đó, tổ chức thanh toán bù trừ không buộc phải chấp nhận “người nhận chuyển giao” là thành viên của tổ chức này (trong phạm vi cuộc chuyển giao này).

(D) Các định nghĩa.—trong phạm vi mục này—

(i) thuật ngữ “tổ chức tài chính” có nghĩa là một tổ chức kinh doanh hoặc môi giới, một tổ chức nhận tiền gửi, tổ chức kinh doanh hợp đồng tương lai, một công ty tài chính bắc cầu, hay bất kỳ một tổ chức nào khác mà theo quy định được Tổng Công ty xác định là tổ chức tài chính; và

(ii) thuật ngữ “tổ chức thanh toán bù trừ” có nghĩa giống như ở Phần 402 của Luật Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi liên bang 1991.

(10) Thông báo việc chuyển giao.—

(A) Nhìn chung.—

(i) Việc thông báo.—Tổng Công ty sẽ thông báo việc chuyển giao phù hợp với quy định tại khoản (ii), nếu —

(I) Tổng Công ty với tư cách là Cơ quan tiếp nhận tổ chức tài chính vỡ nợ hoặc có nguy cơ vỡ nợ có trách nhiệm chuyển giao tài sản và nợ của tổ chức đó; và

(II) Việc chuyển giao bao gồm một hợp đồng tài chính hợp lệ.

(ii) Thời điểm.—Tổng Công ty với vai trò là Cơ quan tiếp nhận một tổ chức đổ vỡ sẽ thông báo cho đối tượng là một bên của hợp đồng như quy định tại mục (1) về việc chuyển đổi trong thời gian không muộn hơn 5h00 chiều (theo giờ phía đông) của ngày làm việc tiếp ngay sau ngày FDIC được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận.

(B) Một số quyền không được áp dụng.—

(i) Tiếp nhận.—Một đối tượng là một bên của hợp đồng ký kết với tổ chức tài chính đổ vỡ sẽ không được thực hiện quyền chấm dứt, thanh lý hoặc thanh toán bù trừ hợp đồng đó theo mục (8)(A) chỉ bởi lý do Tổng Công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận (hay do sự mất khả năng thanh toán hoặc điều kiện tài chính của tổ chức đổ vỡ bị tiếp nhận).

(I) muộn nhất là 5h00 chiều. (giờ phía đông) của ngày làm việc tiếp ngay sau ngày FDIC được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận; hoặc

(II) sau khi đối tượng nhận được thông báo rằng hợp đồng đã được chuyển giao theo đoạn (9)(A).

(ii) Thông báo.—Trong phạm vi quy định của mục này, Tổng Công ty với vai trò là Cơ quan tiếp nhận, sẽ được coi như đã thông báo cho đối tượng là bên còn lại của hợp đồng ký kết với tổ chức bị tiếp nhận nếu như Tổng Công ty đã tiến hành những bước thích hợp nhằm thông báo cho đối tượng đó trong thời gian được quy định tại tiểu đoạn (A).

(C) Công ty tài chính bắc cầu.—Trong phạm vi quy định tại đoạn (9), một công ty tài chính bắc cầu sẽ không được coi là một tổ chức tài chính được một cơ quan tiếp quản, tiếp nhận, ủy thác trong quá trình phá sản, hoặc một cơ quan được chỉ định quản lý, hoặc công ty tài chính bắc cầu đó đang là đối tượng của một vụ xử lý phá sản hay mất khả năng thanh toán.

(D) Định nghĩa ngày làm việc.—Trong phạm vi quy định của mục này, “ngày làm việc” là các ngày trừ Thứ Bảy, Chủ Nhật hay bất kỳ ngày nào mà Sở giao dịch chứng khoán New York hay Ngân hàng dự trữ liên bang New York đóng cửa.

(11) Phủ nhận hoặc từ chối thực hiện hợp đồng tài chính hợp lệ.— Trong quá trình thực hiện quyền phủ nhận hoặc từ chối thực hiện hợp đồng tài chính hợp lệ mà trong đó tổ chức tài chính bị tiếp nhận đóng vai trò là một bên của hợp đồng, Tổng Công ty sẽ—

(A) phủ nhận hoặc từ chối thực hiện tất cả các hợp đồng tài chính hợp lệ giữa—

(i) bất kỳ đối tượng hay đơn vị trực thuộc đối tượng đó; và

(ii) công ty tài chính bị tiếp nhận; hoặc

(B) không phủ nhận hay từ chối thực hiện hợp đồng được đề cập đến tại tiểu đoạn (A) (liên quan tới đối tượng đó và bất kỳ đơn vị nào thuộc đối tượng).

(12) Một số khoản lãi của khác hàng và lãi đảm bảo không được tránh.—Không điều khoản nào trong mục này cho phép tránh—

(A) các khoản lãi hợp pháp từ tài sản của tổ chức tài chính bị tiếp nhận, trừ các trường hợp tại phần (a)(11); hoặc

(B) lãi hợp pháp từ các tài sản của khách hàng, các quyền được đảm bảo đối với cổ phần liên quan tới tài sản hay bất động sản do tổ chức tài chính đó nắm giữ thay chủ sở hữu có quyền được đảm bảo.

(13) Quyền buộc thực hiện hợp đồng.—

(A) Nhìn chung.—Tổng Công ty với tư cách là Cơ quan tiếp nhận có thể buộc tôn trọng thực hiện bất kỳ hợp đồng nào ngoài hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm của một người điều hành hay nhân viên hoặc cam kết về tổ chức tài chính mà tổ chức đó đã tham gia. Tổng Công ty có thể quyết định như vậy ngay cả khi hợp đồng quy định việc chấm dứt, vỡ nợ, trả trước. Tổng Công ty cũng có thể thực hiện quyền xử lý, chỉ định hay trực tiếp thực hiện quyền của một Cơ quan tiếp nhận, quyền nộp hồ sơ thỉnh cầu theo quy định tại Phần 202(a)(1), hoặc ban hành những đề xuất kiến nghị hoặc quyết định, hoặc bất kỳ hành động hay sự kiện nào xảy ra liên quan tới, hoặc là kết quả của những việc đó theo quy định tại Phần 203.

(B) Những quyền không bị ảnh hưởng.—Không có điều khoản nào của mục này có nội dung hạn chế hay bãi bỏ quyền của Tổng Công ty với vai trò là Cơ quan tiếp nhận trong việc buộc tôn trọng hoặc khôi phục hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm của một người điều hành hay một nhân viên hay cam kết về tổ chức tài chính theo luật định.

(C) Chấp thuận yêu cầu và các điều khoản liên quan.—

(i) Nhìn chung.—Ngoại trừ những quy định khác biệt trong phần này, nếu không có sự chấp thuận của Tổng Công ty trong vòng 90 ngày kể từ khi Tổng Công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận, không đối tượng nào được phép thực hiện quyền chấm dứt, trả trước, hay tuyên bố vỡ nợ đối với hợp đồng mà tổ chức bị tiếp nhận đóng vai trò 1 bên của hợp đồng (và không được thực hiện điều khoản nào trong hợp đồng đó về việc vỡ nợ, chấm dứt, hay trả trước); cũng như không được sở hữu hay kiểm soát tài sản của tổ chức bị tiếp quản; cũng như gây ảnh hưởng tới quyền của tổ chức bị tiếp nhận với vai trò là một bên của hợp đồng.

(ii) Các trường hợp ngoại lệ.—Các quy định của tiểu đoạn này không áp dụng với hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm của một người điều hành hay một nhân viên hay cam kết về tổ chức tài chính, không áp dụng đối với quyền của các bên của hợp đồng thanh toán bù trừ theo mục A của phần IV Luật cải tổ Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi liên bang 1991. Không quy định nào của tiểu đoạn này cho phép Tổng Công ty với vai trò là Cơ quan tiếp nhận không tuân thủ các điều khoản quy định khác của hợp đồng đó.

(D) Các hợp đồng cung cấp tín dụng.—Không trái với các quy định khác trong mục này, Nếu Tổng Công ty với vai trò là Cơ quan tiếp nhận buộc tôn trọng thực hiện bất kỳ hợp đồng nào nhằm cấp tín dụng cho tổ chức bị tiếp nhận hay cho công ty tài chính bắc cầu, bất kỳ nghĩa vụ có hiệu lực và có thể thực hiện được của hợp đồng nhằm trả nợ sẽ do Tổng Công ty thanh toán và khoản này sẽ được tính trong chi phí hành chính của công việc tiếp nhận.

(14) Trường hợp ngoại lệ đối với các ngân hàng dự trữ liên bang và lãi đảm bảo công ty.—Tiểu phần này sẽ không áp dụng với những trường hợp liên quan tới—

(A) việc cấp tín dụng của Ngân hàng dự trữ hoặc Tổng Công ty đối với bất kỳ tổ chức tài chính bị tiếp nhận; hoặc

(B) bất kỳ khoản lãi nào từ tài sản của tổ chức tài chính bị tiếp nhận được dùng làm đảm bảo cho việc cấp tín dụng đó đó.

(15) Điều khoản giới hạn.—Nghĩa của các thuật ngữ sử dụng trong tiêu phần này được áp dụng chỉ trong phạm vi tiêu phần này và không ảnh hưởng tới việc định nghĩa, diễn giải hay sử dụng các thuật ngữ tương tự trong các văn bản luật hay quy định khác, bao gồm Luật Gramm-Leach-Bliley, Luật Các sản phẩm trong lĩnh vực ngân hàng 2000, các luật về chứng khoán (Phần 3(a)(47) của Luật giao dịch chứng khoán 1934), và Luật giao dịch hàng hóa.

(16) Thực hiện các hợp đồng do tổ chức bị tiếp nhận đảm bảo.—

(A) Nhìn chung.—Tổng Công ty với vai trò là Cơ quan tiếp nhận tổ chức bị đổ vỡ hoặc là cơ quan tiếp nhận một chi nhánh của tổ chức tài chính (bao gồm cả một tổ chức nhận tiền gửi được đảm bảo) sẽ có quyền buộc thực hiện hợp đồng của các đơn vị trực thuộc của tổ chức tài chính đó, các nghĩa vụ do tổ chức đó đảm bảo hay hỗ trợ, hay có liên quan tới tổ chức tài chính đó, bất kể theo hợp đồng quy định có quyền chấm dứt, thanh lý, trả trước các hợp đồng đó hay không, chỉ xét theo tình trạng mất khả năng thanh toán, điều kiện tài chính, hoặc việc bị tiếp nhận của tổ chức đổ vỡ đó, nếu—

(i) sự đảm bảo hay hỗ trợ đó và tất cả các tài sản và nợ liên quan đều được chuyển sang cho và được tiếp nhận bởi công ty tài chính bắc cầu hoặc một bên thứ ba (không phải bên thứ ba được xử lý bởi một cơ quan tiếp nhận, tiếp quản hay ủy thác, cũng không phải là đối tượng của một vụ xử lý phá sản hay mất thanh khoản khác) trong cùng một khoảng thời gian mà Tổng Công ty có quyền chuyển giao các hợp đồng tài chính hợp lệ của tổ chức tài chính bị tiếp nhận đó; hoặc

(ii) Tổng Công ty, với vai trò là Cơ quan tiếp nhận, đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đó.

(B) Nguyên tắc xây dựng.—Trong phạm vi quy định của mục này, một công ty tài chính bắc cầu không được coi là một bên thứ ba mà một cơ quan tiếp nhận, tiếp quản hay ủy thác được chỉ định xử lý hay là một đối tượng của một vụ xử lý phá sản hay mất khả năng thanh toán khác.

(n) Quỹ thanh lý theo trình tự.—

(6) Giới hạn nghĩa vụ tối đa.—Trong quá trình thanh lý có trình tự một tổ chức tài chính bị tiếp nhận, Tổng Công ty sẽ không phải gánh chịu phần tổng nghĩa vụ vượt quá—

(A) một khoản tương đương 10% tổng tài sản hợp nhất của một tổ chức tài chính bị tiếp nhận, dựa trên số liệu của báo cáo tài chính cập nhật nhất, trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Tổng Công ty được chỉ định là Cơ quan tiếp nhận (hoặc trong một thời gian ngắn hơn nếu Tổng Công ty đã tính toán được khối lượng khoản mô tả tại mục (B)); và

(B) khoản tương đương 90% của giá trị thị trường của tổng tài sản hợp nhất của mỗi tổ chức tài chính bị tiếp nhận còn lại dành cho việc hoàn trả, sau thời gian được mô tả ở tiêu đoạn (A).

(7) Xây dựng quy định.—Tổng Công ty phối hợp với Bộ trưởng tài chính với sự tư vấn của Hội đồng giám sát ổn định tài chính, thảo ra các quy định về việc tính toán giới hạn nghĩa vụ tối đa theo quy định của đoạn này.*

PHẦN 316. CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ TIẾT KIỆM

(b) Tiếp tục thực hiện các Lệnh OTS, các Nghị quyết, Quyết định, Thỏa thuận, Quy định hiện hành, vv. – Tất cả lệnh, phương án, quyết định, thỏa thuận, và quy định, quy tắc giải thích, các tài liệu giải thích khác, các chỉ dẫn, thủ tục, và các tài liệu tư vấn khác, mà được lập, soạn thảo, hoặc được ban hành bởi Văn phòng Giám sát Tiết kiệm hoặc Người đứng đầu Văn phòng Giám sát Tiết kiệm, hoặc tòa pháp lý chuyên trách, trong việc thực hiện các chức năng được chuyển giao và có hiệu lực vào

ngày trước ngày chuyển giao, sẽ tiếp tục có hiệu lực theo những điều kiện của lệnh, phương án, quyết định, thỏa thuận, và quy định, quy tắc giải thích, các tài liệu lý giải khác, chỉ dẫn, thủ tục, và các tài liệu tư vấn khác, và có thể thực thi bởi hoặc theo –

(1) Hội đồng Thống đốc, trong trường hợp chức năng của Văn phòng Giám sát Tiết kiệm hoặc Người đứng đầu Văn phòng Giám sát Tiết kiệm được chuyển giao cho Hội đồng Thống đốc, cho đến khi được chỉnh sửa, kết thúc, để lại, hoặc thay thế theo luật định bởi Hội đồng Thống đốc, bởi bất kỳ tòa án chuyên trách, hoặc bởi quá trình thực thi luật

(2) Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ hoặc Kiểm soát viên Tiền tệ, trong trường hợp chức năng của Văn phòng Giám sát Tiết kiệm hoặc Người đứng đầu Văn phòng Giám sát Tiết kiệm được chuyển giao tương ứng cho Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ hoặc Kiểm soát viên Tiền tệ, cho đến khi được chỉnh sửa, kết thúc, để lại, hoặc thay thế theo luật áp dụng bởi Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ hay Kiểm soát viên Tiền tệ, bất kỳ tòa án nào có trách nhiệm, hoặc do quá trình thực thi luật; và

(3) Tổng Công ty, trong trường hợp chức năng của Văn phòng Giám sát Tiết kiệm hoặc người đứng đầu Văn phòng Giám sát Tiết kiệm được chuyển giao cho Tổng Công ty, cho đến khi được chỉnh sửa, kết thúc, để lại, hoặc thay thế theo luật áp dụng bởi Tổng công ty, bởi tòa án chuyên trách, hoặc do quá trình thực thi luật.

(c) Việc xác định các quy định phải tiếp tục thực hiện. –

(1) Hội đồng Thống đốc. – Không muộn hơn ngày chuyển giao, Hội đồng Thống đốc phải

(A) xác định các quy định phải tiếp tục thực hiện theo Tiểu phần (b) bởi Hội đồng Thống đốc; và

(B) công bố một danh sách các quy định được xác định theo tiểu đoạn (A) trong Công báo Liên bang.

(2) Văn phòng kiểm soát tiền tệ. – Không muộn hơn ngày chuyển giao, Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ phải -

(A) sau khi tham vấn với Tổng công ty, xác định các quy định phải tiếp tục thực hiện theo Tiểu phần (b) bởi Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ; và

(B) công bố một danh sách các quy định được xác định theo tiểu đoạn (A) trong Công báo Liên bang.

(3) Tổng công ty. Không muộn hơn ngày chuyển giao, Tổng công ty phải

(A) sau khi tham vấn với Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ, xác định các quy định được tiếp tục theo Tiểu phần (b) bởi Tổng công ty; và

(B) công bố danh sách các quy định được xác định theo tiểu đoạn (A) trong Công báo Liên bang.

PHẦN 331. CẢI CÁCH LĨNH VỰC BẢO HIỂM TIỀN GỬI.

(a) Những khác biệt về quy mô. Phần 7(b)(2) của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (12 U.S.C. 1817(b)(2) được sửa đổi như sau –

(1) bỏ tiểu đoạn (D); và

(2) ký hiệu lại tiểu đoạn (C) thành tiểu đoạn (D)

(b) Cơ sở tính phí. Tổng công ty phải sửa đổi những quy định được Tổng công ty ban hành theo Phần 7(b)(2) của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (12 U.S.C. 1817(b)(2) để định nghĩa thuật ngữ “cơ sở tính phí” đối với tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm trong phạm vi Phần 7(b)(2) là số tiền tương đương với-

(1) tổng tài sản hợp nhất trung bình của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm trong giai đoạn tính phí; trừ đi

(2) tổng

(A) vốn chủ sở hữu hữu hình trung bình của tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm trong quá trình tính phí; và

(B) trong trường hợp một tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm là một ngân hàng nhận giữ hộ tài sản (đã được Tổng công ty định nghĩa, dựa trên các yếu tố bao gồm phần trăm tổng thu nhập tạo ra hoạt động kinh doanh nhận giữ hộ tài sản và mức độ tài sản được giữ hộ) hoặc một ngân hàng của một chủ ngân hàng (thuật ngữ này được sử dụng ở Phần 5136 của Đạo luật sửa đổi (12 U.S.C.24)), số tiền mà Tổng công ty quyết định là cần có để xây dựng những cơ sở tính phí phù hợp với định nghĩa tại Phần 7(b)(1) của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (12 U.S.C.1817(b)(1) đối với một ngân hàng nhận giữ hộ tài sản hoặc một ngân hàng do chủ ngân hàng nắm giữ.

PHẦN 332. LOẠI BỎ NHỮNG ĐÁNH GIÁ MANG TÍNH CHU KỲ.

Phần 7(e) của Luật Bảo hiểm tiền gửi liên bang được sửa đổi như sau

(1) trong đoạn (2)

(A) sửa đổi tiêu đoạn (B) thành nguyên văn như sau:

“(B) Hạn chế. - Hội đồng Quản trị có thể, trong phạm vi quyền hạn của mình, hoãn hoặc hạn chế việc kê khai chi trả cổ tức theo tiêu đoạn (A).”;

(B) sửa đổi tiêu đoạn (C) thành nguyên văn như sau:

“(C) Thông báo và phản hồi. – Sau khi có thông báo và phản hồi, Tổng công ty phải xây dựng phương pháp kê khai, tính toán, phân phối, và chi trả cổ tức theo đoạn này”; và

(C) bỏ tiêu mục từ (D) cho đến (G); và

(2) trong đoạn (4)(A), xóa “các đoạn (2)(D) và” và thay thế bằng “các đoạn (2) và”.

PHẦN 334. CÁC YÊU CẦU VỀ TỶ LỆ DỰ TRỮ CHUYỂN ĐỔI ĐỂ PHẢN ÁNH CƠ SỞ TÍNH PHÍ MỚI.

(a) Phần 7(b)(3)(B) của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang được sửa đổi thành nguyên văn như sau:

“(B) Tỷ lệ dự trữ tối thiểu. – Tỷ lệ dự trữ do Hội đồng quản trị quy định trong mỗi năm không thấp hơn 1,35% số dư tiền gửi được bảo hiểm ước tính, hoặc phần trăm tương ứng cơ sở tính phí được đưa ra trong đoạn (2)(C).”.

(b) Phần 3(y)(3) của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang được thêm “, hoặc phần trăm tương ứng của cơ sở tính phí được quy định trong Phần 7(b)(2)(C)” vào trước thời hạn.

(c) Đối với một giai đoạn không ít hơn 5 năm sau ngày ban hành quyền này, Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi Liên bang có trách nhiệm công khai tỷ lệ dự trữ và tỷ lệ dự trữ được xác định có sử dụng số dư tiền gửi được bảo hiểm ước tính, và cơ sở tính phí theo Phần 7(b)(2)(C) của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang.

(d) Tỷ lệ dự trữ. – Không trái với những yêu cầu về thời điểm đối với Phần 7(b)(3)(E)(ii) của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang, Tổng công ty phải thực hiện những bước cần thiết để nâng tỷ lệ dự trữ của Quỹ Bảo hiểm tiền gửi lên mức 1,35% số dư tiền gửi được bảo hiểm ước tính trước ngày 30 tháng 9 năm 2020.

(e) Bù đắp. – Để thiết lập những cơ sở tính phí cần thiết nhằm đáp ứng những yêu cầu của Tiểu phần (d), Tổng công ty sẽ bù đắp các tác động của quy định tại Tiểu phần (d) đến các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm với tổng tài sản hợp nhất ít hơn 10.000.000.000 đô la Mỹ.

PHẦN 335. TĂNG VĨNH VIỄN HẠN MỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI VÀ BẢO HIỂM CỔ PHẦN

(a) Tăng vĩnh viễn hạn mức bảo hiểm tiền gửi. – Phần 11(a)(1)(E) của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (12 U.S.C.1821(a)(1)(E)) được sửa đổi như sau

(1) xóa cụm từ “100.000 đô la Mỹ” và thay bằng cụm từ “250.000 đô la Mỹ”; và

(2) ở cuối cùng, thêm những câu mới như sau: “Không trái với các quy định khác của Luật, việc tăng số tiền gửi được bảo hiểm tối đa lên tới 250.000 đô la Mỹ được áp dụng đối với người gửi tiền tại bất cứ tổ chức nào mà Tổng công ty được chỉ định làm cơ quan tiếp nhận hoặc tiếp quản vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2008, và trước ngày 3 tháng 10 năm 2008. Tổng công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để thực hiện những yêu cầu của phần này về người gửi tiền, bất kể những hạn chế về thời gian theo Luật này. Trong việc thực hiện câu này và 2 câu trước, việc chi trả số tiền gửi cho người gửi tiền do Tổng công ty thực hiện với tư cách là cơ quan tiếp nhận hoặc tiếp quản quá hạn mức số tiền gửi được bảo hiểm tại có hiệu lực thời điểm chỉ định Tổng công ty làm người tiếp nhận hay tiếp quản sẽ được coi là một phần của số tiền ròng còn nợ người gửi tiền theo tiểu đoạn (B).”

(b) tăng vĩnh viễn mức cổ phần được bảo hiểm.S – Phần 207(k)(5) của Luật Hiệp hội Tín dụng Liên bang (12 U.S.C.1787(k)(5)) được sửa bằng cách xóa cụm “100.000 đô la Mỹ” và thay thế bằng cụm “250.000 đô la Mỹ”.

PHẦN 342. VĂN PHÒNG HỖ TRỢ SỰ HÒA NHẬP CỦA NGƯỜI THIỂU SỐ VÀ PHỤ NỮ

(a) Văn phòng Hỗ trợ Sự hòa nhập của Người Thiểu số và Phụ nữ.

(1) Thành lập.

(A) Nói chung. – Ngoài trừ những gì đã được nêu trong tiểu đoạn (B), không chậm hơn 6 tháng sau ngày ban hành Luật này, mỗi cơ quan sẽ phải thành lập một Văn phòng Hỗ trợ sự hòa nhập của Người Thiểu số và Phụ nữ phụ trách tất cả các vấn đề của cơ quan có sự đa dạng về các hoạt động quản lý, thuê nhân công, và kinh doanh.

(B) Cục Bảo vệ tài chính người tiêu dùng. – Cục thành lập một Văn phòng Hỗ trợ Sự hòa nhập của Phụ nữ và Người thiểu số không chậm hơn 6 tháng sau ngày chuyển giao được chỉ định theo quy định tại Phần 1062.

(2) Chuyển giao trách nhiệm. – Mỗi cơ quan, vào ngày trước ngày ban hành Luật này, mà đã chuyển giao trách nhiệm như được mô tả trong đoạn (1) (hoặc trách nhiệm tương ứng) cho văn phòng khác của cơ quan này phải đảm bảo rằng những trách nhiệm như vậy được chuyển giao cho Văn phòng Hỗ trợ Sự hòa nhập của Người Thiểu số và Phụ nữ.

(3) Trách nhiệm theo luật về quyền công dân. Các trách nhiệm được mô tả trong đoạn (1) không gồm việc thực hiện các quy chế, quy định, hoặc lệnh thực thi liên quan tới quyền công dân, trừ khi mỗi Giám đốc phối hợp với lãnh đạo cơ quan quản lý, hoặc người đại diện cho lãnh đạo cơ quan quản lý, trong việc xây dựng và thực hiện các biện pháp xử lý những vi phạm quy chế, quy định, hoặc mệnh lệnh thực thi.

(b) Giám đốc. –

(1) Quy định chung. – Giám đốc của mỗi Văn phòng được lãnh đạo cơ quan quản lý bổ nhiệm và phải báo cáo cho lãnh đạo cơ quan quản lý. Vị trí của Giám đốc sẽ là vị trí được chỉ định trong Ban điều hành cao cấp, vị trí đó được định nghĩa trong Phần 3132 của Mục 5, Luật Hoa Kỳ, hay một thứ bậc tương đương.

(2) Trách nhiệm. – Mỗi Giám đốc phải xây dựng những tiêu chuẩn đối với-

(A) cơ hội việc làm bình đẳng và sự đa dạng về chủng tộc, dân tộc và giới tính của lực lượng lao động và bộ phận quản lý cấp cao của cơ quan;

(B) việc tham gia ngày càng nhiều của các doanh nghiệp do phụ nữ và người thiểu số sở hữu trong các chương trình và hợp đồng của cơ quan, bao gồm các tiêu chuẩn hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp như vậy; và

(C) đánh giá các chính sách đa dạng hóa và thông lệ của các đơn vị do cơ quan quản lý.

(3) Những trách nhiệm khác, - Mỗi Giám đốc sẽ phải tư vấn cho lãnh đạo cơ quan quản lý về tác động của chính sách và quy định của cơ quan quản lý đối với các doanh nghiệp do người thiểu số và phụ nữ sở hữu.

(4) Nguyên tắc xây dựng. –Nội dung của đoạn (2)(C) không nhằm áp đặt bất cứ yêu cầu nào hoặc làm ảnh hưởng đến chính sách hay tập quán cho vay của tổ chức được điều tiết, hoặc yêu cầu bất kỳ hành động cụ thể nào dựa trên những phát hiện của việc đánh giá trên.

(c) Tham gia vào mọi mức độ hoạt động kinh doanh.-

(1) Nói chung. – Giám đốc mỗi Văn phòng phải xây dựng và thực hiện những tiêu chuẩn và thủ tục để đảm bảo, trong mức độ tối đa có thể, việc tham gia bình đẳng và huy động người thiểu số, phụ nữ, và các doanh nghiệp của người thiểu số và phụ nữ trong tất cả lĩnh vực và hoạt động của cơ quan quản lý ở mọi cấp độ, bao gồm cả trong việc mua sắm, bảo hiểm, và tất cả các loại hợp đồng.

(2) Hợp đồng. – Các thủ tục do mỗi cơ quan quản lý xây dựng để rà soát và đánh giá những đề xuất về hợp đồng và để thuê các nhà cung cấp dịch vụ, ở một mức độ phù hợp với luật định, bao gồm một cấu phần cân nhắc tới sự đa dạng của đối tượng tham gia. Thủ tục như vậy bao gồm một tuyên bố bằng văn bản, theo hình thức và với nội dung như Giám đốc đặt ra, rằng nhà thầu phải đảm bảo, tới mức độ tối đa có thể, sự tham gia bình đẳng của phụ nữ và người thiểu số vào lực lượng lao động của nhà thầu và, cả các nhà thầu phụ.

(3) Chấm dứt hợp đồng. –

(A) Quyết định. – Các tiêu chuẩn và thủ tục được xây dựng và thực hiện theo tiêu mục này bao gồm một thủ tục cho Giám đốc ra quyết định về việc một nhà thầu cho cơ quan, và, cả nhà thầu phụ đã không có thiện chí tuyển dụng người thiểu số và phụ nữ

(B) Tác động của quyết định.

(i) Khuyến nghị đối với lãnh đạo cơ quan quản lý. – Sau khi ra quyết định được nêu ở tiểu đoạn (A), Giám đốc khuyến nghị với lãnh đạo cơ quan quản lý về việc chấm dứt hợp đồng.

(ii) Hành động của lãnh đạo cơ quan quản lý. – Sau khi nhận được khuyến nghị theo khoản (i), lãnh đạo cơ quan quản lý có thể -

(I) chấm dứt hợp đồng;

(II) gửi kiến nghị lên Văn Phòng Chương trình Tuân thủ Hợp đồng Liên bang trực thuộc Bộ Lao động; hoặc

(III) có hành động thích hợp khác.

(d) Khả năng áp dụng. – Phần này áp dụng đối với tất cả hợp đồng của cơ quan cung cấp dịch vụ thuộc mọi thể loại, bao gồm dịch vụ của các tổ chức tài chính, ngân hàng đầu tư, ngân hàng thế chấp, công ty quản lý tài sản, người môi giới, người kinh doanh, các cơ quan dịch vụ tài chính, người bảo lãnh, kế toán, nhà tư vấn đầu tư, và nhà cung cấp các dịch vụ pháp lý. Những hợp đồng được đề cập đến trong tiểu phần này bao gồm các hợp đồng phát hành hoặc bảo lãnh nợ, vốn chủ sở hữu, hoặc chứng khoán, bán tài sản, quản lý tài sản của cơ quan, việc đầu tư vốn chủ sở hữu của cơ quan, và việc các cơ quan thực hiện các chương trình nhằm giúp phục hồi kinh tế.

(e) Báo cáo. – Mỗi Văn phòng phải đệ trình cho Quốc hội báo cáo thường niên về những hành động của cơ quan quản lý và Văn phòng theo phần này, mà sẽ bao gồm-

(1) bản kê khai tổng số tiền do cơ quan quản lý trả cho các nhà thầu từ báo cáo trước;

(2) phần trăm số tiền được mô tả trong đoạn (1) được trả cho các nhà thầu được mô tả trong Tiểu phần (c)(1);

(3) những thành công đạt được và những thách thức mà cơ quan quản lý phải đối mặt trong việc điều hành các chương trình mở rộng cho người thiểu số và phụ nữ;

(4) các thách thức mà cơ quan quản lý có thể phải đối mặt trong việc thuê nhân công là người thiểu số và phụ nữ có năng lực và ký hợp đồng với các doanh nghiệp của người thiểu số và phụ nữ có năng lực; và

(5) bất cứ thông tin, phát hiện, kết luận, và kiến nghị nào khác đối với hành động pháp lý hoặc của cơ quan quản lý, mà Giám đốc quyết định là thích hợp.

(f) Tính đa dạng của Lực lượng lao động trong cơ quan quản lý. – Mỗi cơ quan quản lý phải áp dụng các biện pháp kiên quyết để đạt được sự đa dạng trong lực lượng lao động của cơ quan quản lý ở tất cả các cấp theo cách thức phù hợp với luật định. Các bước tiến hành gồm có –

(1) tuyển dụng tại các trường đại học và cao đẳng trước đây dành cho người da đen, các tổ chức phục vụ của người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, các trường cao đẳng dành cho phụ nữ, và các trường cao đẳng đào tạo riêng cho phần lớn cộng đồng người thiểu số;

(2) tài trợ và tuyển dụng nhân lực tại các hội chợ việc làm được tổ chức ở các cộng đồng đô thị;

(3) đăng quảng cáo tuyển nhân lực trên báo và tạp chí nhắm đến đối tượng người thiểu số và phụ nữ;

(4) hợp tác với các tổ chức mà tập trung vào việc phát triển những cơ hội cho người thiểu số và phụ nữ để giúp những người thiểu số và phụ nữ có năng lực thực tập trong các ngành nghề, làm việc vào mùa hè, và làm việc toàn thời gian;

(5) nếu khả thi, hợp tác với các trường trung học nội đô, trường trung học dành cho nữ giới, và trường trung học có nhiều người thiểu số để xây dựng hoặc tăng cường các chương trình giảng dạy về tài chính và cung cấp dịch vụ tư vấn; và

(6) bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác mà Văn phòng cho là cần thiết.

(g) Các định nghĩa. – Trong phạm vi của mục này, sẽ áp dụng các định nghĩa sau đây:

(1) Cơ quan quản lý. – Thuật ngữ “cơ quan quản lý” có nghĩa là –

(A) Các cục thuộc Bộ Tài chính;

(B) Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi Liên bang;

(C) Cơ quan tài chính nhà đất Liên bang;

(D) Các ngân hàng dự trữ Liên bang;

(E) Hội đồng Thống đốc;

(F) Ban quản trị Hiệp hội Tín dụng Quốc gia;

(G) Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ;

(H) Ủy ban Chứng khoán và Ngoại hối; và

(I) Cục bảo vệ tài chính người tiêu dùng.

(2) Lãnh đạo cơ quan quản lý. Thuật ngữ “lãnh đạo cơ quan quản lý” được hiểu là người đứng đầu cơ quan quản lý.

(3) Người thiểu số. – Thuật ngữ “người thiểu số” được hiểu như trong Phần 1204(c) của Luật Cải cách các Tổ chức Tài chính, Khôi phục và Thực thi năm 1989 (chú thích 12 U.S.C.1811).

(4) Doanh nghiệp của người thiểu số. – Thuật ngữ “doanh nghiệp của người thiểu số” được hiểu như trong Phần 21(A)(r)(4)(A) của Luật ngân hàng cho vay mua nhà Liên bang (12 U.S.C.1441a(r)(4)(A), có hiệu lực vào ngày trước ngày chuyển giao.

(5) Văn phòng. – Thuật ngữ “Văn phòng” được hiểu là Văn phòng Hỗ trợ sự hòa nhập của Người thiểu số và Phụ nữ do một cơ quan quản lý thành lập theo Tiểu phần (a).

(6) Doanh nghiệp của phụ nữ.- Thuật ngữ “doanh nghiệp của phụ nữ” được hiểu như trong Phần 21A(r)(4)(B) của Luật Ngân hàng Cho vay mua nhà Liên bang (12 U.S.C.1441a(r)(4)(B)), có hiệu lực vào ngày trước ngày chuyển giao.

PHẦN 343. BẢO HIỂM CÁC TÀI KHOẢN GIAO DỊCH.

(a) Các ngân hàng và Hiệp hội Tiết kiệm. –

(1) Sửa đổi. – Phần 11(a)(1) trong Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (12 U.S.C.182(a)(1)) được sửa đổi như sau –

(A) trong tiêu mục (B)-

(i) xóa cụm “số tiền thực tế” và thay bằng cụm sau:

“(i) Nói chung. – Theo khoản (ii), số tiền thực tế”; và

(ii) thêm các điều khoản mới vào phần cuối:

“(ii) Bảo hiểm cho các tài khoản giao dịch không hưởng lãi. – Bên cạnh điều khoản (i), Tổng công ty có trách nhiệm bảo hiểm toàn bộ số tiền thực tế mà bất kỳ người gửi tiền nào tại tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm gửi trong một tài khoản giao dịch không hưởng lãi. Khoản tiền này không được xem xét khi tính số tiền thực tế trả cho người gửi tiền theo quy định tại khoản (i).

“(iii) Tài khoản giao dịch không hưởng lãi được định nghĩa. – Trong phạm vi quy định của tiêu mục này, thuật ngữ “tài khoản giao dịch không hưởng lãi” được hiểu là khoản tiền gửi hoặc tài khoản được gửi tại một tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm –

“(I) không được cộng dồn lãi hoặc trả lãi;

“(II) mà người gửi tiền hoặc chủ tài khoản được phép rút ra bằng công cụ chuyển nhượng được hoặc thương lượng được, lệnh thanh toán theo hình thức rút tiền, chuyển khoản qua điện thoại hoặc các phương tiện điện tử khác, hoặc các hình thức khác cho mục đích thanh toán hoặc chuyển khoản cho bên thứ ba hoặc cho những người khác; và

“(III) theo đó tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm không có quyền yêu cầu thông báo trước về việc rút tiền có chủ định.” Và

(B) trong tiêu mục (C), xóa cụm “tiêu mục (B)” và thay bằng cụm “tiêu mục (B)(i)”.

(2) Thời điểm có hiệu lực. – Những sửa đổi được thực hiện ở mục (1) có hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

(3) Việc bãi bỏ sau đó. Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2013, Phần 11(a)(1) của Luật Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (12 U.S.C.1821(a)(1)), như được sửa đổi ở mục (1), được sửa như sau –

(A) ở tiêu mục (B)-

(i) xóa cụm “tiền gửi.-“ và tất cả cụm đi sau cho đến “khoản (ii), số tiền thực tế” và thay bằng “tiền gửi. – Số tiền thực tế”; và

(ii) xóa các điều khoản (ii) và (iii); và

(B) ở tiêu mục (C), xóa cụm “tiêu mục (B)(i)” và thay bằng “tiêu mục (B)”.

(b) Các Hiệp hội Tín dụng. –

(1) Những sửa đổi. – Phần 207(k)(1) của Luật Hiệp hội Tín dụng Liên bang (12 U.S.C.1787(k)(1)) được sửa đổi như sau –

(A) trong tiêu mục (A)-

(i) xóa cụm “Theo những quy định của mục (2), số tiền thực tế” và thay bằng cụm sau:

“(i) Số tiền bảo hiểm thực tế phải trả. – Theo khoản (ii) và các quy định của mục (2), số tiền thực tế”; và

(ii) thêm vào cuối những điều khoản mới sau:

“(ii) Bảo hiểm cho các tài khoản giao dịch không hưởng lãi. – Ngoài điều khoản (i), Hội đồng phải bảo hiểm toàn bộ số tiền thực tế mà bất kỳ thành viên hay người gửi tiền nào tại bất kỳ một hiệp hội tín dụng được bảo hiểm giữ trong một tài khoản giao dịch không hưởng lãi. Khoản tiền như vậy không được xem xét khi tính số tiền thực tế trả cho thành viên hoặc người gửi tiền theo khoản (i).

“(iii) Tài khoản giao dịch không hưởng lãi được định nghĩa. – Trong phạm vi quy định của tiêu mục này, thuật ngữ “tài khoản giao dịch không hưởng lãi” được hiểu là khoản tiền gửi hoặc tài khoản được gửi tại một hiệp hội tín dụng được bảo hiểm –

“(I) không được cộng dồn lãi hoặc trả lãi;

“(II) mà người gửi tiền hoặc chủ tài khoản được phép rút ra bằng công cụ chuyển nhượng được hoặc thương lượng được, lệnh thanh toán theo hình thức rút tiền, chuyển khoản qua điện thoại hoặc các phương tiện điện tử khác, hoặc các hình thức khác cho mục đích thanh toán hoặc chuyển khoản cho bên thứ ba hoặc cho những người khác; và

“(III) theo đó hiệp hội tín dụng được bảo hiểm không có quyền yêu cầu thông báo trước về việc rút tiền có chủ định.” Và

(B) trong tiêu mục (B), xóa cụm “tiêu mục (A)” và thay bằng cụm “tiêu mục (A)(i)”.

(2) Thời điểm có hiệu lực. – Những sửa đổi trong mục (1) có hiệu lực kể từ ngày ban hành Luật này

(3) Việc bãi bỏ sau đó. – Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2013, Phần 207(k)(1) của Luật Hiệp hội Tín dụng Liên bang (12 U.S.C.1787(k)(1)), được sửa đổi ở mục (1), được sửa đổi như sau-

(A) trong tiêu mục (A)-

(i) xóa cụm “(i) số tiền bảo hiểm thực tế được chi trả. – “và tất cả cụm đi sau cho đến mục (2), số tiền thực tế” và thay bằng “Theo các quy định của mục (2), số tiền thực tế”; và

(ii) xóa điều khoản (ii) và (iii); và

(B) trong tiêu mục (B), xóa “tiêu mục (A)(i)” và thay bằng cụm “tiêu mục (A)”.

PHẦN 619. CẤM THỰC HIỆN CÁC GIAO DỊCH MUA BÁN TÀI SẢN VÀ MỘT SỐ GIAO DỊCH VỚI CÁC QUỸ ĐẦU TƯ HỢP TÁC VÀ QUỸ CỔ PHẦN TƯ NHÂN

Luật Công ty cổ phần ngân hàng 1956 (12 U.S.C. 1841 và phần tiếp theo) được sửa bằng cách thêm vào phần cuối nội dung sau:

“PHẦN 13. CẤM THỰC HIỆN CÁC GIAO DỊCH MUA BÁN TÀI SẢN VÀ MỘT SỐ GIAO DỊCH VỚI CÁC QUỸ ĐẦU TƯ VÀ QUỸ CỔ PHẦN TƯ NHÂN.

“(a) Quy định chung. ----

“1) Cấm thực hiện. ---- Trừ khi có quy định cụ thể khác trong phần này, một ngân hàng không được phép -----

“(A) tham gia các giao dịch mua bán tài sản; hoặc

“(B) mua hoặc nắm giữ cổ phần, liên doanh hoặc tham gia sở hữu hoặc tài trợ một quỹ đầu tư hợp tác hoặc một quỹ cổ phần tư nhân.

“(2) Các công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của hội đồng thống đốc. – Nếu một công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của hội đồng thống đốc tham gia vào các hoạt động giao dịch mua bán tài sản hoặc nắm giữ cổ phần, liên doanh, hoặc tham gia sở hữu một quỹ đầu tư hợp tác hay quỹ cổ phần tư nhân phải bắt buộc, theo quy định tại tiểu mục (b)(2), thực hiện yêu cầu bổ sung vốn và hạn chế số lượng giao dịch đối với các giao dịch trên, trừ khi các giao dịch đó được phép thực hiện theo quy định tại tiểu mục (d) không phải thực hiện yêu cầu vốn bổ sung và bị hạn chế về số lượng giao dịch trừ các trường hợp được quy định tại tiểu mục (d)(3), coi các công ty tài chính phi ngân hàng do Hội đồng thống đốc giám sát như một tổ chức ngân hàng.

“(b) Nghiên cứu và xây dựng các nguyên tắc hướng dẫn. -

“(1) Nghiên cứu. - Trong vòng 6 tháng sau khi các quy định tại phần này có hiệu lực, Hội đồng giám sát tài chính có trách nhiệm nghiên cứu và ban hành các khuyến nghị về việc thực hiện các quy định tại phần này nhằm —

“(A) tăng cường ổn định và sự lành mạnh của các tổ chức ngân hàng;

“(B) bảo vệ người nộp thuế và người tiêu dùng và tăng cường ổn định tài chính bằng cách giảm thiểu rủi ro/nguy cơ tổ chức thành viên và các chi nhánh có thể tham gia vào các hoạt động không an toàn và kém hiệu quả;

“(C) hạn chế các giao dịch chuyển giao không phù hợp các chi nhánh cấp liên bang từ những tổ chức được hưởng lợi từ hoạt động bảo hiểm tiền gửi và các công cụ thanh khoản của chính phủ cho các tổ chức không chịu sự kiểm soát;

“(D) giảm xung đột lợi ích giữa lợi ích của các tổ chức ngân hàng và các công ty tài chính phi ngân hàng do Hội đồng thống đốc giám sát, và lợi ích của người tiêu dùng của các ngân hàng và công ty tài chính đó;

“(E) hạn chế những hoạt động gây ra hoặc có thể gây ra tổn thất hoặc rủi ro cao cho các ngân hàng và công ty tài chính phi ngân hàng do Hội đồng thống đốc giám sát.

“(F) thực hiện các hoạt động bảo hiểm trong phạm vi một công ty bảo hiểm, theo quy định phù hợp, đồng thời thực hiện bảo vệ sự an toàn lành mạnh của tổ chức ngân hàng liên kết với công ty bảo hiểm đó và của hệ thống tài chính Mỹ và

“(G) tính toán thời gian phù hợp xử lý các tài sản mất khả năng thanh khoản do việc thực hiện các điều khoản cấm tại tiểu mục (a).

“(2) Xây dựng các nguyên tắc hướng dẫn. —

“(A) Quy định chung. — Trừ khi có quy định khác tại phần này, trong vòng 9 tháng sau khi hoàn thành việc nghiên cứu theo quy định tại đoạn (1), các cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang, Ủy ban chứng khoán và ngoại hối, và Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai sẽ xem xét các kết luận từ công tác nghiên cứu theo quy định tại đoạn (1) và áp dụng các quy định phải thực hiện tại phần này, như quy định tại tiểu đoạn (B).

“(B) Xây dựng các nguyên tắc hướng dẫn chung. —

“(i) Cơ quan quản lý. — các quy định được ban hành theo quy định tại đoạn này sẽ được ban hành bởi —

“(I) các cơ quan quản lý ngân hàng liên bang phù hợp, cùng phối hợp, đối với các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm;

“(II) Hội đồng thống đốc, đối với công ty kiểm soát các tổ chức nhận tiền gửi tham gia bảo hiểm tiền gửi, hoặc được coi như công ty sở hữu ngân hàng theo như quy định tại Phần 8 của Luật Ngân hàng Quốc tế, công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng thống đốc, và chi nhánh các công ty đó (trừ trường hợp là chi nhánh của chịu sự quản lý tài chính chính của một cơ quan như quy định tại điều khoản (I), (III), hoặc (IV));

“(III) Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai, đối với các tổ chức mà Ủy ban này là cơ quan quản lý tài chính chính theo quy định tại Phần 2 Luật bảo vệ người tiêu dùng và cải cách phố Wall Dodd-Frank; và

“(IV) Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, đối với các tổ chức mà Ủy ban là cơ quan quản lý tài chính chủ quản theo quy định tại Phần 2 của Luật Dodd-Frank.

“(ii) Phối hợp, nhất quán và tương quan: — Về việc xây dựng và ban hành các quy định như quy định tại phần này, cơ quan quản lý ngân hàng liên bang có trách nhiệm liên quan, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, và Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai sẽ tham khảo ý kiến tư vấn và phối hợp với nhau, nhằm đảm bảo rằng những quy định này phù hợp và nhất quán và việc thực hiện các quy định tại phần này không gây ra những ưu tiên cũng như bất lợi cho các công ty liên quan theo quy định tại tiểu mục này và giúp bảo vệ sự an toàn lành mạnh của tổ chức ngân hàng và các công ty tài chính phi ngân hàng do Hội đồng thống đốc giám sát.

“(iii) vai trò của Hội đồng. — Chủ tịch Hội đồng giám sát ổn định tài chính có trách nhiệm đảm bảo sự thống nhất của các quy định được ban hành theo quy định tại phần này.

“(C) Thời gian hiệu lực. —

“(1) Quy định chung. — Trừ trường hợp như quy định tại đoạn (2) và (3), các quy định tại phần này sẽ có hiệu lực trong vòng —

“(A) 12 tháng sau ngày ban hành nguyên tắc cuối cùng tại tiểu mục (b); hoặc

“(B) 2 năm kể từ ngày ban hành nội dung quy định tại phần này.

“(2) Thời gian xử lý phù hợp. — Một tổ chức ngân hàng hoặc một công ty tài chính phi ngân hàng do Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các hoạt động và đầu tư tuân thủ các yêu cầu được quy định tại phần này trong vòng 2 năm sau ngày các quy định tại phần này có hiệu lực hoặc 2 năm sau ngày một tổ chức ngân hàng hoặc công ty trở thành công ty tài chính phi ngân hàng do Hội đồng Thống đốc giám sát. Hội đồng thống đốc có thể ban hành quy tắc hoặc lệnh gia hạn thời hạn 2 năm nay thêm không quá 01 năm/một lần, nếu Hội đồng thống đốc cho rằng sự gia hạn này phù hợp với mục đích và nội dung quy định tại phần này và không đi ngược lại lợi ích của công chúng. Thời gian gia hạn theo quy định tại phần này tối đa không quá 3 năm.

“(3) gia hạn thời gian chuyển giao các quỹ mất khả năng thanh khoản. —

“(A) Áp dụng. —

Căn cứ đơn đề nghị của tổ chức ngân hàng, Hội đồng thống đốc có thể gia hạn thời gian cần thiết cho tổ chức ngân hàng hoàn thành trách nhiệm theo hợp đồng ký kết có hiệu lực vào ngày 1/5/2010, để có thể mua hoặc nắm giữ cổ phần, liên doanh hoặc tham gia sở hữu, hoặc cấp vốn bổ sung cho một quỹ bị mất khả năng thanh khoản.

“(B) thời hạn thông qua. —

Hội đồng thống đốc có thể gia hạn một lần theo quy định tại tiểu đoạn (A) tối đa không quá 5 năm.

“(4) Xử lý theo yêu cầu. — Trừ trường hợp có quy định khác tại tiểu mục (d)(1)(G), một tổ chức ngân hàng không được tham gia vào các hoạt động bị cấm tại tiểu mục (a)(1)(B) ngay sau —

“(A) ngày mà trách nhiệm theo hợp đồng về việc đầu tư vào quỹ mất khả năng thanh toán hết hiệu lực; và

“(B) ngày mà thời gian gia hạn do Hội đồng thống đốc gia hạn theo quy định tại đoạn (3) kết thúc.

“(5) Vốn bổ sung trong giai đoạn chuyển tiếp. — Mặc dù có những quy định tại đoạn (2), vào ngày các nguyên tắc được ban hành theo quy định tại tiểu mục (B)(2), cơ quan quản lý ngân hàng liên bang liên quan, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, và Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai sẽ ban hành những nguyên tắc, như theo quy định tại tiểu mục (b)(2), yêu cầu bổ sung vốn, và các quy định hạn chế liên quan đối với việc một tổ chức ngân hàng mua cổ phần, liên danh hoặc tham gia sở hữu hoặc tài trợ một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân.

“(6) xây dựng các nguyên tắc đặc biệt. — Trong vòng 6 tháng sau ngày nội dung quy định tại phần này được ban hành, Hội đồng thống đốc sẽ ban hành các nguyên tắc hướng dẫn triển khai các nội dung quy định tại đoạn (2) và (3).

“(d) Các hoạt động được phép thực hiện. —

“(1) Quy định chung. — Mặc dù có những quy định hạn chế tại tiểu mục (4), theo quy định tại Luật liên bang hoặc luật tiểu bang, và theo những quy định về việc hạn chế tại đoạn (2) cũng nhưng các quy định liên quan khác cơ quan quản lý ngân hàng liên bang, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, và Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai, có thể quyết định cho phép thực hiện các hoạt động sau (được gọi là những hoạt động được phép thực hiện trong phần này):

“(A) Mua, bán, tiếp nhận hoặc xử lý các nghĩa vụ trách nhiệm của nước Mỹ hoặc của cơ quan chức năng của Mỹ, các nghĩa vụ trách nhiệm, tham gia góp cổ phần hoặc các công cụ khác phát hành bởi Hiệp hội tài sản thế chấp quốc gia cấp liên bang, Công ty thế chấp khoản vay mua nhà cấp liên bang hoặc tổ chức tín dụng nông nghiệp được cấp phép hoạt động theo quy định tại Luật tín dụng nông nghiệp năm 1971 (12 U.S.C 2001 và các nội dung tiếp theo), và các nghĩa vụ trách nhiệm của các tiểu bang hoặc đơn vị chính trị thuộc tiểu bang.

“(B) Việc mua, bán, tiếp nhận hoặc xử lý các chứng khoán và các công cụ khác như quy định tại tiểu mục (h)(4) liên quan đến việc đảm bảo hoặc các hoạt động liên quan đến việc tạo thị phần, trong phạm vi cho phép theo quy định tại tiểu đoạn này không được vượt quá yêu cầu cấp bách dự kiến theo kỳ vọng tương ứng của khách hàng, người tiêu dùng, hoặc đối tác.

“(C) các hoạt động dự phòng giảm thiểu rủi ro liên quan đến cá nhân hoặc tình hình chung, các hợp đồng ký kết, hoặc nắm giữ cổ phần của một tổ chức ngân hàng nhằm giảm thiểu rủi ro xảy ra đối với tổ chức ngân hàng đó liên quan đến tình hình chung, các hợp đồng, hoặc việc nắm giữ cổ phần khác.

“(D) Đại diện cho khách hàng thực hiện việc mua, bán, tiếp nhận, hoặc xử lý các chứng khoán và các công cụ khác theo quy định tại tiểu mục (h)(4).

“(E) Đầu tư vào một hoặc một số các công ty đầu tư kinh doanh nhỏ, như quy định tại Phần 102 của Luật đầu tư doanh nghiệp nhỏ năm 1958 (15 U.S.C. 6620, đầu tư chủ yếu nhằm nâng cao phúc lợi công cộng, được phép thực hiện theo quy định tại đoạn (11), Phần 5136 của Đạo luật nước Mỹ sửa đổi (12 U.S.C.24), hoặc các khoản đầu tư là những khoản chi phí cho việc phục hồi một công trình hoặc một kiến trúc lịch sử được công nhận, theo như các điều khoản quy định tại Phần 47 Đạo luật Thuế quốc gia năm 1986 hoặc một chương trình thu thuế nhằm phục hồi các công trình lịch sử tương tự cấp tiểu bang.

“(F) Việc mua, bán, tiếp nhận hoặc xử lý các chứng khoán và các công cụ khác theo quy định tại tiểu mục (h)(4) của một công ty bảo hiểm trực tiếp tham gia kinh doanh bảo hiểm đối với tài khoản tổng quát của công ty và của chi nhánh của các công ty bảo hiểm đó, miễn là các hoạt động do chi nhánh thực hiện hoàn toàn vì tài khoản tổng quát của công ty bảo hiểm, nếu —

“(i) Việc mua, bán, tiếp nhận, hoặc xử lý được thực hiện tuân thủ theo luật đầu tư công ty bảo hiểm, các quy định, văn bản hướng dẫn của tiểu bang hoặc quy định pháp lý tại nơi công ty bảo hiểm đặt trụ sở; và

“(ii) Cơ quan quản lý ngân hàng liên bang có trách nhiệm liên quan, sau khi tham khảo ý kiến tư vấn của Hội đồng giám sát ổn định tài chính và các ủy viên hội đồng bảo hiểm liên quan của các tiểu bang và vùng lãnh thổ của nước Mỹ, chưa đưa ra được quyết định, sau khi thông báo hoặc nhận xét rằng một luật, quy định hay văn bản hướng dẫn cụ thể theo quy định tại khoản (i) không đủ để đảm bảo sự an toàn lành mạnh của tổ chức ngân hàng, hoặc sự ổn định tài chính của nước Mỹ.

“(G) Thành lập và chào bán một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân, bao gồm cả việc như một đối tác thông thường, thành viên Ban điều hành, hoặc bên được ủy thác và theo phương thức lựa chọn hoặc kiểm soát (hoặc thuê nhân công, cán bộ, giám đốc, hoặc đại lý) đa số giám đốc, người được ủy thác, hoặc ban quản lý quỹ, bao gồm các chi phí cần thiết cho việc trên, chỉ nếu —

“(i) tổ chức ngân hàng cung cấp ủy thác, tín thác có thiện ý, hoặc dịch vụ tư vấn đầu tư;

“(ii) quỹ được thành lập và chào bán chỉ đối với ủy thác, tín thác có thiện ý, hoặc dịch vụ tư vấn đầu tư và chỉ đối với những cá nhân là khách hàng của các dịch vụ đó của tổ chức ngân hàng;

“(iii) tổ chức ngân hàng không mua hoặc nắm giữ cổ quyền, liên doanh, hoặc tham gia sở hữu các quỹ trừ các khoản đầu tư nhỏ lẻ và tuân theo quy định tại đoạn (4);

“(iv) tổ chức ngân hàng phải tuân thủ các hạn chế quy định tại đoạn (1) và (2) của tiểu đoạn (f);

“(v) tổ chức ngân hàng không được phép, trực tiếp hoặc gián tiếp, bảo lãnh, tiếp nhận hoặc bảo hiểm các trách nhiệm hoặc hoạt động của quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân hoặc quỹ đầu tư hợp tác và quỹ cổ phần tư nhân khác nhận các khoản đầu tư của các quỹ trên;

“(vi) tổ chức ngân hàng không được dùng chung tên cũng như cách viết khác của quỹ cổ phần tư nhân hoặc quỹ đầu tư hợp tác vì mục đích của công ty, marketing, hay mục đích khác;

“(vii) giám đốc và nhân viên của tổ chức ngân hàng không được mua hoặc nắm giữ cổ quyền, liên doanh hoặc tham gia sở hữu quỹ cổ phần tư nhân hoặc quỹ đầu tư hợp tác, trừ những giám đốc và nhân viên là những người trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân; và

“(viii) tổ chức ngân hàng thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư thực tế và có triển vọng của quỹ những tổn thất liên quan mà chỉ nhà đầu tư phải gánh chịu, hoặc việc tuân theo những quy định của cơ quan quản lý ngân hàng, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, hoặc Ủy ban giao dịch hàng hoá và hợp

đồng tương lai, như theo quy định tại tiêu mục (b) 2, quy định rằng chỉ có nhà đầu tư phải gánh chịu những tổn thất của quỹ cổ phần tư nhân hay quỹ đầu tư hợp tác, và tổ chức ngân hàng không phải chịu những tổn thất này.

“(H) hoạt động giao dịch tài sản do tổ chức ngân hàng thực hiện theo quy định tại đoạn (9) của Phần 4(c), với điều kiện là giao dịch đó chỉ được thực hiện ngoài nước Mỹ và tổ chức ngân hàng không trực tiếp hoặc gián tiếp thuộc sự kiểm soát của của một tổ chức ngân hàng được thành lập theo Luật pháp của nước Mỹ hoặc của các tiểu bang.

“(I) Việc tiếp nhận và sở hữu cổ phần, liên doanh, tham gia sở hữu, hoặc tài trợ một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân của một tổ chức ngân hàng theo quy định tại đoạn (9) hoặc Phần 4(c) chỉ thực hiện ngoài lãnh thổ nước Mỹ, với điều kiện là cổ quyền của quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân đó được chào bán hoặc bán cho công dân Mỹ và tổ chức ngân hàng không trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát của một tổ chức ngân hàng được thành lập theo Luật pháp Mỹ hoặc các bang Mỹ.

“(J) Những hoạt động khác khi cơ quan quản lý ngân hàng liên bang, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, và Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai xác định, theo quy định, như theo quy định tại tiêu mục (b)(2), giúp tăng cường và duy trì sự an toàn và lành mạnh của tổ chức ngân hàng và ổn định tài chính của nước Mỹ.

“Giới hạn đối với những hoạt động được phép thực hiện. —

“(A) Quy định chung. — Các giao dịch, các loại giao dịch hoặc hoạt động không thể được coi là hoạt động được phép thực hiện theo quy định tại đoạn (1) nếu giao dịch, loại giao dịch, hoặc hoạt động —

“(i) liên quan hoặc dẫn đến xung đột lợi ích lớn (như quy định tại tiêu mục (b) (2) giữa tổ chức ngân hàng và khách hàng hoặc đối tác của tổ chức ngân hàng;

“(ii) sẽ dẫn đến, trực tiếp hoặc gián tiếp, nguy cơ lớn tổ chức ngân hàng có các liên lược giao dịch hoặc tài sản rủi ro cao (như quy định tại tiêu mục (b)(2);

“(iii) có thể gây tổn hại cho sự an toàn và lành mạnh của tổ chức ngân hàng; hoặc

“(iv) có thể gây tổn hại cho sự ổn định tài chính của nước Mỹ.

“(B) Xây dựng các nguyên tắc hướng dẫn. — Cơ quan quản lý ngân hàng liên bang liên quan, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai có trách nhiệm ban hành các quy định để triển khai thi hành các quy định tại tiêu đoạn (A), như là một phần các quy định được ban hành theo quy định tại tiêu mục (b)(2).

“(3) Giới hạn về số lượng và vốn. — Cơ quan quản lý ngân hàng liên bang liên quan, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, và Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai, theo quy định tại tiêu mục (b)(2), sẽ thông qua các nguyên tắc quy định yêu cầu vốn bổ sung và giới hạn về số lượng, bao gồm yêu cầu đa dạng đối với các hoạt động được phép thực hiện theo quy định tại phần này nếu cơ quan quản lý ngân hàng liên bang, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai quyết định rằng vốn bổ sung và giới hạn về số lượng là cần thiết để bảo vệ sự an toàn và lành mạnh của tổ chức ngân hàng tham gia vào các hoạt động đó.

“(4) các khoản đầu tư nhỏ lẻ. — (A) Quy định chung. — Một tổ chức ngân hàng có thể thực hiện hoặc nắm giữ các khoản đầu tư vào một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân mà một tổ chức ngân hàng đó thành lập và chào bán, và tuân theo quy định hạn chế tại tiêu đoạn (B) nhằm —

“(i) thành lập quỹ và cấp cho quỹ đủ vốn cổ phần để đầu tư nhằm cho phép quỹ thu hút các nhà đầu tư không liên kết; hoặc

“(ii) thực hiện các khoản đầu tư nhỏ lẻ.

“(B) Những giới hạn và hạn mức đầu tư. —

“(i) yêu cầu tìm kiếm các nhà đầu tư khác. —

Một tổ chức ngân hàng có trách nhiệm chủ động tìm kiếm các nhà đầu tư không liên kết nhằm giảm bớt các khoản đầu tư của tổ chức ngân hàng tới mức cho phép theo quy định tại khoản (ii).

(ii) hạn chế về quy mô đầu tư. —

Trừ trường hợp quy định khác của pháp luật, các khoản đầu tư của tổ chức ngân hàng vào một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân phải —

“(I) trong vòng 1 năm sau khi thành lập quỹ, cắt giảm thông qua mua lại, bán hoặc cắt giảm tới mức nhỏ hơn hoặc bằng 3% tổng số quyền sở hữu của quỹ;

“(II) không quan trọng đối với tổ chức ngân hàng, như theo quy định tại tiểu mục (b)(2), nhưng tổng số cổ quyền sở hữu của tổ chức ngân hàng tại các quỹ đó không được vượt quá 3% vốn cấp 1 của tổ chức ngân hàng;

“(iii) Vốn. — Nhằm mục đích xác định sự tuân thủ với các tiêu chuẩn về vốn áp dụng tại đoạn (3), tổng số lượng đầu tư hiện hành của tổ chức ngân hàng theo quy định tại đoạn này, bao gồm các khoản thu giữ lại, sẽ bị giảm trừ từ tài sản có và cổ phần hữu hình của tổ chức ngân hàng, và số lượng giảm trừ sẽ tăng tương ứng mức vốn đòn bẩy của quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân.

“(C) Gia hạn. — Căn cứ đơn đề nghị của tổ chức ngân hàng, Hội đồng thống đốc có thể gia hạn thời gian để đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại tiểu đoạn (B)(ii)(I) thêm 2 năm, nếu Hội đồng thống đốc thấy rằng sự gia hạn này phù hợp với sự an toàn và lành mạnh vì lợi ích công chúng.

“(e) Ngăn chặn việc không thực hiện. —

“(1) Xây dựng các quy tắc hướng dẫn. — Cơ quan quản lý ngân hàng liên bang, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, và Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai có trách nhiệm ban hành các quy định, như xây dựng các quy tắc hướng dẫn theo quy định tại tiểu mục (b)(2), về việc kiểm soát nội bộ và lưu trữ hồ sơ nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định tại phần này.

“(2) Chấm dứt các hoạt động hoặc đầu tư. — Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, khi một cơ quan quản lý ngân hàng liên bang có trách nhiệm liên quan, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai có căn cứ hợp lý cho rằng một tổ chức ngân hàng hoặc một công ty tài chính phi ngân hàng chịu sự giám sát của Hội đồng thống đốc theo quy định pháp lý liên quan đã thực hiện đầu tư hoặc tham gia hoạt động bị coi là không tuân thủ các yêu cầu tại phần này (bao gồm cả việc lạm dụng các hoạt động được phép thực hiện) hoặc vi phạm các hạn chế quy định tại phần này, cơ quan quản lý ngân hàng liên bang có trách nhiệm liên quan, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, và Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai sẽ ra ban hành lệnh, sau khi nhận được thông báo và tạo cơ hội giải thích, yêu cầu tổ chức ngân hàng và công ty phi tài chính đó chấm dứt các hoạt động này và xử lý các khoản đã đầu tư đó. Các quy định tại đoạn này sẽ không được coi là những quy định hạn chế quyền hạn hiện hành của một cơ quan liên bang hoặc cơ quan quản lý tiểu bang trong việc hạn chế việc đầu tư hoặc các hoạt động theo các quy định khác của pháp luật hiện hành.

“(f) Hạn chế các quan hệ giao dịch với quỹ đầu tư hợp tác và quỹ cổ phần tư nhân. —

“(1) Quy định chung. — một tổ chức ngân hàng, trực tiếp hoặc gián tiếp là nhà quản lý, tư vấn đầu tư, hoặc nhà tài trợ cho một quỹ đầu tư hợp tác và quỹ cổ phần tư nhân, hoặc thành lập và chào bán một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân theo như quy định tại đoạn (d)(1)(G), và các công ty con của tổ chức ngân hàng không được tham gia thực hiện các giao dịch với quỹ đó hoặc các quỹ đầu tư hợp tác hay quỹ cổ phần tư nhân khác thuộc quyền kiểm soát của quỹ đó, giao dịch đó sẽ là giao dịch với quỹ đầu tư hợp tác và quỹ cổ phần tư nhân được bảo hiểm, như theo quy định tại Phần 23A Luật Cục dự trữ liên bang (12 U.S.C. 371c), khi coi tổ chức ngân hàng và công ty con của tổ chức ngân hàng này là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi /thành viên và quỹ đầu tư hợp tác và quỹ cổ phần tư nhân đó là một công ty con của tổ chức ngân hàng này.

“(2) Đối xử như một ngân hàng thành viên. — Một tổ chức ngân hàng, trực tiếp hoặc gián tiếp là nhà quản lý, tư vấn đầu tư hoặc nhà tài trợ cho một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân hoặc là tổ chức thành lập và chào bán một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân như theo quy định tại đoạn (d)(1)(G), phải tuân theo các quy định tại Phần 23B của Luật Cục dự trữ liên bang (12 U.S.C 371c-1), khi coi tổ chức ngân hàng đó là ngân hàng thành viên và quỹ đầu tư hợp tác và quỹ cổ phần tư nhân đó là công ty con của tổ chức ngân hàng đó.

“(3) Những dịch vụ được phép thực hiện. —

“(A) Quy định chung. — Mặc dù có những quy định tại đoạn (1), Hội đồng thống đốc có thể cho phép một tổ chức ngân hàng tham gia một số hoạt động môi giới chính với một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân khi một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân do tổ chức ngân hàng quản lý, tài trợ hoặc tư vấn nắm giữ cổ phần, liên doanh, hoặc nắm giữ cổ quyền sở hữu, nếu —

“(i) nếu tổ chức ngân hàng đó tuân thủ các quy định hạn chế tại tiểu mục (d)(1)(G) về quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân do tổ chức ngân hàng đó thành lập và chào bán;

“(ii) hàng năm, giám đốc điều hành (hoặc tương đương) của tổ chức ngân hàng chứng nhận bằng văn bản rằng (có trách nhiệm cập nhật sự chứng nhận nếu thông tin chứng nhận thay đổi) các điều kiện quy định tại tiểu mục (d)(1)(g)(v) được đáp ứng, và

“(iii) Hội đồng thống đốc quyết định rằng giao dịch đó phù hợp với hoạt động an toàn và lành mạnh của tổ chức ngân hàng đó.

“(B) Quy định về các giao dịch môi giới chính. — Theo quy định tại tiểu đoạn (A), một giao dịch môi giới chính như quy định tại tiểu đoạn (A) sẽ phải tuân theo các quy định tại Phần 23B của Luật Cục dự trữ liên bang (12 U.S.C. 371c-1) khi các đối tác được coi như là một công ty con của tổ chức ngân hàng đó.

“(g) Nguyên tắc xây dựng. —

“(1) Hạn chế những mâu thuẫn quyền hạn. — Trừ những quy định tại phần này, mặc dù có những quy định khác của pháp luật, quy định về việc cấm và hạn chế thực hiện theo quy định tại phần này sẽ áp dụng đối với các hoạt động của một tổ chức ngân hàng hoặc một công ty tài chính phi ngân hàng do Hội đồng thống đốc giám sát, thậm chí đó là những hoạt động mà một tổ chức ngân hàng hoặc công ty tài chính phi ngân hàng do Hội đồng thống đốc giám sát được phép thực hiện.

“(2) Bán hoặc chứng khoán hóa các khoản cho vay. — Các quy định tại phần này sẽ không được hiểu như là quy định hạn chế hoặc giới hạn khả năng của một tổ chức ngân hàng hoặc công ty tài chính phi

ngân hàng do Hội đồng thống đốc giám sát có quyền bán hoặc chứng khoán hóa các khoản cho vay theo phương thức mà pháp luật hiện hành cho phép thực hiện.

“(h) Định nghĩa. — Theo quy định tại phần này, các định nghĩa sau được áp dụng với:

“(1) tổ chức ngân hàng. — Thuật ngữ ‘tổ chức ngân hàng’ có nghĩa là tổ chức nhận tiền gửi tham gia bảo hiểm tiền gửi (như quy định tại Phần 3 Luật bảo hiểm tiền gửi liên bang (12 U.S.C. 1813)), một công ty kiểm soát một tổ chức nhận tiền gửi tham gia bảo hiểm tiền gửi, hoặc là công ty được coi như một công ty sở hữu ngân hàng theo quy định tại Phần 8 Luật ngân hàng quốc tế năm 1978, và công ty công hoặc chi nhánh của tổ chức này. Theo quy định tại đoạn này, ‘tổ chức nhận tiền gửi tham gia bảo hiểm tiền gửi’ không bao gồm một tổ chức chỉ thực hiện chức năng ủy thác hoặc tín thác, nếu —

“(A) tất cả hoặc đa số tiền gửi của tổ chức đó được gửi vào quỹ tín tác và được thực hiện như hoạt động ủy thác có thiện ý;

“(B) tổ chức đó hoặc thông qua công ty con của tổ chức đó không được phép chào bán hoặc marketing những khoản tiền gửi của tổ chức này được FDIC bảo hiểm;

“(C) những tổ chức không nhận tiền gửi không kỳ hạn hoặc các khoản tiền gửi mà người gửi tiền có thể rút bằng séc hoặc bằng công cụ thanh toán tương tự cho bên thứ ba hoặc các bên khác hoặc được sử dụng để thực hiện các khoản vay thương mại; và

“(D) những tổ chức không được —

“(i) Nhận các khoản thanh toán hoặc các khoản dịch vụ liên quan đến việc thanh toán từ một ngân hàng dự trữ liên bang, bao gồm các dịch vụ được đề cập tại Phần 11A của Luật Cục dự trữ liên bang (12 U.S.C. 248a); hoặc

“(ii) thực hiện chiết khấu hoặc quyền ưu tiên vay theo quy định tại Phần 19(b)(7) của Luật Cục dự trữ liên bang (12 U.S.C. 461 (b) (7)).

“(2) Quỹ đầu tư hợp tác; Quỹ cổ phần tư nhân. — Thuật ngữ ‘quỹ đầu tư hợp tác’ và quỹ cổ phần tư nhân có nghĩa là một công ty phát hành như công ty đầu tư, như theo định nghĩa tại Luật công ty đầu tư năm 1940 (15U.S.C 80a-1 và các quy định tiếp theo), trừ trường hợp quy định tại Phần 3(c)(1) hoặc 3(c)(7) của Luật này, hoặc các quỹ tương tự theo quyết định của cơ quan quản lý ngân hàng liên bang, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai, như quy định tại tiểu mục (b) (2).

“(5) Nhà tài trợ. — Thuật ngữ ‘nhà tài trợ’ một quỹ có nghĩa —

“(A) là đối tác thông thường, thành viên Ban điều hành, hoặc người được ủy thác quản lý một quỹ;

“(B) theo phương thức nhằm lựa chọn hoặc kiểm soát (hoặc thuê nhân viên, cán bộ, hoặc giám đốc hoặc làm đại lý) đa số giám đốc, người được ủy thác hoặc Ban điều hành của một quỹ; hoặc

“(C) cùng chung tên hoặc cách viết khác của tên với một quỹ vì mục đích của công ty, tiếp thị, quảng cáo, hoặc mục đích khác.

“(6) tài khoản giao dịch. — Thuật ngữ ‘tài khoản giao dịch’ dùng để chỉ tài khoản được sử dụng để mua hoặc dùng tiền đầu tư vào chứng khoán và các công cụ như quy định tại đoạn (4) chủ yếu nhằm bán gần kỳ hạn (hoặc dự định bán lại nhằm kiếm lời từ sóng biến động giá trong ngắn hạn), và các tài khoản khác theo quyết định của cơ quan quản lý ngân hàng liên bang có quyền hạn liên quan, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, và Ủy ban giao dịch hàng hóa và hợp đồng tương lai theo quy định tại tiểu mục (b)(2).

“(7) Quỹ mất khả năng thanh khoản. —

“(A) Quy định chung. — Thuật ngữ ‘quỹ mất khả năng thanh khoản’ được dùng để chỉ một quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân mà —

“(i) tính đến ngày 1/5/2010, chủ yếu được đầu tư vào, hoặc theo cam kết sẽ chủ yếu đầu tư vào các tài sản không có khả năng thanh khoản, như các công ty tổ hợp đầu tư, đầu tư bất động sản và đầu tư vốn liên doanh; và

“(ii) thực hiện tất cả các khoản đầu tư theo quy định, và phù hợp với chiến lược đầu tư chủ yếu đầu tư vào các tài sản không có khả năng thanh khoản. Khi ban hành những nguyên tắc hướng dẫn theo quy định tại tiểu đoạn này, Hội đồng thống đốc sẽ xem xét những thuật ngữ về đầu tư đối với quỹ đầu tư hợp tác hoặc quỹ cổ phần tư nhân, bao gồm cả những trách nhiệm theo hợp đồng, khả năng của quỹ có thể xử lý những tài sản do quỹ nắm giữ, và các nhân tố phù hợp khác theo quyết định của Hội đồng thống đốc.

“(B) Quỹ đầu tư hợp tác. — Theo quy định tại đoạn này, thuật ngữ ‘quỹ đầu tư hợp tác’ là những quỹ được quy định tại tiểu mục (h)(2), và không bao gồm một quỹ cổ phần tư nhân, ví dụ như thuật ngữ được sử dụng trong Phần 203(m) của Luật tư vấn đầu tư năm 1940 (15 U.S.C. 80b-3(m)).”.

Điều 731: Đăng ký và quản lý giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi:

Đạo luật Trao đổi hàng hóa (7 U.S.C 1 et seq) được sửa đổi bằng cách thêm vào sau Mục 4r (như đã thêm vào sau Điều 729) các điều khoản sau đây:

Mục 4s: Đăng ký và quản lý giao dịch viên hợp đồng hoán đổi/hoán đổi và các thành viên tham gia hợp đồng hoán đổi:

(a) Đăng ký

(1) Giao dịch viên hợp đồng hoán đổi/hoán đổi: Bất kỳ trường hợp nào tự ý hành nghề giao dịch hợp đồng hoán đổi mà không được Ủy ban cấp phép, sẽ bị coi là bất hợp pháp.

(2) Người tham gia hợp đồng hoán đổi: Bất kỳ cá nhân nào hoạt động với tư cách là người tham gia hợp đồng hoán đổi mà không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán và Ngoại hối cũng bị coi là bất hợp pháp.

(b) Các yêu cầu: —

(1) Quy định chung: — Một cá nhân phải đăng ký với Ủy ban bằng cách gửi đơn đăng ký tới Ủy ban.

(2) Nội dung: —

(A) Quy định chung: — Mẫu đơn đăng ký phải được lập theo đúng quy định của UB và phải cung cấp các thông tin mà UB thấy là cần thiết và liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh của người nộp đơn đăng ký.

(B) Báo cáo thường xuyên: — Cá nhân nào đăng ký làm giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc làm thành viên chính tham gia hợp đồng hoán đổi có nghĩa vụ phải nộp báo cáo bao gồm các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình một cách thường xuyên cho UB.

(3) Chấm dứt hiệu lực: — Bất kỳ đơn đăng ký nào theo quy định của mục này sẽ hết hiệu lực vào thời hạn quy định của UB.

(4) Luật lệ: — Trừ trường hợp được quy định tại tiểu mục (d) và (e), UB có quyền ban hành các quy định, luật lệ phù hợp áp dụng đối với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia chính trong hợp đồng hoán đổi bao gồm cả các quy định giới hạn hoạt động của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia chính của hợp đồng hoán đổi.

(5) Chuyên đổi: — Các luật lệ theo quy định tại mục này sẽ quy định việc đăng ký của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia chính của hợp đồng hoán đổi không muộn hơn 1 năm sau ngày Đạo luật Trách nhiệm và Minh bạch phổ Wall 2010 có hiệu lực.

(6) Tình trạng không đủ tiêu chuẩn: — Trừ trường hợp được quy định cụ thể khác tại các luật lệ hoặc theo yêu cầu, nếu giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia chính của hợp đồng hoán đổi biết từ đầu hoặc trong quá trình giao dịch nhận ra việc giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia chính của hợp đồng hoán đổi cho phép người có quan hệ với mình tham gia ký kết hợp đồng hoán đổi đại diện cho giao dịch viên hoán đổi hoặc thành viên chính của hợp đồng hoán đổi –, đây là hành vi bất hợp pháp.

(c) Đăng ký kép: —

(1) Giao dịch viên hợp đồng hoán đổi: — Bất kỳ pháp nhân nào được yêu cầu đăng ký hành nghề với tư cách là giao dịch viên hàng hóa theo quy định của mục này, phải tiến hành đăng ký với UB cho dù pháp nhân này là tổ chức nhận tiền gửi hay đã đăng ký với UB với tư cách là giao dịch viên hợp đồng hoán đổi được đảm bảo bằng chứng khoán.

(2) Người tham gia chính của hợp đồng: Bất kỳ cá nhân nào được yêu cầu đăng ký hành nghề với tư cách là người tham gia chính của hợp đồng hoán đổi theo quy định của mục này phải đăng ký với UB cho dù cá nhân này là tổ chức nhận tiền gửi hay đã đăng ký với UB với tư cách là người tham gia hợp đồng hoán đổi hàng hóa chính được đảm bảo bằng chứng khoán.

(d) Soạn thảo các luật lệ:

(1) Quy định chung: — UB sẽ áp dụng các quy định, luật lệ quản lý các cá nhân/tổ chức đăng ký hành nghề với tư cách là giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia chính của hợp đồng hoán đổi.

(2) Trường hợp ngoại lệ liên quan đến các yêu cầu an toàn: —

(A) Quy định chung: — UB không có trách nhiệm ban hành các luật lệ về yêu cầu quản lý, yêu cầu an toàn đối với các giao dịch viên hợp đồng hoán đổi nếu đã có một cơ quan quản lý an toàn thực hiện trách nhiệm này.

(B) Phạm vi áp dụng: — Quy định tại tiểu đoạn (A) không giới hạn quyền của UB trong việc ban hành và áp dụng các quy định luật lệ liên quan căn cứ vào mục này.

(e) Các yêu cầu về vốn và tiền ký quỹ:

(1) Quy định chung:

(A) Các giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi là ngân hàng: Trong trường hợp đã thành lập cơ quan quản lý giám sát an toàn, mỗi giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi phải đáp ứng được các tiêu chuẩn tối thiểu về vốn cũng như các khoản tiền ký quỹ tối thiểu ban đầu có điều chỉnh biến động giá theo quy định của tổ chức quản lý giám sát an toàn căn cứ vào quy định tại đoạn (2)(A).

(B) Các giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi không phải là ngân hàng: Trong trường hợp chưa có cơ quan quản lý giám sát an toàn, mỗi giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi phải đáp ứng được các tiêu chuẩn tối thiểu về vốn cũng như các khoản tiền ký quỹ tối thiểu ban đầu có điều chỉnh biến động giá cả mà UB đặt ra căn cứ vào quy định của pháp luật.

(2) Các luật lệ: —

(A) Đối với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi là ngân hàng: các cơ quan chịu trách nhiệm giám sát – quản lý an toàn – sau khi tham khảo ý kiến của UB và Ủy ban Chứng khoán và Ngoại hối – sẽ cùng thông qua và thực thi các luật lệ cho giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi liên quan với tư cách là giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi nếu như đã có tổ chức quản lý giám sát an toàn áp dụng —

“(i) các yêu cầu về vốn và

“(ii) các yêu cầu về tiền ký quỹ ban đầu cũng như tiền ký quỹ biến đổi giá cả đối với các hợp đồng hoán đổi chưa được thanh toán bởi tổ chức thanh toán bù trừ chứng khoán phái sinh đã đăng ký.

(B) Đối với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi không phải là ngân hàng: — UB sẽ thông qua và thực thi các luật lệ điều chỉnh hoạt động kinh doanh của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi trong trường hợp chưa có tổ chức quản lý giám sát an toàn áp dụng các quy định về

“(i) vốn và

“(ii) tiền ký quỹ ban đầu cũng như tiền ký quỹ biến động giá cả các hợp đồng hoán đổi chưa được tổ chức thanh toán bù trừ chứng khoán phái sinh đã đăng ký thanh toán.

(C) Vốn: — Khi tiến hành đặt ra các quy định về vốn đối với tổ chức hoặc cá nhân được liệt vào danh sách giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi hoạt động trong một loại hình hợp đồng hoán đổi riêng lẻ, tổ chức giám sát – điều tiết thận trọng cùng với UB phải xem xét kỹ lưỡng các rủi ro đi kèm với các loại hình hợp đồng hoán đổi cũng như các hoạt động khác mà giao dịch viên hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi này thực hiện mà các loại hình hợp đồng hoán đổi này – nếu không, sẽ không chịu sự điều chỉnh của các luật lệ, quy định áp dụng cho cá nhân/tổ chức này với tư cách là giao dịch viên hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi.

(3) Các tiêu chuẩn về vốn và tiền ký quỹ: —

(A) Quy định chung: — Nhằm đối phó với rủi ro lớn hơn với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi cũng như đối với hệ thống tài chính xuất phát từ việc sử dụng các hợp đồng hoán đổi chưa được thanh toán, bù trừ, các yêu cầu được áp dụng theo đoạn (2) sẽ:

(i) giúp đảm bảo sự an toàn và bền vững của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi.

(ii) đảm bảo phù hợp với các rủi ro kèm theo với các hợp đồng hoán đổi chưa được thanh toán được nắm giữ với tư cách là giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi.

(B) Nguyên tắc xây dựng tiêu chuẩn:

(i) Quy định chung: — Không một quy định nào trong mục này có thể giới hạn hoặc được hiểu là có thể giới hạn quyền hạn của

(I) UB trong việc ban hành các luật lệ về trách nhiệm tài chính đối với nhà trung gian môi giới hợp đồng tương lai hoặc áp dụng quy định nhà môi giới phải đăng ký theo Mục 4f(a) (ngoại trừ Mục 4f(a)(3)) phù hợp với Mục 4(b) hoặc

(II) UBCK&NH trong việc ban hành các luật lệ về trách nhiệm tài chính đối với người môi giới hoặc người giao dịch đã đăng ký theo Mục 15(b) của Đạo luật Chứng khoán và Ngoại hối năm 1934 (15 U.S.C. 78o(b)) (ngoại trừ Mục 15(b)(11) của Đạo Luật này (15 U.S.C. 78o(b)(11)) phù hợp với Mục 15(c)(3) của Đạo luật Chứng khoán và Ngoại hối năm 1934 (15 U.S.C. 78o(c)(3)).

(ii) Nhà môi giới hợp đồng tương lai và các nhà giao dịch khác: Nhà môi giới hợp đồng tương lai, nhà môi giới hợp đồng tương lai cấp cao, nhà môi giới hoặc các nhà giao dịch phải đảm bảo duy trì đủ lượng vốn theo yêu cầu của các tiêu chuẩn mới chặt chẽ hơn mà các Nhà môi giới hợp đồng tương lai, nhà môi giới hợp đồng tương lai cấp cao, nhà môi giới hoặc các nhà giao dịch này chịu sự điều khiển theo Đạo Luật này (Đạo luật Dodd-Frank) hoặc Đạo luật Chứng khoán và Ngoại hối 1934 (15 U.S.C. 78a et seq.).

(C) Các yêu cầu tiền ký quỹ: — Khi đặt ra các yêu cầu về tiền ký quỹ theo tiêu mục này, Cơ quan quản lý giám sát an toàn tiết kiệm trọng (đối với trường hợp đã có cơ quan quản lý giám sát an toàn, các giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi) hoặc UB (đối với trường hợp chưa có cơ quan quản lý giám sát an toàn các giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi) cấp phép cho việc sử dụng tài sản thế chấp không phải là tiền khi Cơ quan quản lý giám sát an toàn hoặc UB xác định là phù hợp với:

(i) Duy trì tính thống nhất về mặt tài chính của của các thị trường giao dịch hợp đồng hoán đổi và

(ii) Duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính Hoa Kỳ.

(D) Tính so sánh được của các yêu cầu về vốn và tiền ký quỹ. —

(i) Quy định chung: Các cơ quan quản lý giám sát an toàn, UB, UBCK&NH có trách nhiệm định kỳ thảo luận, trao đổi ý kiến về (nhưng không ít hơn tần suất 1 lần/1 năm) các yêu cầu về vốn tối thiểu, các tỷ lệ ký quỹ tối thiểu ban đầu và ký quỹ để phòng biến động giá cả.

(ii) Tính so sánh được: — Trong chừng mực lớn nhất có thể, các cơ quan đề cập ở mục (i) ở trên sẽ thành lập và duy trì các yêu cầu về vốn tối thiểu có thể so sánh được, các yêu cầu về tiền ký quỹ tối thiểu ban đầu cũng như tiền ký quỹ tối thiểu để phòng biến động giá cả kể cả việc chấp nhận các khoản thế chấp không phải là tiền đối với: —

(I) giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và

(II) Người tham gia chính trong hợp đồng hoán đổi

(f) Báo cáo và lưu giữ sổ sách. —

(1) Quy định chung: — Mỗi giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia chính trong hợp đồng hoán đổi: —

(A) sẽ tiến hành thực hiện báo cáo theo yêu cầu của UB theo quy định, luật lệ điều chỉnh các giao dịch cũng như tình trạng tài chính của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia chính trong hợp đồng hoán đổi.

(B)(i) Trong trường hợp có cơ quan quản lý giám sát an toàn, giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi phải lưu giữ sổ sách, chứng từ các hoạt động trong ngày của người

đó với tư cách là giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi – theo mẫu và cách thức đã được quy định trong thời gian đặt ra bởi UB hoặc được luật lệ quy định.

(ii) Trong trường hợp chưa có cơ quan quản lý giám sát an toàn, giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi phải lưu giữ sổ sách, chứng từ các hoạt động trong ngày của người đó theo mẫu và cách thức, thời gian theo quy định do UB ban hành.

(C) có nghĩa vụ công khai sổ sách và chứng từ mô tả trong tiểu đoạn (B) để phục vụ công tác thanh tra và kiểm tra của đại diện UB và

(D) có nghĩa vụ công khai sổ sách và chứng từ liên quan đến các hợp đồng hoán đổi được định nghĩa tại Mục 1a(47)(A)(v) cho công tác kiểm tra và thanh tra của Ủy ban Chứng khoán và Ngoại hối.

(2) Các luật lệ: — UB có trách nhiệm áp dụng và thực thi các luật lệ điều chỉnh công tác báo cáo và lưu giữ chứng từ sổ sách đối với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi.

(g) Lưu giữ giao dịch hàng ngày: —

(1) Quy định chung: — Mỗi giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi đã đăng ký hành nghề phải đảm bảo chế độ ghi chép giao dịch hợp đồng hoán đổi hàng ngày của người đã đăng ký hành nghề giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc là người tham gia hợp đồng hoán đổi cũng như và tất cả các giao dịch có liên quan (như tiền hoặc các giao dịch hợp đồng kỳ hạn) cũng như lưu lại các cuộc hình thức giao tiếp như email, tin nhắn hoặc ghi âm điện thoại – trong thời gian mà UB quy định căn cứ vào các luật lệ quy định.

(2) Yêu cầu về thông tin: — Nhật ký ghi lại giao dịch hàng ngày phải bao gồm các thông tin mà UB yêu cầu theo quy định của pháp luật.

(3) Lưu giữ thông tin của phía đối tác: — Mỗi giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi đã đăng ký hành nghề có trách nhiệm phải tiến hành lưu giữ giao dịch hàng ngày với từng đối tác của mình một cách riêng biệt theo mẫu đối với từng loại giao dịch hợp đồng hoán đổi.

(4) Kiểm toán trên giấy tờ/Kiểm toán truy nguyên: Bất kỳ giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi nào đã đăng ký hành nghề phải có trách nhiệm duy trì bản hồ sơ kiểm toán trên giấy tờ hoàn chỉnh nhằm tái hiện các giao dịch một cách toàn diện và chính xác nhất.

(5) Các luật lệ: UB sẽ thông qua và thực thi các luật lệ điều chỉnh việc ghi chép lại các giao dịch của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi.

(h) Chuẩn mực hành nghề: —

(1) Quy định chung: — Mỗi giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi đã đăng ký hành nghề phải tuân thủ các chuẩn mực hành nghề như quy định trong đoạn (3) cũng như có thể được yêu cầu bởi UB theo quy định của pháp luật liên quan đến—

(A) hành vi lừa đảo, thao túng cũng như các hành vi lạm dụng khác có liên quan đến hợp đồng hoán đổi (bao gồm cả các hợp đồng đã được chào hàng nhưng chưa được ký kết);

(B) Công tác giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh của giao dịch viên hợp đồng phái sinh hoặc người tham gia hợp đồng phái sinh đã đăng ký hành nghề.

(C) Sự tuân thủ các mức giới hạn của vị thế và

(D) Các vấn đề khác mà UB cho là phù hợp.

(2) Trách nhiệm liên quan đến các thể chế đặc biệt: —

(A) Cố vấn cho các thể chế đặc biệt: — Bất kỳ giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi nào hoạt động với tư cách là cố vấn cho 1 tổ chức đặc biệt về hợp đồng hoán đổi, phải tuân thủ các quy định của tiểu đoạn (4) liên quan đến tổ chức đặc biệt này.

(B) Tham gia ký kết hợp đồng hoán đổi với tổ chức đặc biệt: — Bất kỳ giao dịch viên hợp đồng hoán đổi nào tham gia ký kết hoặc đề nghị được tham gia ký kết hợp đồng hoán đổi với 1 tổ chức đặc biệt, phải tuân thủ các yêu cầu của tiểu đoạn (5) liên quan đến tổ chức đặc biệt này.

(C) Định nghĩa tổ chức đặc biệt: — Vì mục đích áp dụng tiểu mục này trong thực tế, 1 tổ chức đặc biệt được định nghĩa như sau: —

(i) Là 1 cơ quan cấp Liên bang;

(ii) Là 1 bang; 1 cơ quan cấp bang; thành phố, hạt, đô thị hoặc đơn vị chính trị thuộc Bang

(iii) Bất kỳ một kế hoạch trợ cấp nhân viên nào, như được định nghĩa ở Mục 3 Đạo luật Bảo đảm thu nhập về hưu 974 (29 U.S.C. 1002)

(iv) Bất kỳ một kế hoạch nào của Chính phủ, như được định nghĩa trong Mục 3 của Đạo luật Bảo đảm thu nhập cho người về hưu 1974 (29 U.S.C. 1002) hoặc

(v) Bất kỳ khoản tiền tài trợ hay quyên góp nào – bao gồm cả trường hợp tiền tài trợ/quyên góp là tổ chức được mô tả trong Mục 501(c)(3) của Bộ Luật Thuế thu nhập trong nước 196.

(3) Các yêu cầu hành nghề kinh doanh: Các yêu cầu về hành nghề được UB thông qua phải:

(A) Quy định trách nhiệm cho giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi phải xác nhận và kiểm chứng liệu 1 đối tác có đáp ứng được tiêu chuẩn cho một bên tham gia hợp đồng hay không;

(B) Yêu cầu giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi công khai các yếu tố sau với bất kỳ đối tác nào của giao dịch (trừ trường hợp đối tác này cũng là giao dịch viên hợp đồng hoán đổi, người tham gia hợp đồng hoán đổi, giao dịch viên hợp đồng hoán đổi bảo đảm bằng chứng khoán, người tham gia hợp đồng hoán đổi có bảo đảm bằng chứng khoán) về các nội dung sau đây:

(i) Thông tin về các rủi ro lớn hiện hữu và đặc điểm của hợp đồng hoán đổi;

(ii) Về bất kỳ sự khuyến khích lớn hiện hữu nào hoặc về các xung đột lợi ích mà giao dịch viên hợp đồng hoán đổi, người tham gia hợp đồng hoán đổi có thể gặp phải khi thực hiện hợp đồng; và

(iii) (I) Đối với các hợp đồng hoán đổi đã thanh toán: theo yêu cầu của bên đối tác, giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi phải cung cấp biên lai xác nhận giao dịch hàng ngày từ tổ chức thanh toán bù trừ chứng khoán phái sinh phù hợp; và

(II) Đối với các hợp đồng hoán đổi chưa được thanh toán: biên lai xác nhận giao dịch hàng ngày của giao dịch viên hợp đồng kỳ hạn hoặc người tham gia hợp đồng kỳ hạn.

(C) Quy định trách nhiệm của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi phải liên hệ/giao tiếp với nhau một cách công bằng và cân bằng dựa trên các nguyên tắc công bằng và thiện chí; và

(D) Thiết lập các tiêu chuẩn, yêu cầu mà UB xác định là phù hợp với lợi ích của công chúng – nhằm mục đích bảo vệ nhà đầu tư hoặc thúc đẩy hơn nữa việc thực hiện các mục đích của Đạo Luật này.

(4) Yêu cầu đặc biệt đối với các giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoạt động với tư cách là chuyên gia tư vấn:—

(A) Quy định chung: — Các hành vi sau bị coi là bất hợp pháp đối với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi:

(i) Tiến hành các âm mưu, thủ đoạn nhằm lừa gạt các Chủ thể đặc biệt hoặc khách hàng tiềm năng là Chủ thể đặc biệt.

(ii) Dính líu vào các giao dịch, hành vi hoặc hoạt động kinh doanh hoạt động nhằm mục tiêu lừa đảo Chủ thể đặc biệt hoặc khách hàng tiềm năng là Chủ thể đặc biệt; hoặc

(iii) Dính líu vào bất kỳ hành vi, hành động hoặc hoạt động kinh doanh nào có dấu hiệu của lừa đảo, thao túng...

(C) Các nỗ lực hợp lý: Bất kỳ giao dịch viên hợp đồng kỳ hạn nào hoạt động với tư cách là chuyên gia tư vấn cho Chủ thể đặc biệt có trách nhiệm phải nỗ lực “hợp lý” nhằm thu thập được các thông tin cần thiết để đưa ra quyết định xem liệu một hợp đồng hoán đổi được giao dịch viên đó đề nghị liệu có đem lại lợi ích cho Chủ thể đặc biệt này hay không, trong đó thông tin bao gồm:

(i) Tình trạng tài chính của Chủ thể đặc biệt;

(ii) Tình trạng thuế của Chủ thể đặc biệt;

(iii) Mục tiêu đầu tư/tài trợ của Chủ thể đặc biệt

(iv) Bất kỳ thông tin nào khác mà UB yêu cầu theo quy định của pháp luật.

(5) Yêu cầu đặc biệt đối với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi là đối tác của Chủ thể đặc biệt.

(A) Bất kỳ giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi nào đề xuất ký kết hoặc tiến hành ký kết hợp đồng hoán đổi với 1 Chủ thể đặc biệt có trách nhiệm phải: —

(i) Tuân thủ các nghĩa vụ do UB đề ra đối với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia chính của hợp đồng hoán đổi liên quan đến việc 1 đối tác đủ tiêu chuẩn tham gia hợp đồng theo quy định tại tiểu điều khoản (I) và (II) của điều khoản (vii) thuộc Mục 1a(18) của Đạo Luật này – quy định giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia chính của hợp đồng hoán đổi phải đủ căn cứ xác đáng để tin tưởng rằng bên đối tác của mình là Chủ thể đặc biệt và Chủ thể đặc biệt này có người đại diện độc lập thỏa mãn các yêu cầu sau: —

(I) Có đủ trình độ đánh giá giao dịch và các rủi ro;

(II) Không mất quyền hành nghề theo quy định của pháp luật;

(III) Độc lập với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi;

(IV) Có trách nhiệm hành động vì quyền lợi cao nhất của đối tác mà người này đại diện;

(V) Công khai các thông tin phù hợp;

(VI) Cung cấp cho Chủ thể đặc biệt mà mình đại diện các văn bản liên quan đến việc định giá công bằng và sự phù hợp của giao dịch; và

(VII) Trong trường hợp Chủ thể đặc biệt là các kế hoạch lợi ích cho nhân viên chịu sự điều chỉnh của Đạo luật Bảo đảm thu nhập về hưu 1974; phải là người được ủy thác quy định tại Mục 3 của Đạo Luật này (U.S.C. 1002); và

(ii) Trước khi tiến hành giao dịch, công bố bằng văn bản cho Chủ thể đặc biệt mà mình đại diện biết về năng lực hoạt động của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi; và

(B) UB có thể thiết lập các chuẩn mực hoặc yêu cầu mới mà UB này thấy là phù hợp cho lợi ích của công chúng nhằm bảo vệ nhà đầu tư hoặc thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu của Đạo Luật này.

(6) Các luật lệ: căn cứ vào tiêu mục này, UB có trách nhiệm xây dựng các luật lệ điều chỉnh các chuẩn mực hoạt động kinh doanh đối với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và các bên tham gia hợp đồng hoán đổi;

(7) Phạm vi áp dụng: — Mục này không áp dụng đối với giao dịch mà:

(A) Được khởi xướng bởi Chủ thể đặc biệt về đơn vị thực hiện hợp đồng hoán đổi hoặc thực hiện hợp đồng hối đoái;

(B) Là giao dịch mà giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc các bên tham gia hợp đồng hoán đổi không thể biết rõ được đối tác của mình;

(i) Các chuẩn mực chứng từ:

(1) Các quy định chung: Giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc các bên tham gia hợp đồng hoán đổi đã đăng ký phải tuân thủ các chuẩn mực (do UB đặt ra theo quy định của pháp luật) liên quan đến tính chính xác và kịp thời của việc xác nhận, xử lý, tính toán trị giá ròng, cung cấp tài liệu, chứng từ và giá trị của các hợp đồng hoán đổi.

(2) Các luật lệ: UB có trách nhiệm phải thông qua và thực thi các luật lệ điều chỉnh các chuẩn mực chứng từ đối với giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi.

(j) Các nghĩa vụ: Giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi luôn luôn phải tuân thủ các yêu cầu sau đây:

(1) Giám sát giao dịch: Giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi phải thường xuyên giám sát các giao dịch liên quan đến hợp đồng hoán đổi của mình để ngăn chặn các vi phạm về giới hạn vị thế mà mình phải tuân thủ;

(2) Các thủ tục quản lý rủi ro: Giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi phải thiết lập các cơ chế quản lý rủi ro đủ chuyên nghiệp và vững mạnh để quản lý hoạt động kinh doanh theo ngày của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi đó;

(3) Công bố các thông tin chung: Tùy từng trường hợp cụ thể mà giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi phải công bố cho UB hoặc cho tổ chức có trách nhiệm quản lý giám sát an toàn quản lý điều tiết thận trọng giao dịch viên hợp đồng kỳ hạn và người tham gia hợp đồng kỳ hạn các thông tin liên quan đến:

(A) Các điều kiện và điều khoản của hợp đồng hoán đổi;

(B) Các nghiệp vụ giao dịch hợp đồng hoán đổi, cơ chế và thông lệ;

(C) Các biện pháp bảo vệ tính toàn vẹn về mặt tài chính của các hợp đồng hoán đổi; và

(D) Các thông tin cần thiết khác có liên quan đến hoạt động giao dịch hợp đồng hoán đổi;

(4) Khả năng thu thập thông tin: Giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi có nghĩa vụ: —

(A) Thiết lập các cơ chế và trình tự nội bộ để thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện chức năng mô tả trong mục này của mình;

(B) Cung cấp thông tin cho UB hoặc cho tổ chức chịu trách nhiệm quản lý giám sát an toàn chịu trách nhiệm giám sát khi có yêu cầu.

(5) Xung đột lợi ích: Giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi phải áp dụng các trình tự và hệ thống xử lý xung đột lợi ích như sau:

(A) Thiết lập các biện pháp bảo vệ mang tính cơ cấu và thể chế để đảm bảo rằng các hoạt động của bất kỳ cá nhân nào trong một doanh nghiệp có liên quan đến nghiên cứu hoặc phân tích giá cả hay thị trường đối với bất kỳ loại hàng hóa hoặc hợp đồng hoán đổi nào hoặc hành động với vai trò cung cấp các dịch vụ thanh toán bù trừ hoặc ra quyết định chấp nhận khách hàng thanh toán bù trừ - được tách biệt - bởi các bộ phận thông tin được phân chia thích hợp trong nội bộ doanh nghiệp đó –không bị rà soát, chịu áp lực hoặc giám sát mà sự tham gia của họ vào quá trình định giá, giao dịch hoặc thanh toán bù trừ có thể làm thiên lệch đánh giá hoặc công tác giám sát của họ và vi phạm Bộ nguyên tắc cơ bản về tiếp cận công khai và các chuẩn mực hành nghề kinh doanh được mô tả trong Đạo Luật này; và

(B) Xử lý các vấn đề mà UB cho là thích hợp.

(6) Các biện pháp chống độc quyền: — Trừ trường hợp cần thiết hoặc thích hợp để đạt được mục đích của Đạo Luật này, giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi không được phép:

(A) Thực hiện hành động hoặc quá trình có thể gây ra cản trở không đáng có cho thương mại;

(B) Gây ra các cản trở lớn lên công tác chống cạnh tranh gây cản trở cho giao dịch và thanh toán bù trừ.

(7) Các luật lệ: Căn cứ vào tiêu mục này, UB có trách nhiệm đặt ra các luật lệ điều chỉnh trách nhiệm của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi và người tham gia hợp đồng hoán đổi.

(k) Đề cử Giám sát trưởng:

(1) Quy định chung: Mỗi giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi phải đề cử một ứng viên (là cá nhân) làm Giám sát trưởng

(2) Trách nhiệm: — Giám sát trưởng có trách nhiệm:

(A) Có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị hoặc cán bộ cao cấp của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi;

(B) Tiến hành rà soát sự tuân thủ của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi với các yêu cầu được quy định trong mục này;

(C) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị hoặc 1 cơ quan khác có chức năng hoạt động tương tự Hội đồng quản trị hoặc cán bộ cấp cao của tổ chức để giải quyết bất kỳ xung đột lợi ích nào có thể phát sinh.

(D) Chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi chính sách hoặc thủ tục, trình tự cần phải tuân thủ mục này;

(E) Đảm bảo sự tuân thủ Đạo Luật này (bao gồm cả các quy tắc) liên quan đến hợp đồng hoán đổi bao gồm các luật lệ quy định bởi UB căn cứ vào mục này.

(F) Thiết lập quy trình, thủ tục để khắc phục các nguyên tắc chưa được tuân thủ do Giám sát trưởng chỉ ra bằng bất kỳ cách nào trong các cách dưới đây; —

(i) Rà soát tuân thủ;

(ii) Xem xét lại;

(iii) Kết quả kiểm toán nội bộ hoặc kiểm toán độc lập bên ngoài;

(iv) Các lỗi được tự báo cáo;

(v) Phàn nàn, khiếu nại còn hiệu lực;

(G) Thiết lập và tuân thủ các quy trình phù hợp với việc xử lý, quản lý các phản ứng, biện pháp khắc phục, tái thử nghiệm và chấm dứt các vấn đề chưa được tuân thủ.

(3) Báo cáo thường niên: —

(A) Quy định chung: — Căn cứ vào các luật lệ do UB ban hành, hàng năm Giám sát trưởng có trách nhiệm chuẩn bị và ký xác nhận vào báo cáo trong đó bao gồm các nội dung mô tả các điều sau:

(i) Sự tuân thủ của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi với Đạo Luật này (bao gồm cả các quy định); và

(ii) Bất kỳ chính sách hoặc trình tự, thủ tục áp dụng cho giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi mà Giám sát trưởng đặt ra (bao gồm cả các quy tắc đạo đức và chính sách liên quan đến xung đột lợi ích)

(B) Các yêu cầu: — Báo cáo tuân thủ căn cứ vào tiêu đoạn (A) phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

(i) Đính kèm với một báo cáo tài chính phù hợp của giao dịch viên hợp đồng hoán đổi hoặc người tham gia hợp đồng hoán đổi mà theo mục này phải được cung cấp cho UB;

(ii) Đính kèm với giấy chứng nhận rằng Bản báo cáo tuân thủ này là chính xác và đầy đủ.”.

MỤC 939A: ĐÁNH GIÁ SỰ PHỤ THUỘC VÀO CÁC XẾP HẠNG

(a) Cơ quan tiến hành rà soát, đánh giá: Trong vòng 1 năm kể từ khi điều này có hiệu lực, mỗi cơ quan cấp liên bang – trong phạm vi trách nhiệm liên quan – phải tiến hành rà soát, đánh giá lại các yếu tố sau: —

(1) Đánh giá lại bất kỳ quy định nào do mình ban hành mà cần sử dụng bản đánh giá độ tin cậy của một công cụ trên thị trường chứng khoán hoặc thị trường tiền tệ; và

(2) Bất kỳ tham chiếu đến hoặc yêu cầu nào đặt ra trong các quy định liên quan đến xếp hạng tín nhiệm.

(b) Các điều chỉnh bắt buộc: Căn cứ vào quá trình rà soát thực hiện theo yêu cầu của tiêu mục (a), các cơ quan tiến hành rà soát đánh giá phải tiến hành sửa đổi bất kỳ quy định dựa trên kết quả rà soát – để nhằm mục đích gỡ bỏ bất kỳ tham chiếu nào đến hoặc yêu cầu về sự phụ thuộc vào xếp hạng tín nhiệm và căn cứ vào các quy định đó, báo cáo các chuẩn mực của độ tin cậy tín nhiệm mà mỗi cơ quan khác nhau lại xác định là có phù hợp với các quy định đó không. Trong quá trình đó, cơ quan chịu trách nhiệm rà soát-đánh giá có nghĩa vụ phải tìm cách thiết lập các tiêu chuẩn thống nhất về độ tin cậy tín nhiệm mà cơ quan này sử dụng, tiến hành xem xét cẩn thận các chủ thể là đối tượng do cơ quan này điều tiết và mục đích của việc yêu cầu các chủ thể này tuân thủ các tiêu chuẩn về độ tin nhiệm.

(c) Báo cáo: Sau khi có báo cáo kết luận công tác rà soát – đánh giá theo yêu cầu của tiêu mục (a), các cơ quan liên bang phải nộp báo cáo cho Quốc hội trong đó mô tả sửa đổi của các quy định mà cơ quan này đã tiến hành theo tiêu mục (b).

ĐIỀU 941: QUY ĐỊNH VỀ DUY TRÌ RỦI RO TÍN DỤNG

(a) Định nghĩa chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản: Mục 3(a) của Đạo luật Chứng khoán và Ngoại hối 1934 (15 U.S.C. 78c(a)) được sửa đổi bằng cách thêm vào cuối mục này nội dung sau đây:

(77) Chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản:

Cụm từ “Chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản” có nghĩa là:

(i) Trái vụ được đảm bảo bằng văn tự thế chấp;

(ii) Trái vụ được đảm bảo bằng các khoản nợ;

(iii) Trái vụ được đảm bảo bằng văn tự thế chấp;

(iv) Trái vụ được đảm bảo bằng nợ của chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản;

(v) Trái vụ được đảm bảo bằng nợ của các trái vụ được đảm bảo bằng nợ khác; và

(vi) Loại chứng khoán mà UB, căn cứ vào pháp luật, xác định xem liệu nó có phải là chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại mục này; và

(B) Không bao gồm chứng khoán do tổ chức tài chính là chi nhánh/công ty con của công ty gia đình hoặc là công ty do công ty gia đình khác kiểm soát trong trường hợp không hề có chứng khoán nào do tổ chức tài chính là chi nhánh kia thực hiện được 1 thể chế không chịu sự kiểm soát của công ty mẹ nắm giữ.

(b) Duy trì rủi ro tín dụng: Đạo luật Chứng khoán và Ngoại hối 1934 (15 U.S.C. 78a et seq.) được sửa đổi bằng cách thêm vào Mục 15F nội dung sau đây:

MỤC 15G: DUY TRÌ RỦI RO TÍN DỤNG

(a) Định nghĩa: Trong mục này

(b) Cụm từ “Các cơ quan quản lý ngân hàng liên bang” có nghĩa là Cơ quan giám sát tiền tệ, Hội đồng Thống đốc của Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ Fed và Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi liên bang FDIC.;

(2) Cụm từ “Tổ chức nhận tiền gửi tham gia bảo hiểm tiền gửi” có nghĩa giống với cụm từ này trong Mục 3(c) của Đạo luật Bảo hiểm tiền gửi liên bang (12 U.S.C. 1813(c));

(3) Cụm từ “Nhà chứng khoán” có nghĩa là:

(A) Tổ chức phát hành chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản; hoặc

(B) Cá nhân/tổ chức sắp xếp và khởi động giao dịch chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản bằng việc bán hoặc chuyển nhượng – có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp và có thể thông qua chi nhánh – cho người phát hành; và

(4) Cụm từ “Người khởi xướng” có nghĩa là:

(A) Thông qua việc mở rộng tín dụng hoặc các biện pháp khác, tạo ra tài sản tài chính thế chấp cho chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản; và

(B) Bán tài sản trực tiếp hoặc gián tiếp cho tổ chức phát hành chứng khoán;

(b) Các quy định bắt buộc:

(1) Quy định chung: Trong vòng 270 ngày kể từ ngày mục này có hiệu lực; các cơ quan quản lý ngân hàng liên bang và UB có trách nhiệm phối hợp với nhau để ban hành các quy định yêu cầu các tổ chức phát hành chứng khoán duy trì lợi ích kinh tế dựa trên tỷ lệ rủi ro tín dụng hợp lý cho bất kỳ tài

sản nào mà tổ chức phát hành chứng khoán – thông qua việc phát hành chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản – chuyển nhượng, bán, hoặc chuyển cho bên thứ 3.

(2) Thế chấp vay mua nhà: Trong vòng 270 ngày kể từ ngày mục này chính thức có hiệu lực, các cơ quan quản lý ngân hàng liên bang, UB, Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Phát triển đô thị, Cơ quan tài chính nhà ở liên bang có nghĩa vụ phối hợp ban hành các quy định yêu cầu tổ chức phát hành chứng khoán duy trì lợi ích kinh tế với tỷ lệ rủi ro tín dụng hợp lý đối với bất kỳ khoản tài sản thế chấp nhà ở nào mà tổ chức phát hành chứng khoán – thông qua việc phát hành chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản – bán, chuyển nhượng, sang tên cho bên thứ 3.

(c) Tiêu chuẩn của các quy định:

(1) Các tiêu chuẩn: Các quy định đề ra căn cứ vào tiêu mục (b) phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

(A) Nghiêm cấm tổ chức phát hành chứng khoán không được mua bán đối xung hoặc chuyển nhượng (đù là trực tiếp hay gián tiếp) rủi ro tín dụng mà tổ chức này bị yêu cầu phải giữ lại liên quan đến tài sản:

(B) Yêu cầu tổ chức phát hành chứng khoán giữ lại:

(i) Không ít hơn 5% rủi ro tín dụng đối với bất kỳ tài sản nào thuộc các dạng sau đây:

(I) Không phải là khoản nợ nhà ở đủ tiêu chuẩn được bán, chuyển nhượng, sang tên thông qua việc phát hành chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức phát hành; hoặc

(II) Là khoản nợ thế chấp nhà ở đủ tiêu chuẩn được bán, chuyển nhượng, sang tên thông qua việc phát hành chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức phát hành, nếu 1 hoặc nhiều hơn các loại tài sản được dùng để thế chấp chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản không phải là khoản nợ thế chấp nhà đủ tiêu chuẩn; hoặc

(ii) ít hơn 5% rủi ro tín dụng đối với bất kỳ tài sản nào không phải là khoản nợ thế chấp nhà đủ tiêu chuẩn được bán, chuyển nhượng, sang tên thông qua việc phát hành chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức phát hành, nếu như tổ chức hình thành tài sản này đáp ứng được các tiêu chuẩn bảo lãnh phát hành căn cứ vào đoạn (2)(B);

(C) Cụ thể là:

(i) Các dạng thức được phép duy trì rủi ro trong phạm vi quy định tại mục này; và

(ii) Thời gian tối thiểu của việc duy trì rủi ro theo quy định tại mục này; và

(iii) Trong trường hợp tất cả các tài sản dùng để thế chấp cho chứng khoán đảm bảo bằng tài sản là các khoản thế chấp nhà đủ tiêu chuẩn, tổ chức phát hành không cần phải giữ lại bất kỳ khoản rủi ro tín dụng nào đối với tài sản được bán, chuyển nhượng, sang tên thông qua việc phát hành chứng khoán đảm bảo bằng tài sản của tổ chức phát hành.

(D) Bất kể việc tổ chức phát hành chứng khoán có là tổ chức nhận tiền gửi và tham gia bảo hiểm tiền gửi hay không, áp dụng; —

(E) Liên quan đến các khoản thế chấp thương mại, phải cụ thể hóa các dạng thức, số lượng của duy trì rủi ro chấp nhận được và thỏa mãn các yêu cầu quy định tại tiêu đoạn (B), mà trong quyết định của các cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang và UB có thể bao gồm:

(i) Duy trì một tỷ lệ % cụ thể của tổng thể rủi ro tín dụng của tài sản;

(ii) Duy trì vị thế “first-loss position” của bên mua thứ 3 – bên đã đàm phán cụ thể về việc mua lại các “first-loss position” này, nắm giữ đủ các nguồn lực tài chính để đề phòng thua lỗ, quan tâm đúng mức tới tất cả các tài sản cá nhân trước khi phát hành chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản và đáp ứng các tiêu chuẩn của việc duy trì rủi ro giống như các tiêu chuẩn mà các cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang và UB yêu cầu tổ chức phát hành phải thực hiện;

(iii) Các tổ chức ngân hàng cấp liên bang và UB xác định xem liệu các tiêu chuẩn và các kiểm soát việc bảo lãnh phát hành đã đầy đủ và hợp lý hay chưa;

(iv) Điều khoản về việc đại diện và đảm bảo đầy đủ cùng các cơ chế thực hiện có liên quan; và

(F) Thiết lập các tiêu chuẩn phù hợp với việc duy trì lợi ích kinh tế liên quan đến các trái vụ được thế chấp bằng nợ, chứng khoán được thế chấp bởi các khoản trái vụ được thế chấp bằng nợ và các công cụ tương tự được thế chấp bởi các chứng khoán đảm bảo bằng tài sản; và

(G) Chuẩn bị cho việc:

(i) Miễn trừ thuế một phần hoặc toàn phần cho việc chuyển thành chứng khoán nếu như việc này phù hợp với lợi ích của công chúng và nhằm mục đích bảo vệ nhà đầu tư;

(ii) Miễn thuế một phần hoặc toàn phần việc chuyển thành chứng khoán loại tài sản được phát hành hoặc bảo lãnh bởi Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ hoặc tổ chức thuộc Chính phủ Hoa Kỳ khi cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang và UB phối hợp cùng nhau quyết định là phù hợp với lợi ích của công chúng và mục đích bảo vệ nhà đầu tư trừ trường hợp trong phạm vi quy định tại các tổ chức như Hiệp hội thế chấp nhà ở liên bang và Tổng công ty cho vay thế chấp nhà ở không phải là tổ chức thuộc Chính phủ liên bang Hoa Kỳ.

(iii) Miễn thuế một phần hoặc toàn phần cho bất kỳ loại chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản nào được phát hành hoặc bảo lãnh bởi 1 bang của Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ, hoặc do đơn vị chính trị nhỏ hơn thuộc Bang, vùng lãnh thổ, hoặc do tổ chức phát hành thuộc Bang, vùng lãnh thổ mà không phải đăng ký theo Đạo luật Chứng khoán 1933 căn cứ vào Mục 3(a)(2) của Đạo Luật này (15 U.S.C. 77c(a)(2)), hoặc loại chứng khoán được xác định là trái phiếu được phát hành vì mục đích tài trợ cho sinh viên tại Mục 150(d)(2) của Bộ luật Ngân sách Liên bang 1986, phù hợp với lợi ích của công chúng và mục tiêu bảo vệ nhà đầu tư; và

(iv) Việc phân bổ trách nhiệm duy trì rủi ro của tổ chức phát hành chứng khoán và người tạo ra tài sản trong trường hợp tổ chức phát hành mua tài sản của người tạo ra tài sản trong trường hợp các cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang và UB xác định là phù hợp.

(2) Phân loại tài sản:

(A) Các loại tài sản: Các quy định đặt ra tại tiểu mục (b) phải phân loại được các tài sản thành các dạng khác nhau với các luật lệ riêng biệt cho các tổ chức phát hành ra các loại tài sản khác nhau, bao gồm các khoản thế chấp nhà ở, thế chấp thương mại, nợ thương mại, nợ tự động và bất kỳ loại hình tài sản nào khác mà các tổ chức ngân hàng cấp liên bang và UB thấy là phù hợp.

(B) Nội dung: Đối với mỗi loại hình tài sản được xác định tại tiểu đoạn (A), các quy định đặt ra tại tiểu mục (b) phải bao gồm các tiêu chuẩn về bảo lãnh phát hành do các cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang thiết lập trong đó nêu rõ các điều kiện, điều khoản và đặc điểm của khoản nợ có rủi ro tín dụng thấp nằm trong loại tài sản đó.

(d) Người tạo ra tài sản: Nhằm quyết định cách thức phân chia nghĩa vụ duy trì rủi ro giữa tổ chức phát hành và tổ chức tạo ra tài sản căn cứ vào tiểu mục (c)(1)(E)(iv), các cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang và UB có nghĩa vụ phải:

(1) Giảm thiểu tỷ lệ % của nghĩa vụ duy trì rủi ro của tổ chức phát hành một lượng đúng bằng tỷ lệ % của nghĩa vụ duy trì rủi ro của người tạo ra tài sản; và

(2) Tiến hành xem xét:

(A) Liệt kê các tài sản bán cho tổ chức phát hành có các điều kiện, điều khoản và đặc điểm phản ánh chúng có rủi ro tín dụng thấp hay không;

(B) Liệt kê dạng thức hoặc khối lượng giao dịch trên các thị trường chứng khoán hóa là động cơ thúc đẩy việc tạo thành nợ hoặc tài sản một cách thiếu thận trọng và bán cho tổ chức phát hành;

(C) Tác động tiềm tàng của các nghĩa vụ duy trì rủi ro đến khả năng tiếp cận vốn vay với các điều khoản phù hợp của người tiêu dùng và doanh nghiệp. Tuy nhiên điều này có thể không bao gồm sự chuyển nhượng của rủi ro tín dụng sang cho bên thứ 3.

(e) Miễn thuế, miễn trừ và điều chỉnh:

(1) Quy định chung: Các cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang và UB có thể cùng thông qua hoặc ban hành các văn bản liên quan đến miễn thuế, miễn trừ và điều chỉnh của các luật lệ được ban hành căn cứ vào mục này, bao gồm các khoản miễn thuế, miễn trừ hoặc điều chỉnh đối với các loại thể chế hoặc tài sản liên quan đến yêu cầu duy trì rủi ro và việc cấm nghiệp vụ mua bán đối xứng căn cứ vào tiểu mục (c)(1).

(2) Các tiêu chuẩn thuộc phạm vi áp dụng: Bất kỳ khoản miễn thuế, miễn trừ hoặc điều chỉnh nào được các cơ quan quản lý ngân hàng liên bang và UB ban hành phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

(A) Đảm bảo các tiêu chuẩn bảo lãnh phát hành có chất lượng cao cho tổ chức phát hành và người tạo ra tài sản.

(B) Khuyến khích các tổ chức phát hành và người tạo ra tài sản có các hoạt động quản lý rủi ro một cách phù hợp, cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng ưu đãi của các doanh nghiệp và người tiêu dùng, hoặc phải vì lợi ích của công chúng và mục đích bảo vệ nhà đầu tư;

(3) Miễn thuế cho một số thể chế và chương trình đặc biệt:

(A) Các tổ chức hệ thống tín dụng nông dân: bất kể điều khoản nào của mục này, các yêu cầu của mục này sẽ không áp dụng cho bất kỳ khoản vay nợ nào hoặc các tài sản tài chính được tạo ra, bảo hiểm, đảm bảo hoặc mua lại bởi bất kỳ tổ chức nào chịu sự giám sát của Cơ quan quản lý tín dụng nông nghiệp bao gồm cả Tổng công ty cho vay thế chấp nông nghiệp liên bang.

(B) Các chương trình liên bang khác: Mục này sẽ không được áp dụng cho bất kỳ tài sản nợ cầm cố nào thuộc dạng nhà ở, liên quan đến nhiều gia đình hay các cơ sở y tế hoặc quá trình chứng khoán hóa dựa trên tài sản đó – dù là trực tiếp hay gián tiếp, vốn được bảo hiểm hoặc bảo đảm bởi Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ hoặc cơ quan thuộc Chính phủ Hoa Kỳ. Nhằm thực hiện các mục tiêu của mục này, Hiệp hội cho vay thế chấp quốc gia (Federal National Mortgage Association – FNMA), Tổng công ty cho vay cầm cố nhà cấp liên bang và các ngân hàng cho vay mua nhà cấp liên bang không được coi là cơ quan trực thuộc Chính phủ Hoa Kỳ.

(4) Miễn thuế cho các khoản cho vay cầm cố nhà ở:

(A) Quy định chung: Các cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang, UB, Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Phát triển đô thị, Giám đốc cơ quan tài chính nhà liên bang có nghĩa vụ phối hợp ban hành các quy định để miễn trừ các khoản vay thế chấp nhà ở đủ tiêu chuẩn không phải chịu sự điều chỉnh của các yêu cầu về duy trì rủi ro theo quy định tại tiểu mục này.

(B) Khoản cho vay thế chấp nhà ở đạt chuẩn: Các tổ chức ngân hàng cấp liên bang, UB, Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Phát triển đô thị cùng với Giám đốc cơ quan tài chính nhà liên bang có nghĩa vụ phối hợp xác định chính xác định nghĩa của cụm từ “Khoản vay thế chấp nhà ở đủ tiêu chuẩn” là gì nhằm thực hiện mục đích của mục này, xem xét các đặc điểm về sản phẩm và bảo lãnh phát hành mà các số liệu trong lịch sử hoạt động cho thấy sẽ dẫn đến rủi ro vỡ nợ thấp hơn, chẳng hạn như:

(i) Cung cấp tài liệu và xác nhận các nguồn lực tài chính để xác nhận là người đi vay thế chấp là đủ tiêu chuẩn;

(ii) Các tiêu chuẩn liên quan đến:

(I) Thu nhập còn lại của người đi vay thế chấp sau khi đã trừ hết các khoản phải nộp hàng tháng;

(II) Tỷ lệ thanh toán tiền nhà của người đi vay so với tỷ lệ thu nhập hàng tháng của họ;

(III) Tỷ lệ của tổng cộng các khoản trả góp hàng tháng so với thu nhập hàng tháng của người đi vay thế chấp;

(iii) Giảm thiểu khả năng xảy ra các cú sốc về tỷ lệ có khả năng điều chỉnh thông qua các đặc trưng của sản phẩm và tiêu chuẩn bảo lãnh phát hành;

(iv) Bảo hiểm của các khoản bảo lãnh cho vay thế chấp hoặc các dạng khác của nâng cao tín nhiệm đạt được khi tạo ra tài sản với điều kiện là việc bảo hiểm hoặc nâng cao tín nhiệm này có tác dụng giảm thiểu rủi ro vỡ nợ; và

(v) Cấm hoặc hạn chế việc sử dụng các khoản thanh toán một lần, khấu hao âm, các khoản phạt trước thanh toán, chỉ thanh toán lãi suất và các đặc điểm khác mà người đi vay có rủi ro vỡ nợ cao hơn.

(C) Giới hạn về định nghĩa: Trong quá trình xác định khái niệm “khoản nợ thế chấp nhà đạt chuẩn”, các cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang, UB, Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Phát triển đô thị cùng với giám đốc Cơ quan tài chính nhà ở liên bang, theo yêu cầu quy định tại tiểu đoạn (B), có nghĩa vụ phải xác định khái niệm này không được rộng hơn khái niệm “khoản vay thế chấp đạt chuẩn” được định nghĩa tại Mục 129C(c)(2) của Đạo luật Sự thật khi cho vay như được sửa đổi bởi Đạo luật Bảo vệ tài chính tiêu dùng 2010 và các quy định được thông qua sau đó.

(5) Điều kiện để được miễn thuế của khoản vay thế chấp nhà đạt chuẩn: Các quy định ban hành căn cứ vào đoạn (4) phải đảm bảo rằng chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản được thế chấp bởi các phần nợ trả mỗi lần của các chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản sẽ không được miễn trừ khỏi các yêu cầu duy trì rủi ro của tiểu mục này.

(6) Chứng nhận: UB có nghĩa vụ yêu cầu nhà phát hành phải chứng nhận, đối với mỗi lần phát hành chứng khoán đảm bảo bằng tài sản được thế chấp bởi các khoản vay thế chấp nhà ở đạt chuẩn mà người phát hành đã đánh giá tính hiệu quả của công tác kiểm tra – giám sát nội bộ của mình nhằm đảm bảo rằng tất cả các loại tài sản dùng để thế chấp cho chứng khoán đảm bảo bằng tài sản đều là các khoản vay thế chấp nhà ở đạt chuẩn.

(f) Thực thi: Các quy định được ban hành căn cứ vào mục này phải được thực thi bởi các tổ chức sau:

(1) Cơ quan quản lý ngân hàng cấp liên bang có trách nhiệm liên quan và có xem xét yếu tố tổ chức phát hành chứng khoán là tổ chức nhận tiền gửi đã tham gia bảo hiểm tiền gửi; và

(2) UB đối với các tổ chức phát hành không phải là tổ chức nhận tiền gửi tham gia bảo hiểm tiền gửi.

(g) Quyền hạn của UB: Quyền hạn của UB căn cứ vào mục này sẽ được bổ sung vào các quyền của UB khi thực thi các luật lệ về chứng khoán.

(h) Quyền điều phối quá trình ban hành luật lệ: Chủ tịch Hội đồng Giám sát Ổn định tài chính có trách nhiệm điều phối toàn bộ quá trình làm luật theo yêu cầu của mục này.

(i) Ngày các quy định có hiệu lực: Các luật lệ ban hành căn cứ vào mục này sẽ có hiệu lực:

(1) Đối với các tổ chức phát hành và tổ chức tạo ra các loại chứng khoán được đảm bảo bằng tài sản với tài sản đảm bảo cụ thể là các khoản cho vay thế chấp nhà ở, các quy định này sẽ có hiệu lực trong vòng 1 năm sau khi các luật lệ cuối cùng ban hành căn cứ vào mục này được đăng tải công khai ở Cục đăng kiểm liên bang (Federal Register).

(2) Đối với tổ chức phát hành và tổ chức tạo ra các loại chứng khoán đảm bảo bằng tài sản mà tài sản đảm bảo không phải là các khoản cho vay thế chấp nhà ở, các quy định này sẽ có hiệu lực trong vòng 2 năm kể từ ngày các luật lệ cuối cùng được đăng tải tại Cục đăng kiểm liên bang;

(c) Nghiên cứu về duy trì rủi ro:

(1) Nghiên cứu: Hội đồng Thống đốc của Cục dự trữ liên bang (Fed) phối hợp với Cơ quan giám sát tiền tệ và giám đốc Cơ quan giám sát tiết kiệm, Chủ tịch Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi liên bang và UBCK&NH nghiên cứu tác động kết hợp của các quy định lên mỗi loại chứng khoán bảo đảm bằng tài sản khác nhau được tạo ra theo Mục 15G(c)(2) của Đạo luật Chứng khoán và Ngoại hối 1934, như đã quy định bổ sung vào tiểu mục (b) của:

(A) Các yêu cầu mới về duy trì rủi ro tín dụng có trong sửa đổi căn cứ vào tiểu mục (b) bao gồm cả các tác động mà các yêu cầu mới về duy trì rủi ro tín dụng có lên việc gia tăng thị trường cho các khoản nợ được ưu đãi cấp liên bang; và (B) Báo cáo kế toán tài chính 166 và 167 do Ủy ban Tiêu chuẩn kế toán tài chính ban hành.

(2) Báo cáo: — Trong vòng 90 kể từ ngày Đạo Luật này có hiệu lực, Hội đồng Thống đốc của Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ Fed có trách nhiệm phải nộp báo cáo về các nghiên cứu đã tiến hành cho Quốc hội theo quy định tại đoạn (1). Các báo cáo này phải bao gồm các đề xuất về pháp lý và quản lý, điều hành nhằm loại bỏ bất cứ tác động tiêu cực nào lên các thị trường chứng khoán hóa được đảm bảo bằng tài sản và lên tính sẵn có của các khoản cho vay mới được dựa trên kết quả nghiên cứu.

PHẦN 956 TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BÁO CÁO CỦA CƠ CHẾ BỒI HOÀN

(a) Tăng cường cung cấp thông tin và báo cáo của Cơ chế bồi hoàn. —

(1) Quy định chung. — Trong vòng 9 tháng sau khi ban hành phần này, cơ quan quản lý liên bang có trách nhiệm liên quan có trách nhiệm phối hợp xây dựng các quy định hoặc hướng dẫn yêu cầu tổ chức tài chính được bảo hiểm phải cung cấp đủ thông tin cho cơ quan quản lý liên bang hữu quan về cơ cấu tất cả các chế bồi hoàn dựa trên các khuyến khích do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đó chào bán để quyết định xem có chế bồi hoàn đó —

(A) có bồi hoàn cho giám đốc điều hành, nhân viên, giám đốc, hoặc cổ đông chính của tổ chức tài chính đó những khoản lợi nhuận, phí hay bồi hoàn quá mức; hoặc

(B) có thể dẫn đến nguy cơ thiệt hại tài chính lớn cho tổ chức tài chính tham gia bảo hiểm tiền gửi đó.

(2) Nguyên tắc xây dựng. — Các quy định tại phần này sẽ không được hiểu là quy định yêu cầu báo cáo về việc bồi hoàn thực tế của một cá nhân cụ thể nào. Những quy định tại phần này cũng sẽ không được hiểu là quy định yêu cầu một tổ chức tài chính tham gia bảo hiểm tiền gửi không có cơ chế thanh toán dựa trên các khuyến khích phải cung cấp thông tin theo yêu cầu tại tiểu mục này.

(b) Điều khoản cấm thực hiện đối với một số Cơ chế bồi hoàn. — Trong vòng 9 tháng sau ngày ban hành phần này, các cơ quan quản lý liên bang hữu quan có trách nhiệm phối hợp xây dựng các quy định hoặc hướng dẫn quy định cấm một số loại cơ chế thanh toán dự trên các khuyến khích, hoặc các đặc điểm của cơ chế thanh toán mà cơ quan quản lý xác định rằng có thể khuyến khích các tổ chức tài chính tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện các hoạt động có rủi ro cao như —

(1) bồi hoàn cho giám đốc điều hành, nhân viên, giám đốc, hoặc các cổ đông chính của tổ chức tài chính tham gia bảo hiểm tiền gửi những khoản lợi nhuận, phí hoặc khoản bồi hoàn vượt mức, hoặc có thể dẫn đến thiệt hại tài chính lớn cho tổ chức tài chính tham gia bảo hiểm tiền gửi bảo hiểm tiền gửi đó.

(c) Các tiêu chuẩn. — Các cơ quan quản lý liên bang có trách nhiệm liên quan có trách nhiệm —

(1) đảm bảo rằng các tiêu chuẩn về bồi hoàn được quy định tại tiểu mục (a) hoặc (b) phải phù hợp, tương thích với các tiêu chuẩn quy định tại Luật bảo hiểm tiền gửi Mỹ (12 U.S.C.2 1831p-1) áp dụng đối với các tổ chức nhận tiền gửi tham gia bảo hiểm tiền gửi; và

(2) khi xây dựng các tiêu chuẩn theo quy định tại các tiểu mục này, cần phải xem xét các tiêu chuẩn bồi hoàn quy định tại Phần 39(c) của Luật bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ (12 U.S.C. 1831p- 9 1(c)).

(d) chế tài thực hiện. — Các quy định tại phần này và các quy định được ban hành theo quy định tại phần này sẽ được thực thi theo quy định tại Phần 505 Luật Gramm-Leach-Bliley và, theo quy định, việc vi phạm các quy định tại phần này hoặc các quy định đó sẽ được coi là sự vi phạm tiểu đề mục A của đề mục V của Luật đó.

(e) định nghĩa. — như quy định trong phần này —

(1) thuật ngữ “cơ quan quản lý liên bang có trách nhiệm liên quan” có nghĩa là Hội đồng thống đốc của Cục dự trữ liên bang, Cơ quan quản lý tiền tệ, Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ, giám đốc Cơ quan giám sát tổ chức tiết kiệm, Hội đồng quản lý liên đoàn tín dụng nhân dân, Ủy ban ngoại hối và chứng khoán, Cơ quan quản lý tài chính cho vay mua nhà cấp liên bang; và

(2) thuật ngữ “tổ chức tài chính tham gia bảo hiểm tiền gửi” có nghĩa —

(A) một tổ chức nhận tiền gửi hoặc công ty sở hữu tổ chức nhận tiền gửi, thông thường được hiểu là những thuật ngữ theo quy định tại Phần 3 Luật bảo hiểm tiền gửi liên bang (12 U.S.C. 1813);

(B) một đại lý môi giới đăng ký theo quy định tại Phần 15 của Luật ngoại hối chứng khoán năm 1934 (15 U.S.C. 78o);

(C) một quỹ tín dụng, theo quy định tại Phần 19(b)(1)(A)(iv) của Luật Cục dự trữ liên bang;

(D) một nhà tư vấn đầu tư, như theo định nghĩa tại Phần 202(a)(11) của Luật tư vấn đầu tư năm 1940 (15 U.S.C. 80b-2(a)(11));

(E) Hiệp hội tài sản thế chấp liên bang;

(F) Tổng công ty quản lý tài sản thế chấp các khoản vay mua nhà liên bang; và

(G) một tổ chức tài chính khác mà các cơ quan quản lý liên bang có trách nhiệm liên quan, theo quy định, quyết định rằng tổ chức đó được coi là tổ chức tài chính tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại phần này.

(f) Ngoại trừ một số tổ chức tài chính. — Các yêu cầu quy định tại phần này sẽ không áp dụng đối với tổ chức tài chính được tham gia bảo hiểm tiền gửi có tổng tài sản có dưới 1 tỷ đô la.

PHẦN. 1506 NGHIÊN CỨU VỀ TIỀN GỬI CỐT LỖI VÀ TIỀN GỬI ĐƯỢC MÔI GIỚI MUA BÁN

(a) Nghiên cứu. — FDIC có trách nhiệm tiến hành nghiên cứu đánh giá —

(1) định nghĩa về tiền gửi cốt lỗi nhằm tính toán phí bảo hiểm của ngân hàng;

(2) nguy cơ tác động tới Quỹ bảo hiểm tiền gửi trong việc sửa đổi định nghĩa về các khoản tiền gửi được môi giới mua bán và tiền gửi cốt lỗi nhằm phân biệt rõ hơn các loại tiền gửi;

(3) đánh giá sự khác biệt giữa các khoản tiền gửi cốt lỗi và tiền gửi được môi giới mua bán và vai trò của chúng đối với nền kinh tế và ngành ngân hàng Mỹ;

(4) ảnh hưởng giả định có nguy cơ xảy ra đối với các nền kinh tế địa phương khi định nghĩa lại khái niệm tiền gửi cốt lỗi; và

(5) sự cạnh tranh công bằng giữa các tổ chức lớn và ngân hàng cộng đồng có thể dẫn việc định nghĩa lại tiền gửi cốt lỗi.

(b) Báo cáo Quốc hội. — trong vòng 1 năm sau ngày ban hành Luật này, FDIC có trách nhiệm trình Ủy ban ngân hàng, nhà đất và đô thị của Thượng viện và Ủy ban dịch vụ tài chính của Hạ viện bản báo cáo về kết quả nghiên cứu theo quy định tại tiểu mục (a) bao gồm các khuyến nghị pháp lý, nếu có, nhằm xử lý những quan ngại phát sinh liên quan đến định nghĩa về tiền gửi cốt lỗi và tiền gửi được môi giới mua bán.